

SỨC MẠNH CỦA TỔ CHỨC



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2021**

MỤC LỤC



Chương 1

TỔNG QUAN VỀ VNDIRECT

1. Thông tin chung VNDIRECT	15
2. Chặng đường phát triển	16
3. Ngành nghề kinh doanh	20
4. Giải Thưởng và thành tựu	23
5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	23
6. Định hướng phát triển	24

Chương 2

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Kết quả hoạt động kinh doanh	32
2. Quản trị Nguồn nhân lực	38
3. Hoạt động khối Vận hành	41
4. Hoạt động Quản trị rủi ro	44
5. Thông tin nổi bật về tài chính	46
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	49

Chương 3

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2022

1. Phân tích và nhận định thị trường năm 2022	56
2. Kế hoạch kinh doanh 2022	66
3. Mục tiêu phát triển đội ngũ	67
4. Mục tiêu về công nghệ	67
5. Mục tiêu về hoàn thiện chuỗi giá trị sản phẩm dịch vụ hướng tới khách hàng	67

Chương 4

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu cổ đông	70
2. Hội đồng Quản trị	71
3. Ban kiểm soát	80

Chương 5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

86



Thông điệp CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông,

2021 là một năm rất đặc biệt với tất cả nhân loại trong đó có thị trường chứng khoán Việt Nam và VNDIRECT nói riêng. Covid và ảnh hưởng của nó đã thay đổi khá nhiều các quan điểm xây dựng năng lực tổ chức kinh doanh của rất nhiều tổ chức. Hành vi của khách hàng đã dần làm quen với cách tiếp cận số, và điều đó khiến cho các mô hình tổ chức kinh doanh trên nền tảng số có cơ hội phát triển vượt bậc.

Chúng ta rất may mắn đã lựa chọn Công nghệ làm lợi thế cạnh tranh lõi ngay từ ngày đầu thành lập. Văn hóa số đã được xây dựng và kiến tạo trong tư duy làm việc của tất cả đội ngũ VNDIRECT từ những bạn mới vào Công ty cho đến đội ngũ lãnh đạo cao cấp của Công ty. Ngân sách đầu tư cho Công nghệ luôn là ưu tiên hàng đầu của VNDIRECT trong nhiều năm, và điều đó đã cho chúng ta cơ hội đón nhận được nhà đầu tư mới và năng lực phục vụ khách hàng và quy mô tăng trưởng vô hạn.

Trong suốt năm 2021 VNDIRECT đã tiếp tục kiên trì toàn chuỗi giá trị theo mô hình “customer-centric” để tích hợp được sức mạnh của tổ chức và tối ưu được nguồn lực đội ngũ còn non trẻ và chưa nhiều kinh nghiệm. Việc chuyển đổi cơ cấu tổ chức và thiết kế lại chuỗi giá trị hướng tới khách hàng đã cho phép VNDIRECT nhận được sức mạnh tổ chức và cung cấp được đa dạng sản phẩm dịch vụ theo nhu cầu của nhiều nhóm khách hàng khác nhau, từ nhu cầu giao dịch chứng khoán của nhóm khách hàng cá nhân, đến nhu cầu đầu tư và quản lý ngân quỹ của khách hàng lớn và các dịch vụ tài chính trung gian và dẫn vốn cho khách hàng doanh nghiệp. VNDIRECT đã kiên trì toàn được năng lực tìm kiếm doanh nghiệp có

tiềm năng và mô hình phát triển kinh doanh bền vững của các mảng kinh tế lõi của Việt Nam, phân phối được cơ hội tới các nhà đầu tư và thị trường vốn. Với sức mạnh của bảng cân đối và quy mô vốn chủ sở hữu hiện nay, VNDIRECT đã dần định vị là một định chế tài chính với đầy đủ năng lực của một hệ sinh thái dịch vụ Tài chính – Đầu tư và Chứng khoán có uy tín.

Sau 15 năm hoạt động, VNDIRECT đã thực sự hoàn thiện mô hình kinh doanh và xây dựng được năng lực bảo lãnh phát hành và dẫn vốn cho doanh nghiệp và nền kinh tế. Trong năm 2021, VNDIRECT đã thực hiện bảo lãnh thành công giao dịch huy động vốn với quy mô lên đến 11 nghìn tỷ cùng với Ngân hàng Vietcombank, một giao dịch có quy mô lớn nhất từ trước đến nay. Tổng vốn huy động VNDIRECT thực hiện trong năm 2021 là trên 15 nghìn tỷ đồng và công ty đã xây dựng được một bảng cân đối với tổng tài sản có quy mô trên 37 nghìn tỷ đồng

Với lợi thế của nền tảng khách hàng đã được kiến tạo trong suốt 15 năm hoạt động, cộng với năng lực quản trị và điều hành kinh doanh theo nguyên tắc minh bạch và theo chuẩn mực quốc tế, kết hợp điều kiện tích hợp năng lực công nghệ trong các tổ chức hoạt động kinh doanh, VNDIRECT đã dần tự tin với những nền móng vững chắc, sẵn sàng cho các cơ hội phát triển vươn mình lên một tầm vóc mới, thực hiện được các giao dịch với mức độ phức tạp và quy mô phục vụ khách hàng lớn hơn.

Mặc dù công ty vẫn đang phải đối diện với thách thức của thiếu nguồn lực nhân sự trong bối cảnh thị trường tăng trưởng nóng, cạnh tranh nhân sự cao và nguồn lực cho thị trường chứng khoán còn non trẻ và thiếu kinh nghiệm, VNDIRECT đã liên tục đầu tư và tuyển dụng đội

ngũ sinh viên trẻ xuất sắc để đào tạo và chuẩn bị cho nguồn lực tương lai, đào tạo và huấn luyện đội ngũ lãnh đạo trẻ từ trong công ty lên và kiện toàn lại đội ngũ lãnh đạo cao cấp trong công ty. Đội ngũ VNDIRECT đã dần ổn định và tăng trưởng trở lại trong suốt năm 2021.

Mục tiêu phát triển của VNDIRECT trong năm 2022 là tiếp tục kiện toàn sức mạnh tổ chức từ ba điều kiện tiên đề là năng lực của công nghệ, năng lực vận hành chuỗi giá trị hướng tới khách hàng và năng lực thu hút nguồn lực cho phát triển để chúng ta có thể nâng cao điều kiện kinh doanh và có điều kiện lựa chọn cũng như đón nhận cơ hội tốt hơn.

Hơn bao giờ hết, thị trường chứng khoán Việt Nam đang đứng trước một cơ hội tăng trưởng bền vững mới, khi các doanh nghiệp đã trải qua quá trình tích lũy tư bản, đủ điều kiện tài chính và điều kiện kinh doanh để đón nhận cơ hội của một nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ cao nhất trong khu vực. Các doanh nghiệp Việt Nam đang có thêm cơ hội tiếp cận vốn rẻ, và sự nhận diện của Việt Nam trên bản đồ kinh tế thế giới đã thay đổi hoàn toàn, các định hướng kinh tế chính trị của nhà nước rất thuận lợi cho việc cải thiện hạ tầng cơ sở, hành lang pháp lý của một nền kinh tế thị trường và sự lớn mạnh của các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam. Bên cạnh đó, xu thế lãi suất tiết kiệm ngày càng thấp, khiến nhu cầu đầu tư tài chính trở thành một nhu cầu thiết yếu. Thị trường cũng dần làm quen với các công cụ

đầu tư tài chính an toàn, thay cho sự lựa chọn tiền gửi tiết kiệm. Công nghệ cũng cho phép các công ty mở rộng phạm vi phục vụ khách hàng với chi phí thấp hơn nhiều so với trước đây.

Bên cạnh đó, các điều kiện vĩ mô của kinh tế vĩ mô đang bị ảnh hưởng bởi cuộc chiến Nga-Ukraina và giá nguyên liệu tăng cao, rủi ro của một sự điều chỉnh tăng trưởng của kinh tế toàn cầu sẽ khiến cho thị trường chứng khoán Việt Nam khó thoát khỏi ảnh hưởng. Chiến lược của VNDIRECT luôn được xây dựng khá linh hoạt, liên tục quan sát các điều kiện kinh doanh hiện tại để điều chỉnh và kiến tạo điều kiện lựa chọn tối ưu cho công ty, cùng với việc tiếp tục kiện toàn năng lực phát triển bền vững trong trung và dài hạn.

Chúng tôi tin tưởng rằng, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, tập thể cán bộ nhân viên VNDIRECT sẽ vẫn tiếp tục vững vàng trong việc thực hiện Sứ mệnh phụng sự chung - Xây dựng một thương hiệu VNDIRECT là một định chế tài chính có uy tín trong mắt thị trường trong nước và quốc tế, được ghi nhận là Cổng dịch vụ tài chính - đầu tư - chứng khoán uy tín và minh bạch, với đội ngũ Con người IPAM, với Hệ thống công nghệ tiên dụng và nền tảng tri thức kết nối trí tuệ toàn cầu để khơi thông dòng vốn của toàn dân, tạo cơ hội cho mọi người dân được tham gia cùng các Doanh nghiệp đóng góp vào Giấc mơ Việt Nam - mang lại giá trị phụng sự cho mọi người dân Việt Nam.

Thay mặt cho Hội đồng Quản trị cùng toàn thể ban lãnh đạo và CBNV công ty, tôi xin cảm ơn sự tin tưởng của các quý vị cổ đông và chúng tôi cam kết sẽ luôn phấn đấu học hỏi và hoàn thiện bản thân để có thể cùng nhau thực hiện giấc mơ phụng sự và mang lại giá trị tốt nhất cho tất cả mọi người.

Kính thư!



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phạm Minh Hương

“
**WISDOM
TO SUCCESS**
”

Điểm nhấn HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

01.

Quy mô tổng tài sản tăng trưởng 148%, trở thành một trong những CTCK có quy mô lớn nhất thị trường

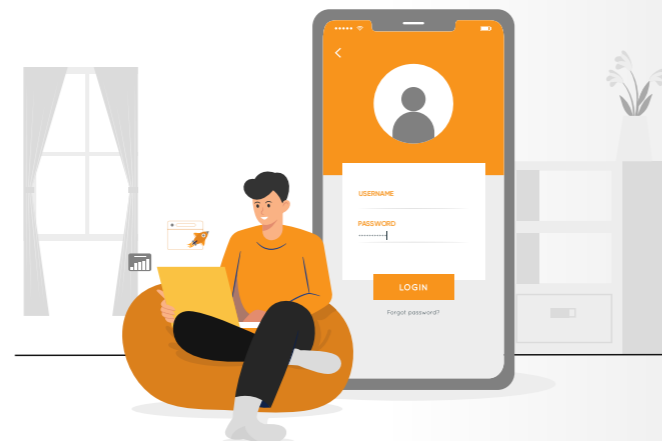
Năm 2021, Tổng tài sản công ty đạt mức 37.095 tỷ đồng, quy mô vốn chủ sở hữu đạt 9.822 tỷ đồng. Sức mạnh của bảng cân đối là tiền đề giúp VNDIRECT củng cố vị thế của một định chế trung gian hàng đầu trong vai trò kết nối và dẫn dắt nguồn vốn trên thị trường vốn Việt Nam. VNDIRECT đã liên tục tăng quy mô nguồn vốn từ cổ đông cũng như các nguồn vốn huy động từ các định chế tài chính trong và ngoài nước. Trong đó, 2 giao dịch huy động vốn quốc tế với quy mô 200 triệu USD đã giúp công ty bắt đầu khẳng định vị thế, uy tín trên thị trường vốn quốc tế.



02.

Số tài khoản cá nhân mở mới chiếm 20% toàn thị trường - khẳng định vị thế là một trong những công ty chứng khoán bán lẻ hàng đầu thị trường.

Với hơn 300.000 nhà đầu tư cá nhân mở mới tài khoản giao dịch chứng khoán trong năm 2021 và chiếm 20% tổng tài khoản mở mới của nhà đầu tư cá nhân toàn thị trường, VNDIRECT tiếp tục kiên định với định hướng cung cấp dịch vụ đầu tư tới mọi khách hàng tại Việt Nam. Tính đến tháng 12/2021, tổng tài sản VNDIRECT quản lý đạt 8,4 tỷ USD, tăng trưởng 117% so với thời điểm cuối năm 2020. Việc số hóa được quy trình mở tài khoản, đào tạo định hướng khách hàng theo luồng DGO đã giúp khách hàng kiến tạo năng lực đầu tư tài chính, xây dựng danh mục tài sản bền vững và quản lý tài sản hiệu quả sau đầu tư.



03.

Hoàn thiện nền tảng sản phẩm dịch vụ hướng tới con đường DGO

Với sứ mệnh xây dựng sức khỏe tài chính và bảo an thịnh vượng cho mọi nhà đầu tư, VNDIRECT tiếp tục hoàn thiện nền tảng sản phẩm dịch vụ của mình bao gồm: **Nền tảng Sale and Service Dlink** - **Trung tâm tư vấn Dgo Advisory** - **Dịch vụ chuyên gia Dcareby**:

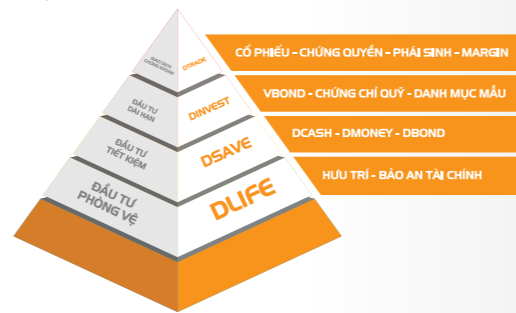
- **Nền tảng Sale and Service Dlink:** với vai trò người dẫn đường và kết nối khách hàng với hệ giá trị sản phẩm và dịch vụ của vndirect, giúp khách hàng tìm kiếm chuyên gia đồng hành và tiếp cận được với trí tuệ tập thể của một đội ngũ làm nghề có lý tưởng phụng sự của VNDIRECT.
- **Trung tâm tư vấn La bàn Đầu tư DGO Advisory** được thành lập với nhiệm vụ cung cấp dịch vụ tư vấn hỗ trợ định hướng đầu tư theo các điều kiện thị trường. Với những nền tảng dữ liệu và bộ các nguyên tắc lựa chọn danh mục cũng như cảnh báo rủi ro, La bàn DGO đang được số hoá để giúp khách hàng có thể tự thiết lập các cảnh báo phù hợp và theo dõi, hành động kịp thời tùy theo biến động thị trường.
- **Dịch vụ chuyên gia Dcareby** : VNDIRECT vốn luôn tự hào có một đội ngũ chuyên gia môi giới có kinh nghiệm và phẩm chất làm nghề của những chuyên gia giao dịch uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Với mục đích mở rộng nền tảng dịch vụ cho mảng đầu tư tài chính, trong năm 2021 công ty đã bổ sung được thêm đội ngũ chuyên gia tư vấn đầu tư WA - wealth advisors. Đây là đội ngũ chuyên gia đầu tiên của thị trường tài chính Việt nam, tập trung vào lý tưởng của một Bác sỹ tài chính gia đình, giúp mọi người dân Việt nam kiến tạo được sức khỏe tài chính và bảo an được sự Thịnh vượng.



04.

Tiếp tục kiện toàn hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ “tài chính – đầu tư – chứng khoán”

- **Trục sản phẩm Dlife** – cung cấp các gói sản phẩm thiết yếu cho các nhu cầu đầu tư bảo vệ sức khoẻ tài chính cá nhân bao gồm tích sản hưu trí, bảo an tài chính (tích hợp giữa bảo hiểm và đầu tư), tích sản theo mục tiêu đường đời;
- **Trục sản phẩm Dsave** – các lựa chọn quản lý ngân quỹ tiền mặt với các lựa chọn từ kỳ hạn qua đêm cho đến các kỳ hạn khác, cung cấp sự linh hoạt trong quản lý tiền mà vẫn có được mức lãi suất cạnh tranh.
- **Trục sản phẩm Dinvest** – các lựa chọn đầu tư dài hạn cho các khách hàng có ít thời gian và kiến thức đầu tư cho đến các khách hàng lớn đang tìm kiếm danh mục đầu tư tài chính như chứng chỉ quỹ mở, ETF, trái phiếu doanh nghiệp, các danh mục đầu tư mẫu do chuyên gia PM lựa chọn và khuyến nghị;
- **Trục sản phẩm Dtrade** – các lựa chọn gói giao dịch combo với mức phí được điều chỉnh cạnh tranh theo rủi ro hay giá trị giao dịch, cho phép VNDIRECT có đủ sự lựa chọn cạnh tranh nhất cho dân giao dịch chứng khoán nhà nghề hay những nhà đầu tư đang trải nghiệm học hỏi.



05.

Bước đầu xây dựng năng lực dẫn vốn cho các Khách hàng Doanh nghiệp

Với định vị tiếp cận các khách hàng doanh nghiệp như một nhà tư vấn ngân hàng đầu tư riêng (private investment banker), VNDIRECT đại diện và đồng hành lợi ích của khách hàng để tư vấn các bước đi trong quá trình xây dựng uy tín và thương hiệu huy động vốn với các định chế đầu tư và thị trường chứng khoán. Năm 2021 VNDIRECT vươn lên trở thành một trong những đơn vị thu xếp vốn hàng đầu trên thị trường Việt Nam, với tổng quy mô tư vấn và bảo lãnh phát hành trái phiếu doanh nghiệp đạt 113.018 tỷ đồng. Trong đó, Công ty đã tư vấn và phát hành thành công 11.000 tỷ đồng trái phiếu cho tập đoàn Trung Nam thực hiện dự án điện gió lớn nhất Đông Nam Á, đánh dấu một bước chuyển mình trong năng lực dẫn vốn của CTCK trên thị trường Việt Nam.

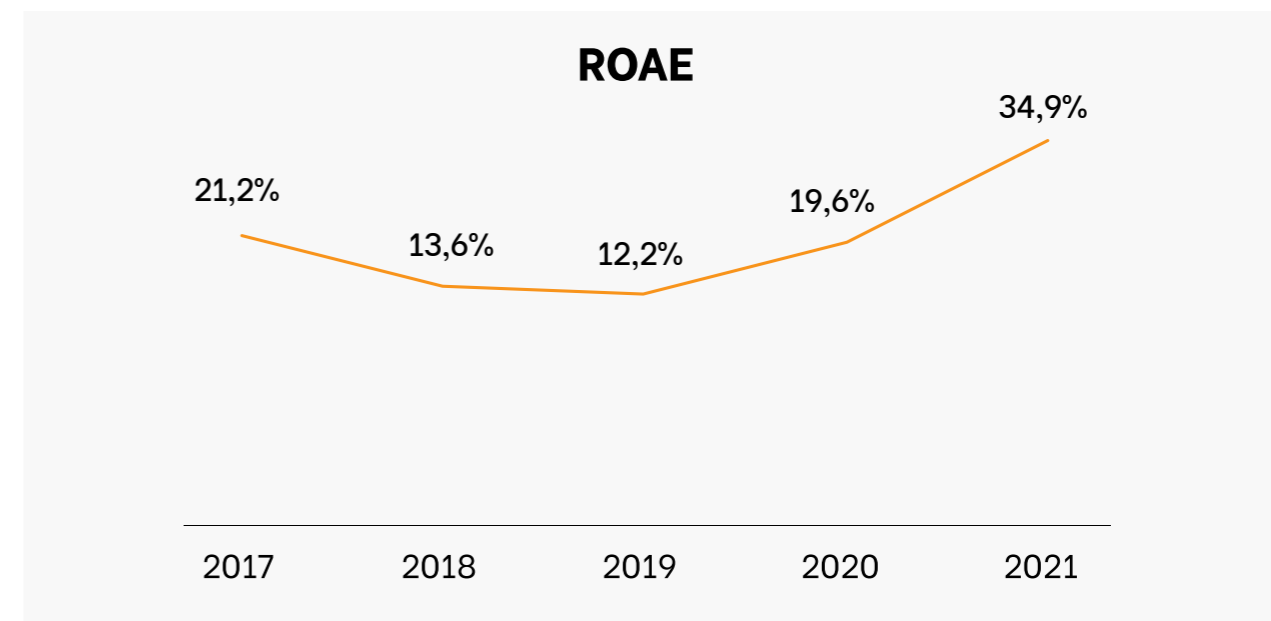
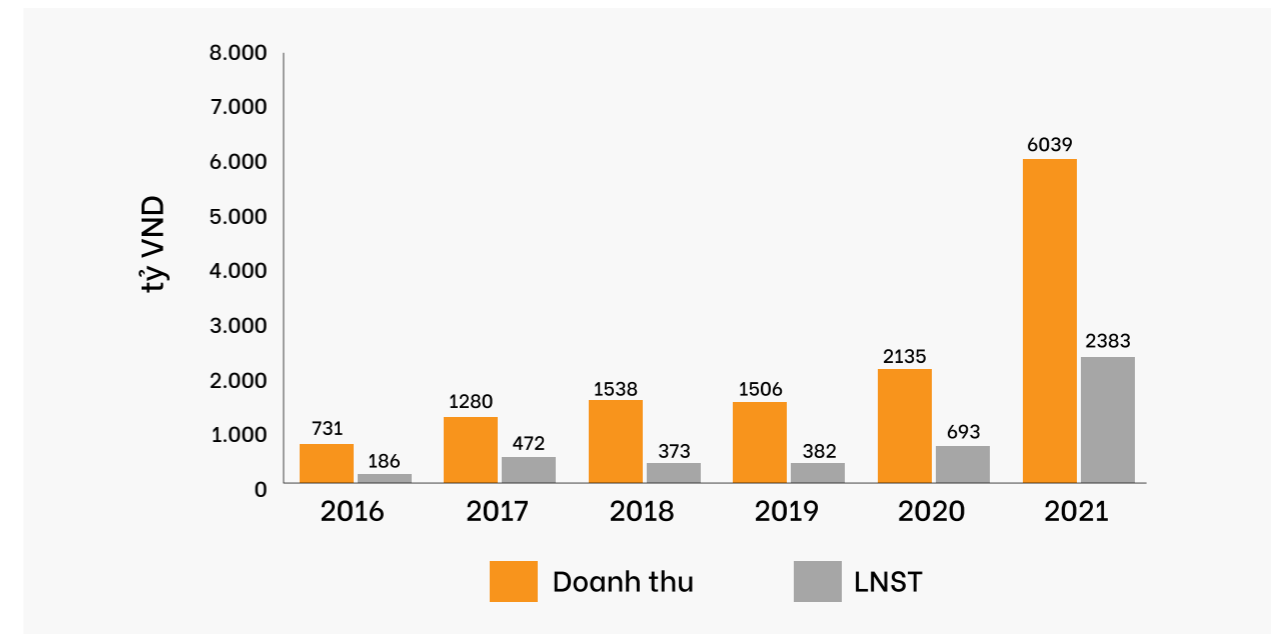


06.

Điểm nhấn kết quả kinh doanh 2021

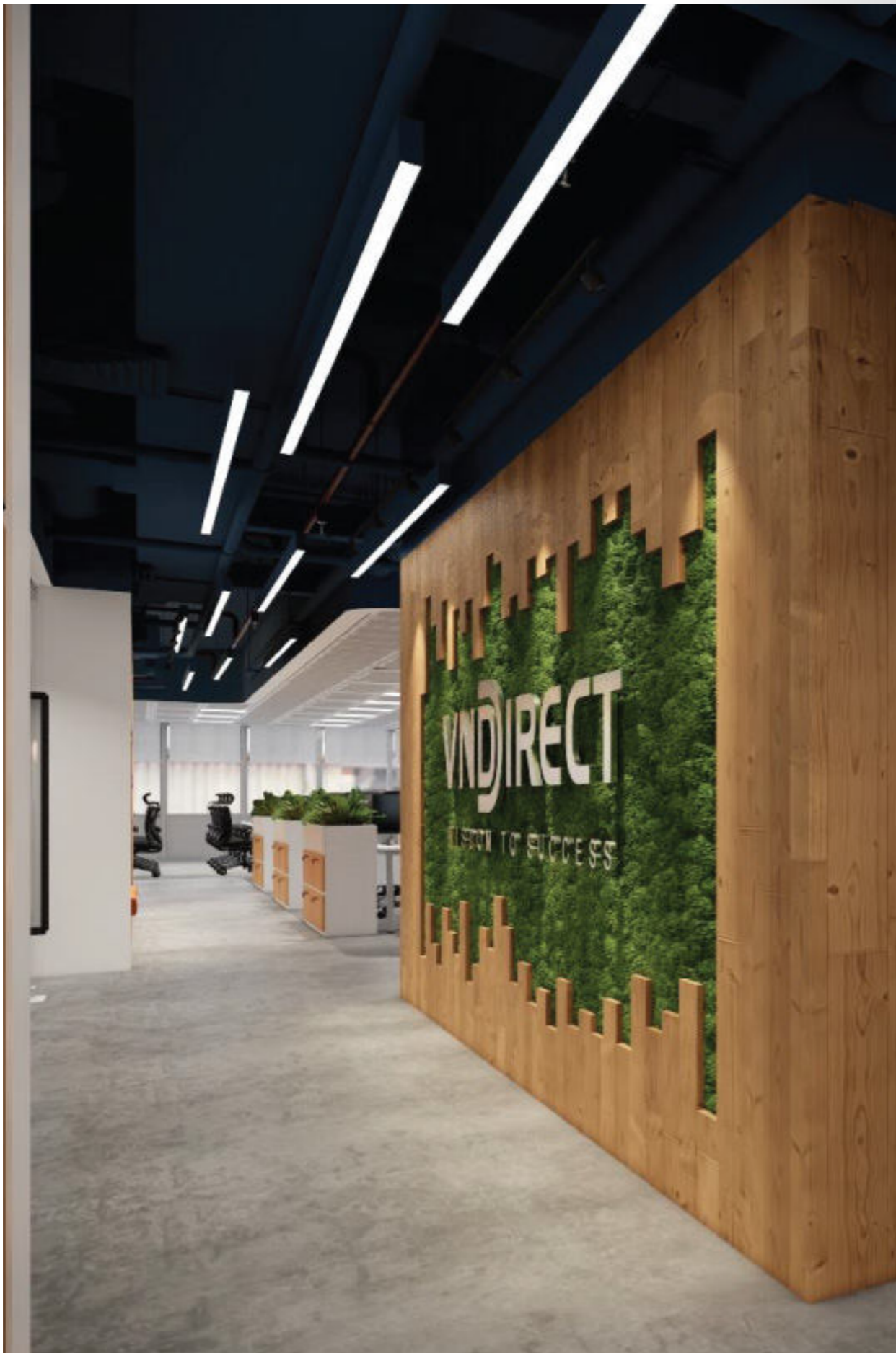
Tăng trưởng quy mô cùng kết quả kinh doanh khả quan

Chỉ tiêu (tỷ VND)	2019	2020	2021	Tăng trưởng
Tổng tài sản	11.681	14.976	37.095	148%
Vốn chủ sở hữu	3.248	3.819	9.822	157%
Doanh thu	1.506	2.135	6.039	183%
LNST	382	693	2.383	244%
Quy mô vốn hóa	3.064	6.255	35.665	470%




TỔNG QUAN VỀ VNDIRECT

1. Thông tin chung VNDIRECT
2. Chặng đường phát triển
3. Ngành nghề kinh doanh
4. Giải Thưởng và thành tựu
5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
6. Định hướng phát triển



I. TỔNG QUAN VỀ VNDIRECT

1. Thông tin chung VNDIRECT

Tên công ty	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
Tên viết tắt	VNDIRECT
Tên giao viết bằng tiếng nước ngoài	VNDIRECT SECURITIES CORPORATION
Mã chứng khoán	VND
Giấy chứng nhận ĐKDN	Số 0102065366 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 07/11/2006, cấp thay đổi lần thứ 6 ngày 15/9/2021.
Giấy phép HKKD chứng khoán	22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/11/2006 và các Quyết định/Giấy phép điều chỉnh.
Vốn điều lệ	4.349.446.870.000 đồng (Bằng chữ: Bốn nghìn ba trăm bốn mươi chín tỷ, bốn trăm bốn mươi sáu triệu, tám trăm bảy mươi nghìn đồng)
Trụ sở chính	Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại	+ (84 24) 3972 4568
Số fax	+ (84 24) 3972 4600
Website	www.VNDIRECT.com.vn
Logo	
Đại diện theo pháp luật	Phạm Minh Hương – Chủ tịch Hội đồng quản trị Vũ Nam Hương – Giám đốc Tài chính



2. Chặng đường phát triển

2006

VNDIRECT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07/11/2006, mã số doanh nghiệp số 0102065366 và Giấy phép hoạt động số 22/UBCK-GPHĐKD do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16/11/2006 với vốn điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng.

2008

VNDIRECT đầu tư nền tảng công nghệ riêng, tự phát triển hệ thống Core system và tạo tiền đề đầu tiên cho nền tảng số của VNDIRECT. Đây cũng là năm công ty hạch toán lỗ hoạt động vì các rủi ro của hoạt động tự doanh và công ty thay đổi nền tảng hoạt động hướng tới tập trung vào mảng dịch vụ giao dịch và khách hàng cá nhân.

2007

Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

Là doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam cung cấp giải pháp giao dịch chứng khoán trực tuyến toàn diện.

Thành lập chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh.

2009

VNDIRECT đi đầu trong việc tạo ra các sản phẩm đột phá mới trên thị trường, tiền đề đầu tiên cho các sản phẩm tương lai và quyền chọn, hoạt động cho vay margin, và các công cụ tài chính hỗ trợ cho giao dịch

2010

Công ty tăng vốn điều lệ hai lần từ 300 lên 450 và lên 1.000 tỷ đồng vào cuối năm.

2012

Công ty ra mắt cổng kết nối FIX Bloomberg, cung cấp thành công sản phẩm Direct Market Access cho khách hàng tổ chức. Công ty cũng ký kết hợp tác phát triển hoạt động phân tích để cung cấp tới khách hàng tổ chức nước ngoài cùng với CIMB.

2011

Lần đầu tiên VNDIRECT dẫn đầu thị phần môi giới chứng khoán tại sàn giao dịch HNX. Công ty bắt đầu tập trung xây dựng nền móng đầu tiên cho hoạt động Môi giới giao dịch chứng khoán cho khách hàng cá nhân.

2014

VNDIRECT tăng vốn điều lệ lên gần 1.550 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu xấp xỉ 1.900 tỷ đồng và trở thành 1 trong 3 công ty chứng khoán có vốn lớn nhất trên sàn. Công ty tập trung vào hoạt động giao dịch môi giới và cho vay margin, xây dựng nền tảng quản trị rủi ro của hoạt động này và giúp Công ty mở rộng được thị trường thu hút khách hàng cá nhân giao dịch chứng khoán.

2015

VNDIRECT lọt TOP 10 công ty chứng khoán có thị phần giao dịch trái phiếu lớn nhất trên cả 2 sàn và được vinh danh là 1 trong 3 công ty chứng khoán thành viên có dịch vụ môi giới tốt nhất giai đoạn 2005 - 2015.

2017

VNDIRECT nhận Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh và cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và chuyển sàn giao dịch cổ phiếu VND từ Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội sang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán HOSE. VNDIRECT là công ty chứng khoán có hiệu quả hoạt động trên vốn tốt nhất trong các công ty chứng khoán.

2019

VNDIRECT dẫn đầu về Giá trị giao dịch cũng như Khối lượng giao dịch của sản phẩm Chứng quyền trên thị trường. Là Công ty đạt thị phần môi giới cao nhất trên sàn UPCOM - 9.66%. Ra mắt nền tảng dịch vụ khách hàng điện tử Myaccount.

2021

Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ lên 4.349.446.870.000 đồng.

Đầu năm 2021, Công ty ra mắt luồng mở tài khoản đầu tư theo DGO dành cho Khách hàng có nhu cầu đầu tư và quản lý tài sản theo con đường DGO ở VNDIRECT. Đây là điểm khởi đầu quan trọng trong hành trình trải nghiệm của khách hàng với hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ đầu tư của VNDIRECT và cũng là điểm khởi đầu giúp cho VNDIRECT nhận diện đúng nhu cầu, chăm sóc khách hàng được chu đáo, hiệu quả.

2016

VNDIRECT dẫn đầu thị trường về số tài khoản cá nhân và tổng tài sản ròng của khách hàng do VNDIRECT quản lý đạt xấp xỉ 26 nghìn tỷ đồng. Công ty cũng lọt TOP 15 công ty thành viên tiêu biểu giai đoạn 2015 - 2016, TOP 30 doanh nghiệp minh bạch nhất trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2018

VNDIRECT được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thay đổi tăng vốn lên 2.204,3 tỷ đồng, trở thành Công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn thứ 3 trên thị trường. Công ty tiếp tục chuyển dịch nền tảng hoạt động kinh doanh ngân hàng số, và kết nối với các thị trường khách hàng cá nhân trong khu vực thông qua hệ sinh thái mở Open API.

2020

VNDIRECT cán mốc 100,000 tài khoản mở mới trong năm 2020, chiếm tới 40% tài khoản mở mới toàn thị trường. Là công ty tiên phong trong ngành đưa định danh điện tử eKYC vào quy trình mở tài khoản trực tuyến. Ra mắt sản phẩm tích sản hưu trí và chuyên trang hỗ trợ thông tin cổ phiếu Dstock.

3. Ngành nghề kinh doanh

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

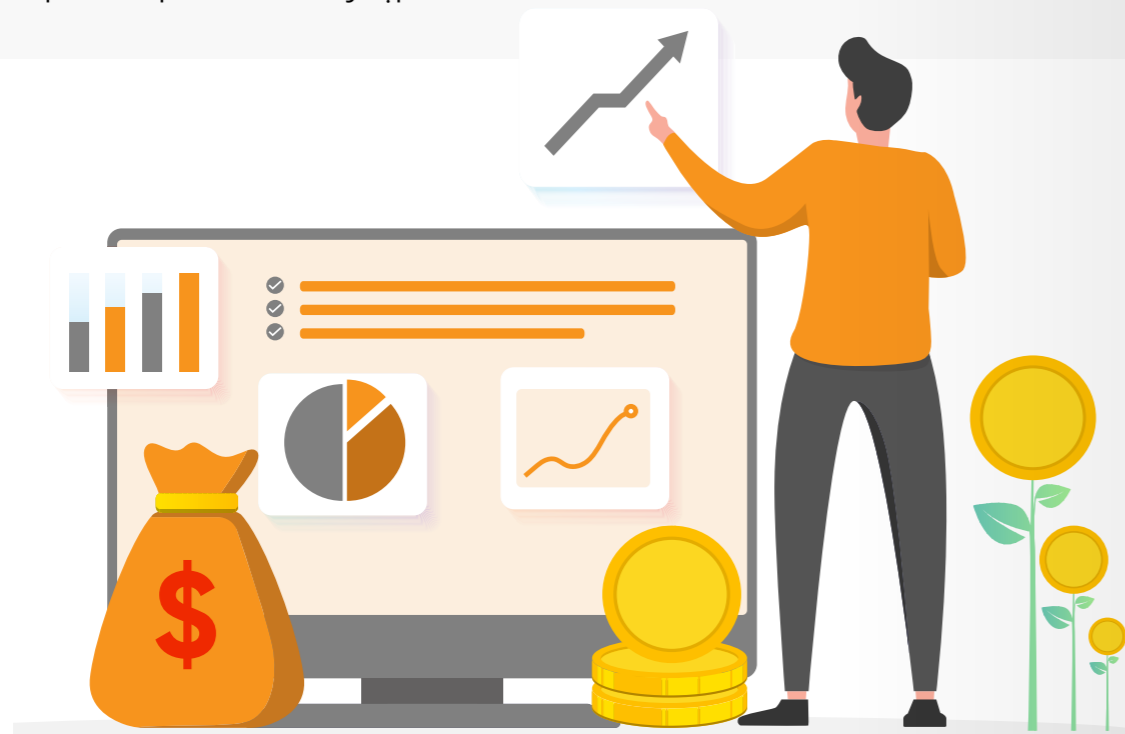


Môi giới

- Mở tài khoản giao dịch
- Môi giới chứng khoán: cổ phiếu, trái phiếu, phái sinh, chứng chỉ quỹ
- Tư vấn & quản lý tài khoản
- Quản lý giao dịch tiền
- Lưu ký
- Phân phối chứng chỉ quỹ
- Báo giá và quản lý sổ cổ đông cho cổ phiếu OTC
- Quản lý ủy thác
- Đại lý đấu giá IPO
- Phân phối Trái phiếu doanh nghiệp

Tài chính

- Cho vay ký quỹ
- Ứng trước tiền bán chứng khoán
- Cầm cố chứng khoán
- Repo trái phiếu Giao dịch điện tử
- Web trading
- Mobile trading
- DMA
- FIX
- Contact Center



ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH



Đầu tư tự doanh

- Cổ phiếu
- Trái phiếu
- Chứng chỉ quỹ
- Phái sinh
- Chứng quyền có bảo đảm Đầu tư tự doanh

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



- Dịch vụ thị trường vốn – ECM
- Dịch vụ thị trường nợ – DCM
- Dịch vụ tư vấn M&A
- Dịch vụ tư vấn Quan hệ cổ đông và nhà đầu tư
- Dịch vụ tư vấn tài chính Doanh nghiệp

NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH



- Báo cáo phân tích
- Ví mô & chiến lược
- Phân tích ngành
- Phân tích cổ phiếu
- Phân tích kỹ thuật
- Báo cáo phân tích
- Ví mô & chiến lược
- Phân tích ngành
- Phân tích cổ phiếu
- Phân tích kỹ thuật
- Phân tích định giá cổ phiếu Hỗ trợ khách hàng
- Tư vấn trực tiếp với chuyên viên phân tích
- Tổ chức cho khách hàng đi thăm doanh nghiệp
- Tổ chức hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư cho khác

Mạng lưới hoạt động:

Miền Bắc

Trụ sở chính – Hà Nội

Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 024 3972 4568 | Fax: 024 3972 4568

Phòng Giao dịch Lê Văn Lương – Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Phòng Giao dịch Đào Duy Anh – Hà Nội

Địa chỉ: Tầng 15, Tòa nhà VCCI, Số 9 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Chi nhánh Quảng Ninh

Địa chỉ: Tầng 1 & 2, Số 29 – 31 Đường 25/4, Phường Hồng Gai, Tp. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh

Chi nhánh Nam Định

Địa chỉ: Số 5, Tổ 13, đường Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Tp. Nam Định, Tỉnh Nam Định

Điện thoại: 022 8352 8819

Miền Trung

Chi nhánh Đà Nẵng

Địa chỉ: Số 57 Duy Tân, Phường Hòa Thuận Tây, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 382 1111

Chi nhánh Vinh

Địa chỉ: Số 354B đường Nguyễn Văn Cừ, Khối Hưng Phúc, Tp. Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0238 868 8466

Miền Nam

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 90 Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 7300 0688 | Fax: 028 3914 6924

Phòng Giao dịch Sala – Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Số 151 Nguyễn Cơ Thạch, Phường An Lợi Đông, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 7300 0688 | Fax: 028 3914 6924

Chi nhánh Bình Dương

Địa chỉ: Tầng 18, Tòa nhà Becamex Tower, 230 Đại lộ Bình Dương, Phường Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: 0274 222 2659 – 0274 222 2660

Chi nhánh Cần Thơ

Địa chỉ: Tầng 3 Tòa nhà STS, số 11B Hòa Bình, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ

4. Giải thưởng và thành tựu

Trong năm 2021, năm kỷ niệm 15 năm thành lập và phát triển, VNDIRECT vinh dự nhận được nhiều giải thưởng uy tín trong nước, khẳng định sự ghi nhận của cộng đồng chuyên gia và nhà đầu tư về những đóng góp của VNDIRECT đối với sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam.



VNDIRECT được vinh danh là một trong **10 Thương hiệu mạnh Ngành Ngân hàng và Dịch vụ tài chính Việt Nam** tại sự kiện “Thương hiệu Mạnh Việt Nam” tổ chức bởi Tạp chí Kinh tế Việt Nam.



VNDIRECT cũng nằm trong top **25 thương hiệu tài chính dẫn đầu 2021** do Forbes Việt Nam công bố với mức định giá 17,5 triệu USD, vượt qua nhiều cái tên cùng ngành.



Top 50 Công ty Đại chúng uy tín và hiệu quả năm 2021 theo khảo sát, đánh giá của Công ty cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo điện tử VietNamNet (Bộ TT&TT) tổ chức.



Top 3 doanh nghiệp niêm yết được Định chế tài chính và Nhà đầu tư đánh giá cao trong chương trình IR Awards 2021.

5. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

CÔNG TY CON:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, VNDIRECT có ba (03) công ty con, trong đó, một (01) công ty con sở hữu trực tiếp và hai (02) công ty con sở hữu gián tiếp như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A	Giấy phép thành lập và hoạt động số 30/UBCK - GP ngày 4/3/2008, Giấy phép điều chỉnh số 02/GPĐC - UBCK 8/3/2017	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán	100 tỷ đồng	100 %
Công ty TNHH IVND	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108599981 cấp ngày 24/01/2019	Cổng thông tin điện tử	20 tỷ đồng	100% (*)
Công ty TNHH BH Capital	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109719875 cấp ngày 27 tháng 7 năm 2021, sửa ngày 24 tháng 12 năm 2021	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính	01 tỷ đồng	99% (**)

(*) Sở hữu gián tiếp qua - Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán I.P.A

(**) Sở hữu gián tiếp qua Công ty TNHH IVND

Tính đến thời điểm ngày 18 tháng 1 năm 2022, Công ty TNHH IVND và công ty TNHH BH Capital không còn là công ty con của VNDIRECT sau khi chuyển nhượng vốn góp.

6. Định hướng phát triển

TẦM NHÌN

Hệ sinh thái Dịch vụ đầu tư cực kỳ đơn giản và đủ sự lựa chọn cần thiết cho hành trình kiến tạo Sức khỏe tài chính và Bảo an thịnh vượng của mọi khách hàng.

SỨ MỆNH

Hiểu – Đồng hành để giúp khách hàng xây dựng văn hóa đầu tư trọn đời và phù hợp

CON NGƯỜI

Công ty đã xây dựng được văn hóa làm việc trên bốn khung năng lực cốt lõi IPAM của mỗi nhân viên VNDIRECT:

- **Insights – Năng lực quan sát, tôn trọng sự thật**
- **Passion – Năng lực học hỏi, Đam mê hoàn thiện**
- **Action – Năng lực hành động, Thái độ tích cực**
- **Mindfulness – Năng lực tập trung, Toàn tâm phụng sự**

VNDIRECT – Cộng đồng những người làm nghề có đạo đức và tinh thần dẫn thân phụng sự. Những con người có phẩm chất IPAM (Insights – Passion – Action – Mindfulness) đã xây dựng được sức mạnh của một tập thể những con người làm nghề chuyên nghiệp, có khả năng hiểu biết sâu sắc về tầm nhìn, sứ mệnh và hệ giá trị của công ty (INSIGHTS – CÁI THẤY ĐÚNG ĐẮN), có năng lực tạo ra sức mạnh sáng tạo từ sự đam mê nghề nghiệp (PASSION – ĐAM MÊ), năng lực hành động cùng một tập thể tri thức với kinh nghiệm đa dạng (ACTION – HÀNH ĐỘNG), và khả năng an trú vững vàng trong mọi điều kiện của thị trường (MINDFULNESS – AN VUI VỚI HIỆN TẠI).

Từ lúc mới thành lập đến nay, VNDIRECT đã trải qua nhiều thời điểm thách thức cho đến những thành công vượt trội, nhưng dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, VNDIRECTOR cũng không ngừng cố gắng phụng sự cho sự phát triển lành mạnh của thị trường chứng khoán Việt Nam, cho sự an tâm sử

dụng dịch vụ của mỗi khách hàng tại VNDIRECT và cho sự trưởng thành của mỗi thành viên trong Công ty. Sự có mặt của mỗi con người tại VNDIRECT trong suốt thời gian qua đều đã làm nên VNDIRECT ngày hôm nay. Tập thể công ty tiếp tục tiếp nối con đường phụng sự Khách hàng, Cổ đông và đóng góp vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế và tài chính của đất nước.

CÔNG NGHỆ

Với phương châm xây dựng năng lực cốt lõi về công nghệ là kiến tạo các nền tảng số đáp ứng mô hình kinh doanh của VNDIRECT trong hiện tại và tương lai, liên tục vận hành đảm bảo tiêu chí “An toàn – Ổn định – Kịp thời”, trong năm 2021 VNDIRECT tiếp tục tập trung nguồn lực để hoàn thiện các nền tảng:

- **Nền tảng giao dịch (one account)**
- **Nền tảng quản lý tài sản (DGO apps)**
- **Nền tảng dịch vụ hỗ trợ đầu tư (DSB apps)**
- **Nền tảng thông tin, phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (Stockbook)**

Nói về nền tảng giao dịch chứng khoán của VNDIRECT, công ty định vị đây không chỉ là nơi hỗ trợ giao dịch đầu tư chứng khoán tốt nhất mà là còn một nền tảng hoàn thiện cung cấp đầy đủ: dịch vụ thông tin – sản phẩm – tiện ích giao dịch với mức chi phí cạnh tranh nhất thị trường. Thực thi định vị này, cho đến cuối năm 2021, hệ sinh thái nền tảng giao dịch chứng khoán của VNDIRECT đã hoàn thiện như sau:

Nền tảng giao dịch

VNDIRECT đã từng bước chuyển đổi từ nền tảng giao dịch chứng khoán truyền thống sang nền tảng giao dịch đa tài sản mà tại đó khách hàng có thể dễ dàng tiếp cận thông tin sản phẩm, dễ dàng thao tác và thực hiện giao dịch sản phẩm với VNDIRECT.

Sau sự thành công khi đưa định danh điện tử eKYC vào quy trình mở tài khoản trực tuyến, áp dụng công nghệ tiên tiến nhất hiện nay giúp khách hàng sẵn sàng giao dịch chỉ sau 5 phút, VNDIRECT tiếp tục cải tiến và sẽ ra mắt E-contract vào đầu năm 2022 – cho phép khách hàng hoàn thiện mở tài khoản hoàn toàn trực tuyến – không hồ sơ giấy – Kích hoạt duy nhất 1 lần.

Song hành cùng với đó, VNDIRECT liên tục cho ra mắt tiện ích giao dịch mới được phát triển và tích hợp lên nền tảng giao dịch để nâng cao trải nghiệm khách hàng, các tiện ích nổi bật như: Ý tưởng giao dịch – hỗ trợ khách hàng trong việc lựa chọn cổ phiếu giao dịch tiềm năng dựa trên phương pháp phân tích kỹ thuật, thông qua hệ thống phân tích dữ liệu, áp dụng các triết lý đầu tư đúng đắn của các bậc thầy giao dịch trên thế giới và được thẩm định bởi các chuyên gia Tư vấn đầu tư tại VNDIRECT trong thời gian dài. Đồng thời, VNDIRECT tiếp tục phát huy công tác nghiên cứu phát triển nằm trong phạm vi tăng cường tiện ích giao dịch cho khách hàng, bao gồm: Giao dịch thuật toán (Algo Trading), Giao dịch theo Chuyên gia (DTOP Trading) và cùng nhiều tiện ích khác.

Nền tảng quản lý tài sản

Nền tảng quản lý tài sản được xây dựng trên nền tảng website và được chuyển đổi để cung cấp các nền tảng mobiles apps DGO – My account trong năm 2021 giúp Khách hàng có thể tích hợp nhu cầu quản lý tài sản ngân quỹ, đầu tư và giao dịch chứng khoán cùng với các lựa chọn đầu tư tài chính cho các mục tiêu thiết yếu trong hành trình kiến tạo sức khỏe tài chính và bảo an thịnh vượng với đặc điểm nổi bật: Kết nối dễ dàng, Báo cáo minh bạch và cảnh báo kịp thời. Từ đó, nhà đầu tư được trải nghiệm:

- **La bàn sức khỏe đầu tư**: Giúp Khách hàng tự kiểm tra sức khỏe tài chính và điều kiện đầu tư ở thời điểm hiện tại để thiết lập la bàn định hướng cho con đường kiến tạo sức khỏe đầu tư, giúp Khách hàng có thể tiếp cận mọi cơ hội đầu tư trên thị trường và tự chủ quản lý tài sản.
- **La bàn đầu tư**: Xem các khuyến nghị đầu tư và sản phẩm dịch vụ phù hợp với điều kiện riêng của từng Khách hàng.
- **La bàn thị trường**: Cập nhật thông tin theo nhịp độ của thị trường, nhận định và tư vấn từ chuyên gia phù hợp với danh mục đầu tư và khách hàng đang nắm giữ và quan tâm.

Phiên bản Mobile app chính thức ra mắt phiên bản 3.0.0 ngày đầu tiên ngày 21/06/2021 và đã nhận được rất nhiều những phản hồi, ý kiến đóng góp của khách hàng tư giúp cải thiện và tối ưu hóa ứng dụng. Đầu tháng 8, dự án đã thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng với phiên bản Mobile app mới. Kết quả đánh giá đạt 4,15/ 5. Điều này thể hiện khách hàng đã bước đầu ghi nhận nỗ lực cải tiến không ngừng nghỉ từng ngày của đội ngũ phát triển Mobile app.

Ngoài ra, DGO Protrade cho phép các nhà đầu tư có các tiện ích giao dịch của dân nhà nghề, hoặc được giao dịch theo dân nhà nghề (copied trades) hoặc lựa chọn chuyên gia môi giới riêng.

Nền tảng phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo

VNDIRECT tập trung xây dựng năng lực tổ chức thông tin – lưu trữ thông tin và hoàn thiện hệ thống, nền tảng quản lý dữ liệu, phát triển công nghệ mới trong việc phân tích dữ liệu để hỗ trợ khách hàng và đội ngũ VNDIRECT liên tục nắm bắt kịp thời cơ hội kinh doanh theo điều kiện thị trường. Stockbook từ lâu đã trở thành kênh thông tin chứa đựng kho tri thức lớn về các sản phẩm đầu tư tài chính và học đầu tư từ A – Z, đây cũng là ứng dụng duy nhất cho biết sức khỏe tài chính của doanh nghiệp, cộng đồng đang nhận định ra sao và trực tiếp kết nối với doanh nghiệp niêm yết, nơi hội tụ cộng đồng chuyên gia với các nội dung chuyên sâu, chất lượng về các chuyên đề đầu tư bất kịp xu hướng thị trường.

Trong năm 2021 VNDIRECT cũng dành rất nhiều nguồn lực cho việc tổ chức và hoàn thiện hệ thống, nền tảng quản lý dữ liệu; phát triển các công nghệ mới trong việc sử dụng phân tích dữ liệu để đồng hành cùng khách hàng trong suốt hành trình đầu tư, hỗ trợ khách hàng trên hành trình kiến tạo sức khỏe tài chính và sự thịnh vượng.

Bên cạnh đó, VNDIRECT áp dụng công nghệ cao về phân tích dữ liệu và trí tuệ nhân tạo: Các thông tin được thu thập, lưu trữ và được quản trị trên các nền tảng BI và AI với độ giàu dữ liệu ngày càng tăng thêm là nhiệm vụ cốt lõi về công nghệ của công ty. Dựa trên triết lý tích lũy nhiều năm từ Stockbook cùng kỹ thuật cao, VNDIRECT đã ra mắt cổng thông tin đầu tư chứng khoán DSTOCK (website Dstock.com.vn) – kênh chuyên sâu về cổ phiếu và thị trường của VNDIRECT đã đi vào hoạt động vào với lượng truy cập trung bình của 10,000 user active mỗi ngày. Dstock đã trở thành cổng tri thức và công cụ tra cứu hàng đầu cho mọi nhà đầu tư với những ưu điểm vượt trội:

- **Tra cứu mã cổ phiếu với thông tin phân tích chuyên sâu về mã**
- **Cập nhật các chỉ số thị trường chứng khoán và thị trường tài chính**
- **Cung cấp đa dạng các báo cáo về doanh nghiệp, ngành, chiến lược, vĩ mô**
- **Đọc tin tức thị trường trong nước và thế giới hàng ngày**

Song hành cùng với việc tập trung xây dựng năng lực cốt lõi trên đây đảm bảo tiêu chí “An toàn - Ổn định - Kịp thời”, VNDIRECT đã và đang thực hiện nhiệm vụ số hóa toàn bộ các hoạt động kinh doanh và quản trị của mình. Đồng thời, VNDIRECT đặt nhiệm vụ an toàn và an ninh thông tin lên trên hết nhằm bảo vệ khách hàng tối đa.

Nền tảng dịch vụ hỗ trợ đầu tư

Tiếp tục duy trì định vị là công ty chứng khoán cung cấp tiện ích giao dịch hàng đầu tại Việt Nam, năm 2021 vừa qua, VNDIRECT đã tổ chức lại và hoàn thiện lại bản đồ dịch vụ, phát triển mới các ứng dụng dịch vụ để gia tăng điểm chạm với khách hàng, hỗ trợ mang lại trải nghiệm khách hàng tốt nhất trong suốt hành trình đầu tư tại VNDIRECT.

Công ty đồng thời trọng tâm phát triển DSB apps – nền tảng dashboard được thiết kế cho các chuyên gia làm nghề dịch vụ tài chính để cung cấp hồ sơ khách hàng theo 360 độ, quản lý lịch hoạt động của khách hàng và tiện ích cảnh báo tài khoản cần chăm sóc đặc biệt. DSB apps đang được hoàn thiện và sẽ ra mắt ngay trong quý 1/2022 để giúp đội ngũ dịch vụ đầu tư có trợ lý số tin cậy.

Nền tảng DLINK – Người dẫn đường: với vai trò người dẫn đường và kết nối khách hàng với hệ giá trị sản phẩm và dịch vụ của VNDIRECT, giúp khách hàng tìm kiếm chuyên gia đồng hành và tiếp cận được với trí tuệ tập thể của một đội ngũ làm nghề có lý tưởng phụng sự và phẩm chất của những người làm nghề tái chính chuyên nghiệp. Các huấn luyện viên – bộ phận tư vấn khách hàng (SSE) cùng đội ngũ Dlink đã đào tạo học nghề cho hơn 200 bạn trẻ và rất nhiều các bạn đang tiếp cận con đường làm nghề cung cấp dịch vụ đầu tư. Bên cạnh đó, ứng dụng Dlink được ra mắt với sự mệnh trở thành công cụ hữu hiệu của VNDIRECTOR kết nối với khách hàng thuận tiện hơn vào đầu năm 2022 và cũng đánh dấu mốc sẽ là năm Dlink tiếp tục hỗ trợ các trục sản phẩm dịch vụ để tất cả khách hàng có thể tiếp cận VNDIRECT dễ dàng nhất ngay từ giai đoạn Onboarding và trong suốt hành trình sử dụng dịch vụ tại VNDIRECT.

Nền tảng DAdvisory – La bàn đầu tư: trung tâm tư vấn đầu tư với sứ mệnh cung cấp cho khách hàng những thông tin chính xác và điều kiện của thị trường để có thể lựa chọn được kênh đầu tư, thiết lập kỷ luật thói quen tốt và năng lực hành động trên con đường kiện toàn sức khỏe đầu tư và gia tăng sự thịnh vượng.

DCareby – Dịch vụ chuyên gia: đội ngũ chuyên gia môi giới và tư vấn quản lý tài sản được đào tạo và giàu kinh nghiệm với chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, luôn sẵn sàng để trở thành bạn đồng hành cùng với mỗi khách hàng trên hành trình kiến tạo sức khỏe đầu tư trọn đời. Chuyên gia Môi giới tư vấn (MG) đầu tư giao dịch chứng khoán, đồng hành cùng Khách hàng theo nhịp đập thị trường chứng khoán. Bên cạnh đó, Chuyên gia Dịch vụ đầu tư (WA) giúp Khách hàng lập kế hoạch tài chính dài hạn, đồng thời lựa chọn các công cụ đầu tư phù hợp với nhu

cầu, điều kiện và mong muốn của Khách hàng, đồng hành trên con đường xây dựng sức khỏe đầu tư trọn đời.

CHUỖI GIÁ TRỊ

Chuỗi giá trị dịch vụ tài chính lấy khách hàng là trọng tâm - CUSTOMER CENTRIC

Trong suốt 15 năm qua, dựa trên nguyên tắc Hiểu – Đồng hành – Phù Hợp và hai năng lực cốt lõi là công nghệ và con người nhằm tạo ra trí tuệ tập thể, VNDIRECT đã kiến tạo chuỗi giá trị dịch vụ tài chính với định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm, phụng sự sự thịnh vượng của khách hàng để đạt được sự hài lòng cuối cùng của khách hàng. Chuỗi giá trị dịch vụ tài chính của VNDIRECT được thể hiện qua chuỗi các hoạt động để gia tăng giá trị cho các sản phẩm dịch vụ mà VNDIRECT mang tới cho khách hàng:

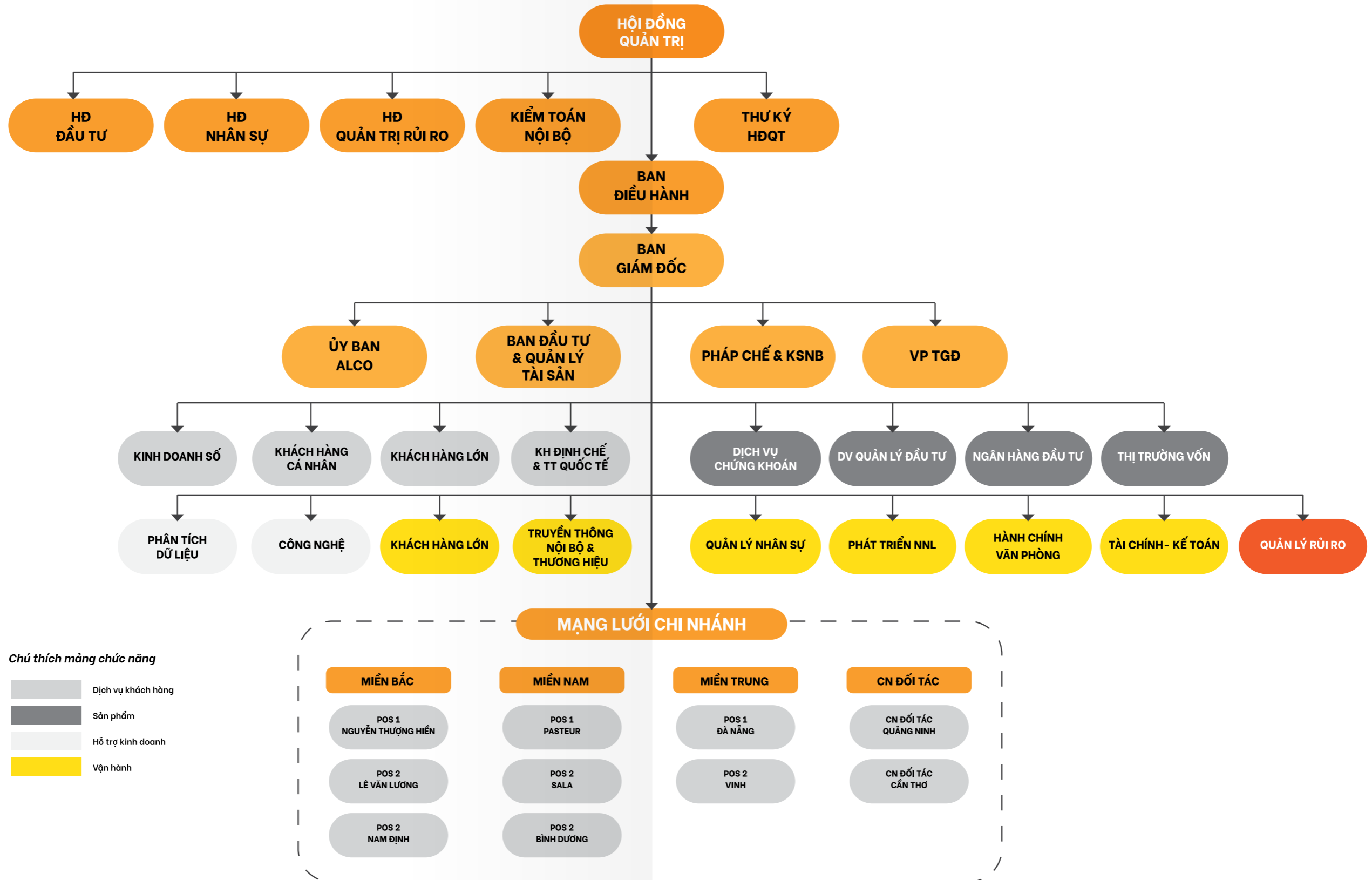
- **Tìm kiếm cơ hội và tạo nguồn sản phẩm chất lượng cho thị trường thông qua năng lực tiếp cận, mở rộng, năng lực bảo lãnh phát hành và năng lực tạo lập thị trường.**
- **Tạo lập thị trường và kinh doanh rủi ro thông qua đội ngũ con người giàu kinh nghiệm, hiểu thị trường, năng lực tạo lập và cung ứng thanh khoản cho thị trường, mang tới cơ hội tiếp cận với sản phẩm đầu tư tới mọi khách hàng.**
- **Thiết kế và đóng gói sản phẩm dịch vụ phù hợp với các điều kiện tài chính, đầu tư và nhu cầu của từng phân khúc khách hàng.**
- **Kênh phân phối liên tục mở rộng từ online đến offline cũng như thông qua các mô hình kinh doanh B2B và B2C để liên tục tăng cơ hội tiếp cận và đưa sản phẩm tới tay khách hàng. Đây cũng là bước quan trọng nhằm khách hàng dễ dàng tiếp cận được với sản phẩm VNDIRECT cũng như bắt đầu hành trình đầu tư mà khách hàng còn được tiếp cận với các nền tảng dịch vụ hỗ trợ, nền tảng kiến thức và có bạn đồng hành trong suốt quá trình đầu tư.**

Trong chuỗi giá trị dịch vụ tài chính của VNDIRECT, công ty tự hào có đội ngũ kiến tạo sản phẩm dịch vụ có tính kỷ luật nghề nghiệp cao, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định quản trị rủi ro vận hành và thị trường, với năng lực xây dựng được hệ sinh thái đa kênh tài sản góp phần tạo đủ điều kiện cho Khách hàng của VNDIRECT lựa chọn sản phẩm dịch vụ tài chính cho Con đường DGO.

Năm 2021 được coi là dấu ấn đầu tiên của dịch vụ quản lý tài sản của VNDIRECT khi chính thức giới thiệu tới khách hàng con đường DGO – con đường kiến tạo sức khỏe tài chính và an tâm đầu tư dành cho tất cả các đối tượng khách hàng. Nền tảng quản lý tài sản đã và đang được phát triển dựa trên 4 kênh đầu tư DLIFE (kênh đầu tư phòng vệ và tích sản trọn đời), DSAVE (kênh đầu tư tiết kiệm), DINVEST (kênh đầu tư dài hạn), DTRADE (giao dịch chứng khoán).

Đồng hành trong chuỗi giá trị trên, công ty đã xây dựng được đội ngũ kinh doanh nguồn vốn đủ năng lực thực hiện thu xếp nguồn vốn tạo điều kiện tài chính đủ cho việc thực hiện các giao dịch bảo lãnh phát hành và tạo nguồn hàng cho thị trường. Xuyên suốt trong quá trình mang lại sự hài lòng cho khách hàng, VNDIRECT đã thực hiện việc xây dựng kênh phân phối cho Khách hàng cá nhân thông qua nền tảng số cùng với năng lực tư vấn của đội ngũ hơn 600 nhân viên tư vấn luôn đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu và liên tục hướng tới sự đồng hành dài hạn của khách hàng. Bên cạnh đó, với định vị là một công ty chứng khoán độc lập thực hiện nhiệm vụ của một định chế tài chính trung gian, VNDIRECT tiếp tục xây dựng uy tín, năng lực sản phẩm dịch vụ cho đối tượng khách hàng tổ chức để mở rộng năng lực kinh doanh và góp phần tạo nguồn hàng cho kênh phân phối

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VNDIRECT



Chú thích mãng chức năng

- Dịch vụ khách hàng
- Sản phẩm
- Hỗ trợ kinh doanh
- Vận hành



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Kết quả hoạt động kinh doanh
2. Quản trị Nguồn nhân lực
3. Hoạt động khối Vận hành
4. Hoạt động Quản trị rủi ro
5. Thông tin nổi bật về tài chính
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

■ KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Cùng với đà phát triển của thị trường chứng khoán trong năm 2021, nền tảng khách hàng cá nhân VNDIRECT cũng chứng kiến tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ. Trong năm 2021, VNDIRECT phục vụ thêm hơn 300.000 tài khoản nhà đầu tư cá nhân, tăng trưởng 78% so với năm 2020 và chiếm 20% thị phần số tài khoản nhà đầu tư cá nhân mở mới toàn thị trường. Tổng số lượng tài khoản nhà đầu tư cá nhân hiện quản lý bởi VNDIRECT là hơn 697.000 tài khoản, chiếm gần 17% số lượng tài khoản nhà đầu tư cá nhân toàn thị trường.

Bên cạnh việc hoàn thiện nền tảng sản phẩm dịch vụ cho khách hàng cá nhân, VNDIRECT liên tục cải

tiến và nâng cấp các ứng dụng như ra mắt luồng mở tài khoản mới kèm hợp đồng điện tử và chữ ký số, các gói tài khoản tự động, ứng dụng quản lý tài sản DGO trên thiết bị di động... để mang lại trải nghiệm tốt hơn cho khách hàng, tối ưu tốc độ tải thông tin, cho phép khách hàng giao dịch đa tài sản trên cùng một nền tảng để có được trải nghiệm xuyên suốt trong hành trình đầu tư với VNDIRECT.

Với mô hình kinh doanh lấy Khách hàng là trọng tâm, mọi thiết kế về sản phẩm dịch vụ, quy trình bán hàng và sau bán hàng, quy trình giao dịch đều được thiết kế để mang lại giá trị tốt nhất cho khách hàng, việc ứng dụng số hóa vào các quy trình cũng phục vụ việc mang lại lợi ích cao nhất và bảo vệ sức khỏe tài chính cho khách hàng của VNDIRECT. Nhờ vậy, trong năm 2021 phân khúc khách hàng cá nhân của VNDIRECT tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ.



Nếu như năm 2020 được coi là năm bản lề cho giai đoạn phát triển 2020-2025 với việc tìm ra chiến lược cũng như cách tiếp cận mới để phát triển thị trường bền vững bằng con đường kiến tạo sức khỏe tài chính và an tâm đầu tư cho khách hàng – DGO, thì năm 2021 là năm VNDIRECT thực sự thiết kế lại chuỗi giá trị, hoàn thiện nền tảng sản phẩm dịch vụ, nền tảng công nghệ và con người để thực sự có thể đồng hành cùng khách hàng trên hành trình đầu tư. Thị trường luôn vận động và song hành cùng với sự vận động của thị trường là các yếu tố cơ hội cùng với rủi ro. Hiểu được nhu cầu đầu tư là nhu cầu thiết yếu và cản trở thành kỹ năng của mỗi con người, VNDIRECT xác định cho mình sứ mệnh hiểu và đồng hành cùng mỗi khách hàng để giúp đỡ khách hàng kiến tạo sức khỏe tài chính và sự thịnh vượng.

Trong năm 2021, VNDIRECT đã xây dựng được 3 nền tảng dịch vụ để phục vụ khách hàng trong suốt hành trình đầu tư, đó là:

- **Nền tảng Sale and Service DLink** – với nhiệm vụ là Người dẫn đường, tìm hiểu nhu cầu, nhận diện điều kiện đầu tư, sức khỏe tài chính, kiến thức đầu tư của khách hàng, kết nối khách hàng với hệ giá trị sản phẩm và dịch vụ của VNDIRECT, giúp khách hàng lựa chọn trải nghiệm phù hợp và thiết lập sức khỏe đầu tư và để bắt đầu hành trình kiến tạo sức khỏe tài chính và sự thịnh vượng.
- **Nền tảng Trung tâm tư vấn DAdvisory** – Định hướng đầu tư với nhiệm vụ cung cấp dịch vụ tư vấn, hỗ trợ định hướng đầu tư cho khách hàng phù hợp với điều kiện sức khỏe đầu tư và theo các điều kiện thị trường để giúp khách hàng lựa chọn được kênh đầu tư phù hợp, thiết lập kỷ luật đầu tư và năng lực hành động trên con đường kiến tạo sức khỏe tài chính và gia tăng thịnh vượng. Với những nền tảng dữ liệu và bộ nguyên tắc lọc danh mục tài sản đầu tư, các kinh nghiệm nhận diện điều kiện biến động của thị trường để cảnh báo rủi ro, VNDIRECT đang dần số hóa nền tảng tư vấn DAdvisory để giúp khách hàng có thể tự thiết lập các cảnh báo phù hợp và theo dõi biến động thị trường.
- **D-Careby** – Người đồng hành chính là đội ngũ chuyên gia tư vấn và quản lý tài sản của VNDIRECT đồng hành cùng khách hàng trong suốt hành trình hướng tới kiến tạo sức khỏe

tài chính và gia tăng thịnh vượng. Bên cạnh đội ngũ chuyên gia môi giới có kinh nghiệm và phẩm chất làm nghề uy tín trên thị trường chứng khoán, năm 2021 VNDIRECT đã bổ sung thêm đội ngũ chuyên gia tư vấn Wealth Advisors. Đây chính là thế hệ đội ngũ chuyên gia đầu tiên của thị trường tài chính Việt Nam với sứ mệnh giúp cho mỗi người dân kiến tạo được sức khỏe tài chính và bảo an sự thịnh vượng cho nhiều thế hệ sau này.

Hoàn thiện nền tảng sản phẩm dịch vụ quản lý tài sản – đáp ứng các nhu cầu đầu tư khác nhau trên 1 hành trình đầu tư của khách hàng

Năm 2021, VNDIRECT tiếp tục bổ sung và hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm dịch vụ để chuyển dịch từ mô hình dịch vụ chứng khoán truyền thống sang mô hình dịch vụ đa kênh tài sản với tầm nhìn trở thành hệ sinh thái dịch vụ đầu tư cực kỳ đơn giản và cung cấp đủ sự lựa chọn cho hành trình kiến tạo sức khỏe tài chính và bảo an thịnh vượng của mọi khách hàng.

Đến với VNDIRECT, khách hàng sẽ có cơ hội kiến tạo được tháp tài sản vững chắc với các danh mục tài sản:

- **Tài sản phòng vệ** – là các gói sản phẩm thiết yếu đáp ứng nhu cầu đầu tư và bảo vệ sức khỏe tài chính cá nhân, bao gồm Tích sản hưu trí, Bảo an tài chính (tích hợp giữa bảo hiểm và đầu tư), Tích sản theo các mục tiêu cụ thể. Danh mục tài sản phòng vệ sẽ giúp khách hàng vượt qua các rủi ro về tài chính và yên tâm kiến tạo các danh mục tài sản mang lại giá trị cao hơn.
- **Tài sản đầu tư tiết kiệm** – là danh mục các loại tài sản có tính thanh khoản cao nhưng vẫn giúp khách hàng được bảo vệ vững chắc cho các mục tiêu đầu tư ngắn hạn.
- **Tài sản đầu tư dài hạn** – là danh mục các tài sản đầu tư giúp khách hàng có nguồn thu nhập ổn định, an tâm nắm giữ trong dài hạn, thiết lập kỷ luật đầu tư nhưng vẫn mang lại lợi nhuận vượt trội so với thị trường.

Tài sản đầu tư mang lại lợi nhuận vượt trội cùng với các gói dịch vụ về giao dịch phù hợp với các nhà đầu tư đã tích lũy được kiến thức và năng lực đầu tư.

Sau 1 thời gian ra mắt, các gói sản phẩm dịch vụ DGO đã được khách hàng đón nhận khá tích cực, cụ thể:

Danh mục Tài sản đầu tư theo DGO	Tổng giá trị tài sản quản lý tại 31/12/2020	Tổng giá trị tài sản quản lý tại 31/12/2021	Tăng trưởng
DLife	7.915.947.881	48.010.938.618	507%
DSave	2.889.874.747.432	10.404.039.494.810	260%
DInvest	1.458.390.443.810	4.363.251.905.849	199%
Dtrade	84.423.034.450.048	168.406.715.784.460	99%
Tổng giá trị tài sản quản lý	88.779.215.589.171	183.222.018.123.735	106%

Đơn vị: VND

Nền tảng công nghệ là yếu tố không thể thiếu trong quá trình hỗ trợ, đồng hành với khách hàng, giúp khách hàng xác định và xây dựng hành trình đầu tư. Trong năm 2021 VNDIRECT đã cho ra mắt các nền tảng để hỗ trợ khách hàng cá nhân trong hành trình đầu tư:

- **Nền tảng One Account** – cho phép khách hàng quản lý danh mục tài sản, phục vụ mọi mục đích tài chính và đầu tư đa kênh tài sản, giao dịch các loại hình chứng khoán cơ sở, phái sinh, OTC và các giao dịch tài chính và đầu tư trực tuyến dễ dàng
- **Ứng dụng đầu tư và quản lý đa kênh tài sản My DGO** được phát triển trên các nền tảng di động để dễ dàng tiếp cận với hành vi đầu tư và giao dịch của khách hàng trong thời đại kinh doanh số, phục vụ các nhu cầu đầu tư và quản lý tài sản cá nhân trong suốt hành trình của cuộc đời của mỗi khách hàng
- **Nền tảng thông tin và tri thức đầu tư Stockbook** – kênh giúp khách hàng tiếp cận với công thông tin và nền tảng dữ liệu VNDIRECT đang sở hữu để giúp khách hàng tìm kiếm dễ dàng hơn phục vụ các quyết định đầu tư

Cùng với việc hoàn thiện nền tảng sản phẩm và dịch vụ để phát triển thể hệ khách hàng mới của thị trường, đáp ứng nhu cầu đầu tư nhằm xây dựng thị trường phát triển bền vững, nhờ chuẩn bị tốt các điều kiện kinh doanh từ nội tại cùng với

các yếu tố thuận lợi từ thị trường bên ngoài, hoạt động kinh doanh dịch vụ chứng khoán truyền thống của VNDIRECT tiếp tục gặt hái được thành quả ấn tượng trong năm 2021:

• **Về thị phần môi giới:**

TOP 3 Thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền có bảo đảm tại HOSE với **7,46%**

TOP 2 Thị phần môi giới cổ phiếu niêm yết tại HNX với **9,86%**

TOP 3 Thị phần môi giới chứng khoán phái sinh với **6,58%**

• **Về doanh thu phí dịch vụ giao dịch chứng khoán** cả năm 2021 đạt **1.615** tỷ đồng, tăng **238%** so với năm 2020

• **Về lãi từ hoạt động cho vay** và phải thu cả năm 2021 đạt **1.167** tỷ đồng, tăng **223%** so với năm 2020.

Phân khúc khách hàng cá nhân vẫn là một thị trường đầy triển vọng phát triển. Với tầm nhìn và sứ mệnh đã được xác định, VNDIRECT vẫn tiếp tục nỗ lực nâng cao chất lượng dịch vụ, hoàn thiện nền tảng sản phẩm để khách hàng có được sự an tâm đầu tư trong hành trình kiến tạo sức khỏe tài chính và gia tăng thịnh vượng.

■ **KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP - NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ (IB)**

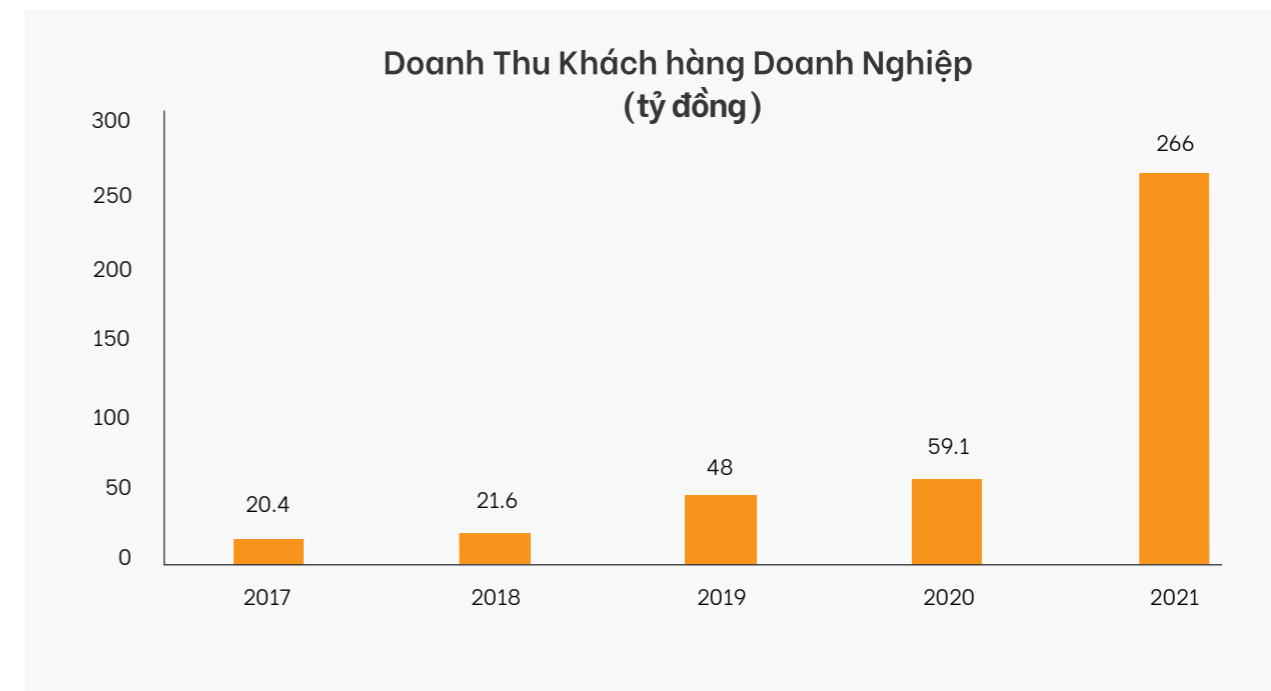
Trong năm 2021, VNDIRECT đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ trong mảng dịch vụ Ngân hàng Đầu tư dành cho khách hàng doanh nghiệp. Với vai trò là một định chế tài chính trung gian, VNDIRECT xây dựng năng lực dẫn vốn, kết nối nhà đầu tư với những doanh nghiệp tốt đang cần vốn để phát triển kinh doanh, thông qua đó khơi thông dòng vốn đầu tư trên thị trường.

Trong năm vừa qua, Công ty đã xây dựng được danh mục khách hàng chiến lược để đồng hành cùng hỗ trợ khách hàng trong hoạt động nâng cao năng lực tài chính, năng lực tiếp cận thị trường vốn, giúp doanh nghiệp hiện thực hoá tầm nhìn kinh doanh của mình.

VNDIRECT đã khẳng định được vai trò của định chế tài chính trung gian – kênh dẫn vốn cho doanh nghiệp để tiếp cận với thị trường vốn thông qua các chuỗi giá trị từ hoạt động về tư vấn và bảo lãnh phát hành, giúp doanh nghiệp

giải quyết được các bài toán khó khăn về vốn, về thanh khoản, các kênh đầu tư để tối ưu nguồn vốn và dòng tiền. Các trái phiếu doanh nghiệp được VNDIRECT bảo lãnh phát hành được lựa chọn và đánh giá dựa trên một quy trình thẩm định chặt chẽ nhằm tối đa lợi ích và an toàn cho nhà đầu tư. Sau đó, các trái phiếu này được cấu trúc và đóng gói thành sản phẩm phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng khách hàng và cuối cùng, với hoạt động tạo lập thị trường và kinh doanh rủi ro, công ty phân phối trên thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp, bao gồm các Nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư doanh nghiệp và tổ chức.

Thông qua chuỗi giá trị VNDIRECT cung cấp cho khách hàng, các doanh nghiệp Việt Nam dễ dàng tiếp cận nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, đồng thời cùng với những tư vấn của VNDIRECT về mô hình tài chính toàn diện cho doanh nghiệp, giúp cho doanh nghiệp nâng cao sức khỏe tài chính để an tâm kinh doanh, cuối cùng tạo ra tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế Việt Nam.



Kết quả vượt trội mảng Khách hàng Doanh nghiệp được ghi nhận với doanh thu đạt 282 tỷ đồng, tăng 286% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó bao gồm các hoạt động chính là tư vấn & bảo lãnh phát hành, tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp. Công ty đã cung cấp các dịch vụ phát hành trái phiếu bao gồm tư vấn, đại lý và bảo lãnh phát hành với tổng giá trị lên tới 113.018 tỷ đồng, tăng 52% so với 2020, trong đó phần lớn nhà phát hành là các doanh nghiệp, tập đoàn lớn như Tập đoàn Trung Nam, Ngân hàng BIDV, Ngân hàng Vietinbank, Ngân hàng VIB, Công ty Cổ phần CMC, Công ty CP BĐS Thế Kỷ... Đặc biệt có thể kể đến sự đồng hành của VNDIRECT cùng với Trung Nam Group với giao dịch bảo lãnh phát hành trái phiếu tài trợ dự án điện gió trên bờ có công suất lớn nhất Việt Nam hiện nay với 400MW. Đây là cũng thương vụ bảo lãnh phát hành quy mô lớn nhất của VNDIRECT từ trước đến nay với tổng giá trị bảo lãnh phát hành lên tới hơn 10.000 tỷ đồng. Giao dịch có sự đồng hành của các Định chế Tài chính lớn hàng đầu Việt Nam có ý nghĩa to lớn trong việc ngày càng khẳng định vị thế của các tổ chức trung gian tài chính với chức năng dẫn vốn cho doanh nghiệp tiếp cận thị trường vốn, đóng góp vì sự phát triển của doanh nghiệp cũng như của nền kinh tế, đồng thời thể hiện rõ nét tầm nhìn, sứ mệnh của VNDIRECT.

■ KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH & THỊ TRƯỜNG VỐN

VNDIRECT tiếp tục được các Quỹ đầu tư lớn trong và ngoài nước tin tưởng khi đầu tư vào Việt Nam nhờ thế mạnh nền tảng giao dịch đáp ứng các chuẩn mực quốc tế và đầu tư hệ thống công nghệ hiện đại. Năm 2021, doanh thu mảng dịch vụ chứng khoán cho nhóm khách hàng định chế tài chính tăng trưởng 120% so với năm 2020.

VNDIRECT tiếp tục hoàn thiện nền tảng giao dịch chứng khoán cho khách hàng tổ chức

quốc tế: xây dựng nền tảng giao dịch điện tử kết nối với các tổ chức giao dịch chứng khoán quốc tế lớn thông qua FIX, đồng thời tiếp tục hoàn thiện giải pháp giao dịch White Label cho các đối tác là các công ty chứng khoán nước ngoài cho cả giao dịch chứng khoán cơ sở và chứng khoán phái sinh.

Với khách hàng định chế là các tổ chức tín dụng, năm 2021 VNDIRECT đã thiết lập được quan hệ hạn mức kinh doanh vốn với gần 50 ngân hàng trong và ngoài nước với hạn mức lên đến gần 40.000 tỷ, tăng gần gấp đôi so với năm 2020, nhờ đó VNDIRECT xây dựng được năng lực kinh doanh và điều kiện tài chính để đón nhận được chủ động và hiệu quả các cơ hội kinh doanh trên thị trường.

■ NĂNG LỰC HUY ĐỘNG VỐN

Năm 2021, VNDIRECT tiếp tục nâng cao năng lực huy động vốn thông qua việc xây dựng các quan hệ tín dụng mới, tăng vốn điều lệ và phát hành trái phiếu. Bên cạnh các hạn mức tín dụng trong nước, VNDIRECT tiếp tục mở rộng mối quan hệ với các định chế tài chính quốc tế nhằm đa dạng hóa nguồn vốn huy động, tránh rủi ro tập trung do các ngân hàng nước ngoài không bị ảnh hưởng bởi các chính sách điều hành của Ngân hàng Nhà nước, đồng thời giúp công ty xây dựng uy tín và năng lực vốn trên thị trường quốc tế. Đối với các hạn mức vay vốn bằng ngoại tệ, VNDIRECT luôn linh hoạt sử dụng các chiến lược về phòng ngừa rủi ro tỷ giá để đảm bảo an toàn, hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của công ty.

Đến hết năm 2021, công ty có tổng hạn mức tín dụng lên đến gần 40.000 tỷ, với hạn mức tín chấp là hơn 8.400 tỷ đồng, hạn mức với ngân hàng nước ngoài là hơn 10.000 tỷ đồng. Đặc biệt có thể kể đến trong năm 2021, VNDIRECT đã ký kết thành công hai khoản vay hợp vốn tín chấp với tổng trị giá lên tới 200 triệu USD với nhóm định chế tài chính đến từ Đài Loan, Singapore và Châu Âu.

Bên cạnh đó, vào tháng 7 năm 2021, VNDIRECT đã tăng vốn điều lệ thành công bằng phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1; giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 14.500 đồng/cp; số cổ phần còn lại được phân phối cho cổ đông khác với giá 18.500 đồng/cp. Kế hoạch tăng vốn thành công đã đưa vốn điều lệ của VNDIRECT tăng gấp đôi lên 4.349,5 tỷ đồng, góp phần bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ, đầu tư giấy tờ có giá, bảo lãnh phát hành chứng khoán và bổ sung nguồn vốn cho hoạt động phát hành và phân phối chứng quyền có bảo đảm và các hoạt động kinh doanh hợp pháp khác của công ty.

Ngoài ra, VNDIRECT tiếp tục bổ sung nguồn vốn của công ty thông qua việc phát hành trái phiếu. Năm 2021, VNDIRECT phát hành trái phiếu riêng lẻ tổng cộng hơn 1.250 tỷ đồng kỳ hạn 1 - 2 năm cho các nhà đầu tư tổ chức. Đây tiếp tục là một trong những kênh huy động vốn ổn định của công ty trong những năm gần đây.

Kết quả năm 2021, Tổng doanh thu Khối Thị trường vốn đạt 1.031 tỷ đồng, tăng trưởng 48% so với năm 2020. Doanh thu hoạt động kinh doanh vốn được phân bổ khá đồng đều trên các mảng kinh doanh nguồn vốn, kinh doanh trái phiếu, kinh doanh cổ phiếu và sản phẩm cấu trúc, Đầu tư Vốn chủ sở hữu

Đối với hoạt động kinh doanh sản phẩm lãi suất cố định, VNDIRECT tiếp tục chủ động chuyển

dịch trong các hoạt động đầu tư vốn với mục tiêu tăng trưởng quy mô vào các sản phẩm đầu tư có lãi suất cố định như chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do các định chế tài chính phát hành, trái phiếu doanh nghiệp. Ở chiều ngược lại, Công ty thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư cổ phiếu với mục tiêu xây dựng lại nền tảng về nguyên tắc tiếp cận đầu tư cũng như giảm thiểu rủi ro trong bối cảnh thị trường có nhiều biến động khó lường do ảnh hưởng từ các yếu tố bên ngoài. Bên cạnh đó, công ty tập trung nguồn lực để phát triển các sản phẩm có cấu trúc như chứng quyền có bảo đảm, ETF và tiếp tục định vị mình là người dẫn đầu thị trường trong việc cung cấp các sản phẩm phái sinh.

Bên cạnh đó, trong năm 2021, VNDIRECT tiếp tục nâng cao năng lực tạo lập thị trường cổ phiếu và thị trường chứng quyền với kết quả cung cấp thành công dịch vụ tạo lập cho KHDN cũng như việc nâng tổng quy mô danh mục tạo lập thị trường chứng quyền có bảo đảm lên mức 1.000 tỷ.

Đối với hoạt động đầu tư vốn chủ sở hữu, VNDIRECT tập trung vào các công ty có sự cộng hưởng với hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ của mình. Với hình thức đầu tư chiến lược, VNDIRECT tham gia vào Hội đồng quản trị của công ty và cùng đồng hành hỗ trợ xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh.

2. Quản trị Nguồn nhân lực

■ BAN ĐIỀU HÀNH

Ông NGUYỄN VŨ LONG

(Quyền) Tổng Giám Đốc

Thời điểm được bổ nhiệm	Năm 2021
Ngày/tháng/năm sinh	27/11/1987
Quốc tịch	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	93 cổ phiếu tương ứng với 0,00002%
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Kinh tế

Thành tựu nổi bật:

Ông Nguyễn Vũ Long tốt nghiệp Thạc sĩ trường Đại học New South Wales chuyên ngành Kinh tế và đã có hơn 9 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư - tài chính.

Ông Long đã gắn bó với VNDIRECT trong 6 năm và trải qua nhiều vị trí quan trọng của công ty như Trưởng phòng kinh doanh tiền tệ, Giám đốc Nguồn Vốn. Đồng hành với VNDIRECT trong suốt thời gian qua, ông đã và đang đóng góp không nhỏ trong những bước tiến phát triển vượt bậc của công ty và trở thành một trong những lãnh đạo trẻ tiêu biểu trong những năm gần đây.



Bà VŨ NAM HƯƠNG

Giám đốc Tài chính

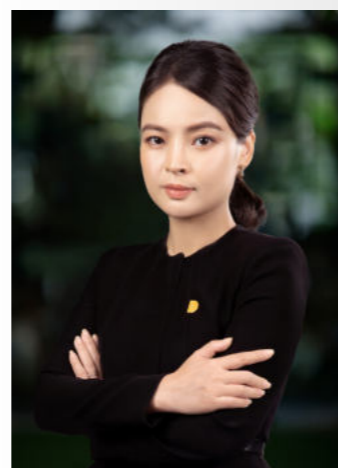
Thời điểm được bổ nhiệm	Năm 2017
Ngày/tháng/năm sinh	21/12/1983
Quốc tịch	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	260,000 cổ phiếu tương ứng với 0,059%
Trình độ chuyên môn	Cử nhân ngành Ngân hàng Tài chính

Thành tựu nổi bật:

Hơn 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng

Xây dựng đội ngũ kinh doanh nguồn vốn và quan hệ kinh doanh với các định chế tài chính ngân hàng, giúp VNDIRECT mở rộng được mạng kinh doanh tài chính với các định chế ngân hàng trên thị trường

Bà cũng là một trong những đội ngũ lãnh đạo trẻ xây dựng sự nghiệp và sự thành công tập thể ở VNDIRECT.



Bà TRẦN THỊ HỒNG NHUNG

Giám Đốc Tài chính Kế toán

Thời điểm được bổ nhiệm	Năm 2021
Ngày/tháng/năm sinh	27/08/1977
Quốc tịch	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	0
Trình độ chuyên môn	Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh và ngành kế toán tài chính

Thành tựu nổi bật:

Thành tựu nổi bật: Hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng



■ NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BĐH 2021

CTCP Chứng khoán VNDIRECT (Mã CK: VND) thông qua quyết định thôi giữ chức danh Quyền Tổng giám đốc với ông Đỗ Ngọc Quỳnh kể từ ngày 22/11/2021. Ông Đỗ Ngọc Quỳnh sẽ giữ chức danh Phó Chủ tịch thường trực HĐQT VNDIRECT.

Trước đó, ông Đỗ Ngọc Quỳnh đã được bổ nhiệm là Quyền Tổng giám đốc VNDIRECT từ đầu năm 2020. Trong gần 2 năm dẫn dắt, VNDIRECT đã có những bước tiến lớn mạnh, củng cố vị trí Công ty chứng khoán hàng đầu thị trường. Vốn hóa VNDIRECT cũng tăng vọt và hiện trên mức 32.000 tỷ đồng. Thay thế ông Đỗ Ngọc Quỳnh đảm nhiệm vai trò Quyền Tổng giám đốc VNDIRECT kể từ ngày 22/11/2021 là ông Nguyễn Vũ Long. Ông Nguyễn Vũ Long tốt nghiệp Thạc sĩ trường Đại học New South Wales chuyên ngành Kinh tế và đã có hơn 9 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư - tài chính.

Ông Nguyễn Vũ Long đã gắn bó với VNDIRECT trong 6 năm và trải qua nhiều vị trí quan trọng của công ty như Trưởng phòng kinh doanh tiền tệ, Giám đốc Nguồn Vốn. Đồng

hành với VNDIRECT trong suốt thời gian qua, ông đã và đang đóng góp không nhỏ trong những bước tiến phát triển vượt bậc của công ty và trở thành một trong những lãnh đạo trẻ tiêu biểu trong những năm gần đây.

■ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Ngay từ những ngày đầu thành lập, VNDIRECT đã xác định con người - công nghệ - chuỗi giá trị là nền tảng vững chắc cấu thành nên năng lực tổ chức. Chính vì vậy, VNDIRECT tin rằng, bằng cách gia tăng chất lượng chính sách nhân sự sẽ là cách tốt nhất giúp mỗi thành viên cảm thấy hài lòng với công việc và nuôi dưỡng động lực phát triển hơn nữa cùng với chiến lược của Công ty.

VNDIRECT chủ trương xây dựng một môi trường làm nghề chuyên nghiệp với văn hóa cộng sự - động hành - thấu hiểu, để mỗi thành viên khi gia nhập VNDIRECT đều có cơ hội được thỏa sức sáng tạo và sẵn sàng cống hiến. Cơ hội tuyển dụng tại Công ty luôn được đảm bảo công bằng cho mọi đối tượng, từ sinh viên mới ra trường đến

những ứng viên có kinh nghiệm trên thị trường tài chính.

Năm 2021, sự bùng phát của đại dịch Covid - 19 đã khiến cho mọi hoạt động giao tiếp bị hạn chế. Vì vậy, các hoạt động tuyển dụng trực tuyến đã được triển khai kịp thời nhằm đảm bảo an toàn, đồng thời công ty cũng tích cực chuẩn hóa các quy trình phỏng vấn từ xa để tạo điều kiện tốt nhất cho ứng viên. Việc linh hoạt triển khai tuyển dụng trực tuyến và trực tiếp đã giúp hoạt động tuyển dụng năm 2021 thể hiện tốt vai trò của mình, đảm bảo nguồn nhân sự cho giai đoạn phát triển bùng nổ của VNDIRECT, đáp ứng nhu cầu vận hành của các bộ phận.

Năm 2021, với tâm thế trao cơ hội cho những bạn trẻ có nhiệt huyết và tinh thần dẫn thân học hỏi, VNDIRECT đã triển khai chương trình trải nghiệm học làm nghề tài chính lần đầu tiên xuất hiện tại Việt Nam - DTrainee. Chương trình nhằm đào tạo và phát triển ứng viên chưa có kinh nghiệm theo một lộ trình đào tạo chuyên nghiệp và bài bản, giúp ứng viên vừa có kiến thức về làm nghề, vừa có những trải nghiệm thực tế công việc theo lộ trình bài bản tại các bộ phận cùng với các cố vấn chuyên nghiệp. Chương trình đã nhận được 1.500 hồ sơ đăng ký tham gia, đồng thời trao cơ hội được gia nhập VNDIRECT cho nhiều ứng viên khi hoàn thành chương trình.

Với nền tảng sẵn có, VNDIRECT cũng tiếp tục triển khai chuỗi các chương trình hợp tác đa chiều, thường niên với các trường đại học lớn trong lĩnh vực kinh tế, tài chính, công nghệ tại Việt Nam... Các chương trình hợp tác nổi bật trong năm 2021: PTIT Career Week Online 2021, BUV Online Career Fair 2021, RMIT Online Career Fair 2021, Chương trình ký kết hợp tác với Đại học kinh tế - Đại học Quốc gia, Chương trình ký kết hợp tác với Học viên Ngân hàng...

VNDIRECT luôn tạo điều kiện tốt nhất để đảm bảo mức thu nhập của mọi nhân viên xứng đáng với các giá trị mà mình đóng góp. Đặc biệt, từ tháng



9/2021, VNDIRECT đã quyết định bổ sung thêm Bảo hiểm tai nạn 24/24 và Bảo hiểm sức khỏe cho toàn thể CBCNV chính thức của Công ty.

■ **ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ**

Mặc dù năm 2021 chịu nhiều ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19, tuy nhiên các hoạt động đào tạo và phát triển đội ngũ của VNDIRECT vẫn không ngừng được đẩy mạnh thông qua các nền tảng số như eLearning, Microsoft Team... Điều này giúp mỗi cá nhân trong VNDIRECT đều được tạo điều kiện công bằng và thuận lợi để học tập và tự tiếp cận với hệ thống tri thức nghiệp vụ, hệ thống quy trình văn bản cũng như rèn luyện kỹ năng. Thông qua hoạt động đào tạo và phát triển, VNDIRECT cũng phát triển được “dòng chảy tri thức” xuyên suốt trong Công ty, trở thành văn hóa và nền tảng vững chắc cho mỗi thành viên trong tiến trình sự nghiệp cũng như đáp ứng với mọi điều kiện thay đổi của thị trường và chiến lược phát triển của Công ty

STT	Nội dung Đào tạo CBCNV	Tổng
1	Tổng số lớp học cho CBCNV	71
2	Số học viên tham gia	9.019
3	Tổng số lượt học viên tham gia đào tạo	11.980
4	Tổng số giờ đào tạo	525,5

3. Hoạt động khối Vận hành

Năm 2021 chứng kiến đại dịch COVID-19 nhiều lần đạt đỉnh tại Việt Nam với những biến chủng khác nhau, mang đến nhiều khó khăn cho toàn nền kinh tế. Tuy nhiên đây cũng là năm ngành Chứng khoán cho thấy sự bứt phá về nhiều mặt, VNDIRECT cũng đã phải thích ứng nhanh và đáp ứng những yêu cầu mới từ thị trường như việc lượng giao dịch tăng đột biến tại nhiều thời điểm trong năm. Vai trò của đội ngũ Vận hành tại VNDIRECT là cực kỳ quan trọng, khi đã đảm bảo yếu tố liên tục, bền vững và nhất quán trong việc

xử lý giao dịch kể cả ở những giai đoạn cao điểm của thị trường.

Giá trị con người và công nghệ được phản ánh rõ nét trong các hệ năng lực của Khối Vận hành tại VNDIRECT. Năm 2021 đã trôi qua với nhiều thành tựu, nhưng để có thể đạt được những thành công này, các cán bộ Vận hành đã liên tục làm mới, nâng cấp những năng lực khác nhau để có thể cùng hướng đến tầm nhìn và sứ mệnh của Công ty.

■ NĂNG LỰC CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Tốc độ xử lý giao dịch và đặt lệnh cho khách hàng luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu của Khối Vận hành. Tuy nhiên, quá trình giao dịch trước đây đã từng gặp khó khăn do trao đổi thông tin giữa đơn vị Kinh doanh (Môi giới) và Khách hàng chưa được tối ưu. Toàn bộ quá trình trao đổi giữa cán bộ kinh doanh và khách hàng đều không nằm trên bất cứ nền tảng nào để có thể xác thực giao dịch. Việc xác nhận lệnh giao dịch đôi khi bị trì hoãn, dẫn đến chất lượng dịch vụ không được đảm bảo. Khối Vận hành đã thành công trong việc đề xuất giải pháp và thực thi bằng cách thiết lập văn bản Ủy quyền của Khách hàng cho Môi giới, đem đến những giá trị nổi bật như:

- Giảm thiểu khối lượng lưu trữ, lưu kho, giảm nhân lực và thời gian cho hoạt động vận hành, tối ưu hóa tốc độ xử lý;
- Tăng cao tính tuân thủ;
- Cải thiện trải nghiệm khách hàng, cải thiện tính an ninh thông tin cho khách hàng;
- Cải thiện được môi trường, giảm thiểu khối lượng giấy được sử dụng;

Khi tất cả còn chưa quen với quy trình mới, và nhiều môi giới nhận định không phải khách hàng nào cũng sẵn sàng làm văn bản ủy quyền. Việc chuyển đổi trên đã gặp không ít khó khăn trong cả nội bộ lẫn bên ngoài, khi khối Vận hành đã phải truyền thông tới cả môi giới lẫn khách hàng. Tuy nhiên, kết thúc năm 2021 VNDIRECT đã thành công 100% trong việc thực thi quy trình trên.

■ NĂNG LỰC NGHIỆP VỤ ĐẶC BIỆT (AD-HOC TASK)

Năm 2021 VNDIRECT đã có nhiều cơ chế mới cho các sản phẩm mới. VNDIRECT luôn hướng đến việc đem lại các sự lựa chọn đầu tư đầy đủ cho mọi đối tượng khách hàng. Tại thời điểm giới thiệu, các sản phẩm của công ty không chỉ đáp ứng được với nhu cầu thị trường, mà cũng phù hợp với khả năng nội tại vận hành của VNDIRECT. Đem đến trải nghiệm dịch vụ vẹn toàn cho khách hàng.

Trong năm qua, công ty đã có đến 8 cơ chế và sản phẩm hoàn toàn mới, hệ thống vận hành của VNDIRECT vẫn luôn theo kịp những yêu cầu khắt khe từ khách hàng và thị trường. Các cán bộ Vận hành đã hoàn thành tốt quá trình ghi nhận và hạch toán chính xác các mức thu nhập mềm (hoa hồng) cho bộ phận kinh doanh (khách hàng nội bộ) và đem đến trải nghiệm trọn vẹn. Một số chương trình, sản phẩm mới đã được giới thiệu, và nhận được phản hồi tích cực từ cả khách hàng lẫn bộ phận kinh doanh như:

- **Hỗ Trợ Lãi Suất;**
- **Chương trình 15 năm Trái phiếu;**
- **Chương trình 15 năm CCQ.**

Bên cạnh đó, Khối Vận hành đã thực thành công một số dự án tiêu biểu khác như:

- **Đợt chào bán cổ phiếu DXS;**

- **IPO của quỹ ETF IPAAM 100;**
- **IPO của quỹ Quỹ đầu tư chủ động VNDAF;**
- **IPO của quỹ Quỹ đầu tư cổ phiếu tăng trưởng Ballad Việt Nam.**

Điểm chung của các dự án kể trên là được hoàn thành trong một thời gian ngắn. Đây không phải nghiệp vụ thường xuyên (ad hoc) nhưng vẫn có thể thực hiện thành công. Sau các kiện này, thị trường nhìn nhận VNDIRECT là một tổ chức chuyên nghiệp và có khả năng thích ứng nhanh, không xảy ra sai sót, thể hiện rõ sự mạnh mẽ của hệ thống vận hành, luôn luôn đáp ứng được các nhu cầu từ thị trường và khách hàng.

■ NĂNG LỰC KẾT NỐI HỆ THỐNG (BANKGATE/FUNDGATE)

Thị trường Chứng khoán đã chứng kiến sự phát triển mạnh mẽ trong năm 2020 và 2021, nhu cầu giao dịch Chứng Khoán cũng như số lượng Nhà đầu tư mới tham gia thị trường đang tăng trưởng rõ rệt. Các Nhà đầu tư thông thường sẽ có nhiều tài khoản tại nhiều Ngân hàng khác nhau, điều này đã đưa VNDIRECT vào vị thế cần phải giúp khách hàng dễ dàng kết nối với Tài Khoản Chứng khoán. Hệ thống D-gate đã và đang triển khai tại VNDIRECT, hỗ trợ mọi khách hàng dễ dàng gửi tiền ra / tiền vào tài khoản Chứng khoán.

Kết thúc năm 2021, VNDIRECT đã có kết nối thu/chi hộ với hơn 10 Ngân hàng và sẽ tiếp tục mở rộng mạng lưới trong năm 2022. Ngoài ra, công ty sẽ không ngừng mở rộng kết nối với các đối tác fintech khác, liên tục cập nhật các tính năng thanh toán đa dạng, đem lại những giá trị gia tăng mới cho khách hàng. Việc kết nối với các Định chế Tài chính thông qua D-gate không chỉ đem lại giá trị về chất lượng dịch vụ, đây cũng là bước tiền đề để triển khai bán chéo và mở rộng tệp khách hàng cho VNDIRECT và cả các đối tác Định chế Tài chính khác.

Cũng trong cùng năm, VNDIRECT đã nâng cấp hệ thống giao dịch Chứng chỉ Quỹ (Fundstock) và quá trình nghiệm thu được chuyển đổi từ thủ công sang tự động. Một số tính năng mới được cải thiện như khớp lệnh với Trung Tâm Lưu Ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), đặt lệnh sớm, đặt lệnh muộn. Việc kết nối thành công đã giảm đáng kể gánh nặng về nguồn lực con người phải xử lý các lệnh giao dịch liên quan đến Chứng Chỉ Quỹ. Khách hàng có thể dễ dàng mở Tài khoản tại VNDIRECT và đặt lệnh, mọi thông tin liên quan đến khách hàng hay giao dịch sẽ được chuyển giao tự động đến VSD một cách tự động và an toàn.

Kết nối trực tuyến với VSD các nghiệp vụ giao dịch chứng chỉ quỹ mở. VNDIRECT tự hào là thành viên đầu tiên trên thị trường kết nối với VSD.

■ NĂNG LỰC ONBOARDING KHÁCH HÀNG

Các quy trình biên soạn, ký kết hồ sơ onboarding khách hàng trước đây đã có nhiều điểm chưa hoàn thiện khi các hồ sơ được tập trung về Hội Sở hoặc Chi Nhánh Pasteur-TP Hồ Chí Minh, khiến cho quá trình hoàn thiện và lưu trữ hồ sơ bị chậm lại. Việc hồ sơ được luân chuyển qua nhiều tầng phê duyệt khiến cho quy trình trở nên kém hiệu quả và đôi khi sẽ dẫn đến thất lạc.

Khối Vận hành đã nhận thấy các hạn chế trong quy trình cũ, và sớm thực hiện những thay đổi trong quy trình hoàn thiện hồ sơ onboarding bằng cách xây dựng hệ thống phê duyệt phi tập trung, xây dựng đội ngũ tại các POS với đầy đủ nghiệp vụ và khả năng quản trị rủi ro, giúp kiểm soát hồ sơ Khách hàng tại chính địa bàn lân cận. Bên cạnh việc giảm gánh nặng cho 2 trụ sở chính, tốc độ mở TK Chứng Khoán cho Khách hàng đã cải thiện rõ rệt, đem lại những giá trị gia tăng trong chất lượng dịch vụ của VNDIRECT.

4. Hoạt động Quản trị rủi ro

■ ĐIỂM SÁNG NĂM 2021

Kết quả kinh doanh đạt được nhiều thành công lớn trong năm 2021, VNDIRECT vẫn luôn giữ lập trường vững chắc về định hướng phát triển lâu dài và quy chế Quản trị rủi ro chuyên nghiệp.

Công ty đã hoạt động hiệu quả khi đã giảm số dư tổn thất dự kiến đối với danh mục cho vay ký quỹ từ 37 tỷ đồng năm 2020 xuống gần 25 tỷ đồng. Đồng thời, số dư đệm cho dự phòng rủi ro lên tới hơn 115 tỷ, gấp 5 lần dự phòng bắt buộc theo quy định. Đây là phần dự phòng chung mà Công ty đã tự động trích lập thêm, được xác định bằng 0,75% tổng dư nợ cho vay (không bao gồm dư nợ đã trích lập dự phòng cụ thể)

	Chi phí trích lập năm 2021 (triệu đồng)	Số dư tại 31/12/2021 (triệu đồng)
Dự phòng cụ thể	12.044	24.880
Dự phòng chung	80.847	115.865
TỔNG CỘNG	68.803	140.745

VNDIRECT hiện tuân thủ tuyệt đối với nguyên tắc cho vay ký quỹ (margin) theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước: Cho vay trên một cổ phiếu không vượt 50% (tương đương tỷ lệ ký quỹ ban đầu không thấp hơn 50%) giá tham chiếu hàng ngày. Công ty cũng đã xây dựng và triển khai các mô hình định lượng rủi ro để quyết định mức cho vay phù hợp, đặc biệt với những cổ phiếu có giá trị nội tại yếu kém chỉ cho vay mức 20% - 30%.

■ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Hội Đồng Quản Trị là đơn vị chịu trách nhiệm cao nhất đối với hoạt động QTRR tại VNDIRECT; được tham mưu bởi Hội Đồng QTRR và các hội đồng liên quan; phê duyệt và ban hành chính sách QTRR và hạn mức rủi ro; giám sát việc tổ chức thực hiện triển khai QTRR của Tổng giám đốc và Ban Điều hành.

VNDIRECT tổ chức hệ thống QTRR theo mô hình 03 tuyến phòng thủ độc lập nhằm đảm bảo phân định rõ ràng, nhất quán về chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể của các cá nhân, đơn vị trong hệ thống VNDIRECT, hạn chế các xung đột lợi ích và nâng cao hiệu quả QTRR:

- **Tuyến phòng thủ thứ nhất:** Các đơn vị kinh doanh, các bộ phận hỗ trợ và tác nghiệp kinh doanh có chức năng xây dựng và ban hành các quy trình nội bộ, thực hiện nhận dạng, đo lường và xây dựng các hạn mức rủi ro tại chính đơn vị mình;
- **Tuyến phòng thủ thứ hai:** Bộ phận QTRR có chức năng xây dựng chính sách QTRR và tổ chức hoạt động QTRR bao gồm công tác nhận dạng, đo lường, theo dõi và quản trị rủi ro thống nhất và độc lập với tuyến thứ nhất;
- **Tuyến phòng thủ thứ ba:** Bộ phận Kiểm Toán Nội Bộ dưới sự giám sát và chỉ đạo của Ban Kiểm soát, định kỳ hoặc đột xuất thực hiện các chuyên đề Kiểm Toán Nội Bộ nhằm đánh giá tổng quan hiệu quả hoạt động QTRR của Công ty.

■ CHIẾN LƯỢC QTRR

Chiến lược QTRR được xây dựng cho tất cả các loại rủi ro trọng yếu căn cứ trên chiến lược kinh doanh và kế hoạch tài chính của Công ty từng thời kỳ, đảm bảo:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi tình huống và tuân thủ các chính sách, quy định QTRR của VNDIRECT;

- Xây dựng và phát triển văn hóa rủi ro vững mạnh trên toàn hệ thống VNDIRECT;
- Áp dụng các chuẩn mực tiên tiến và thông lệ quốc tế trong QTRR.

Chiến lược QTRR phải được xây dựng song song với quá trình xây dựng chiến lược kinh doanh và kế hoạch tài chính. Theo đó, từng chỉ số và kế hoạch kinh doanh và tài chính phải được hỗ trợ bởi các chỉ số và kế hoạch QTRR tương ứng.

■ QUY TRÌNH QTRR

a. Nhận diện

Nhận diện rủi ro được thực hiện ở tất cả các tuyến phòng thủ và tại tất cả các đơn vị kinh doanh, phòng ban nghiệp vụ tại VNDIRECT. Việc nhận diện rủi ro trước tiên được thực hiện tại các bộ phận kinh doanh, bộ phận sản phẩm và bộ phận phát sinh nghiệp vụ theo chức năng nghiệp vụ thuộc tuyến phòng thủ thứ nhất. Tiếp đến, tuyến phòng thủ thứ hai thực hiện nhận diện rủi ro theo các mảng nghiệp vụ rủi ro chuyên môn.

Việc nhận diện rủi ro không chỉ dừng lại ở một rủi ro riêng lẻ mà cần nhận diện tác động liên đới của các loại rủi ro, đặc biệt là các loại rủi ro trọng yếu, làm cơ sở cho việc đo lường, theo dõi và kiểm soát được thực hiện đầy đủ.

Việc nhận diện rủi ro được thực hiện bởi nhiều phương pháp như thông qua thống kê, phân tích SWOT, bảng câu hỏi khảo sát, thảo luận giữa bộ phận QTRR, kiểm toán nội bộ và các bộ phận nghiệp vụ liên quan.

b. Đo lường và đánh giá

Đo lường rủi ro được thực hiện trên cơ sở phân tích tác động ngắn hạn và trung dài hạn của rủi ro đối với thu nhập, mức độ an toàn vốn, khả năng đạt được mục tiêu kinh doanh và tính tương thích quy mô hoạt động của VNDIRECT từng thời kỳ.

Việc đo lường rủi ro phải đảm bảo đánh giá được mức độ trọng yếu và tác động tiềm tàng tới Công ty, được thực hiện thông qua bộ chỉ tiêu đo lường tương thích với từng loại rủi ro cụ thể, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- **Xác định trạng thái rủi ro:** Trạng thái cho vay, trạng thái danh mục, trạng thái thanh toán theo đối tác/sản phẩm, trạng thái khe hở thanh khoản, trạng thái chênh lệch rủi ro lãi suất theo các kỳ tái định giá, quy mô đệm thanh khoản.
- **Xác định xác suất xảy ra sự cố:** PD, mô hình BSM, thống kê các lỗi vận hành.
- **Xác định tổn thất, mức độ rủi ro tiềm tàng:** Độ biến động, PV01, VAR, PnL.

Các phương pháp khác phù hợp: Phương pháp định tính, phương pháp định lượng dựa trên xác suất thống kê.

c. Theo dõi

Việc theo dõi rủi ro được thực hiện định kỳ nhằm đánh giá kịp thời và đưa ra cảnh báo sớm các nguy cơ tiềm ẩn đối với hoạt động kinh doanh;

VNDIRECT xây dựng hệ thống báo cáo quản trị nội bộ với tần suất phù hợp với mức độ chi tiết và cấp thiết của nội dung báo cáo, tính trọng yếu của loại rủi ro và khả năng đáp ứng về nguồn lực con người. Hệ thống báo cáo cần được gửi tới các cá nhân, bộ phận thích hợp cho việc tiếp nhận và ra quyết định chỉ đạo kịp thời, phù hợp với diễn biến rủi ro và định hướng của nghiệp vụ kinh doanh.

d. Kiểm soát

Kiểm soát rủi ro được thực hiện dựa trên khẩu vị rủi ro và các hạn mức rủi ro đã được phê duyệt tương ứng với từng nghiệp vụ kinh doanh;

VNDIRECT xây dựng các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và xử lý kịp thời với các rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, các hạn mức rủi ro và có cơ chế giám sát, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp này. Tất cả các cá nhân, bộ phận trong hệ thống VNDIRECT đều có trách nhiệm thực hiện kiểm soát rủi ro theo chức năng, nhiệm vụ cụ thể được quy định tại hệ thống văn bản quản trị nội bộ của Công ty từng thời kỳ.

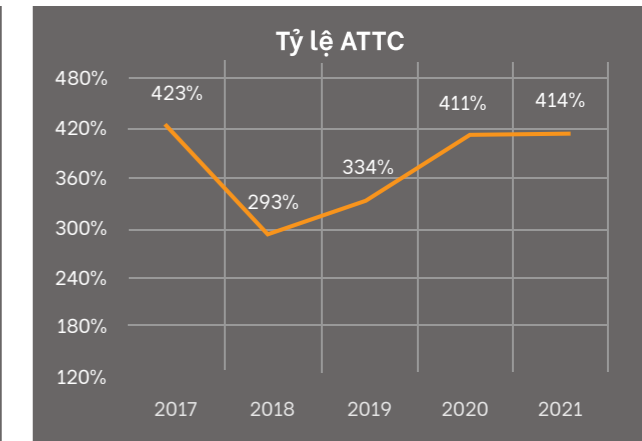
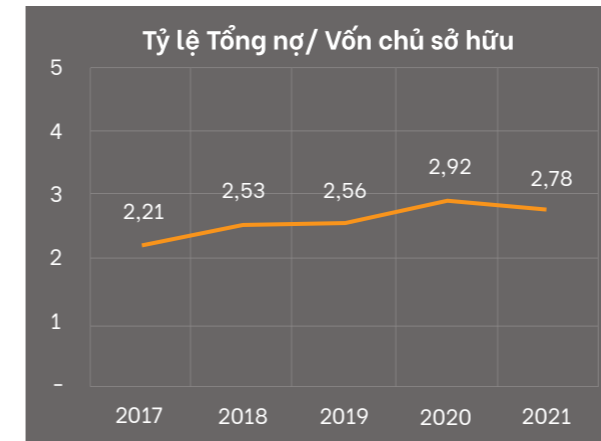
5. Thông tin nổi bật về tài chính

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2020	31/12/2021
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	735	1.089	1.495	1.054	12.616
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.258	5.371	5.548	3.266	5.312
Các khoản cho vay	3.131	2.582	2.887	4.706	15.474
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	748	387	783	2.963	15.474
Tài sản ngắn hạn khác	304	801	526	1.230	3.226
Tài sản dài hạn	876	304	338	1.757	467
TỔNG TÀI SẢN	8.051	10.535	11.577	14.976	37.095
Vay ngân hàng	4.352	6.012	6.554	9.458	20.449
Trái phiếu phát hành	320	1.227	1.104	704	1.250
Nợ phải trả khác	873	313	671	995	5.574
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	5.545	7.552	8.329	11.157	27.273
VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.507	2.983	3.249	3.819	9.822

Trong năm 2021, Công ty đã hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 4.349 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu tăng gấp 2,5 lần so với thời điểm cuối năm 2020, đạt 9.822 tỷ đồng, là một trong những công ty chứng khoán có quy mô vốn lớn nhất trên thị trường. Quy mô tổng tài sản của Công ty đạt hơn 37 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 147% so với cùng kỳ năm trước, trong đó số dư nợ cho vay giao dịch ký quỹ tăng gần 4 lần, lên mức 15.474 tỷ đồng và tài sản tài chính đạt 12.616 tỷ đồng. Danh mục tài sản tài chính bao gồm danh mục

cổ phiếu, trái phiếu và các chứng chỉ tiền gửi với cơ cấu tỷ lệ lần lượt là 19%, 35%, 46%; chủ yếu phục vụ cho các hoạt động kinh doanh nguồn vốn và phân phối trên thị trường bán lẻ.

Mặc dù quy mô tăng trưởng nhanh theo yêu cầu hoạt động kinh doanh nhưng VNDIRECT luôn tuân thủ các quy định liên quan đến an toàn vốn và đảm bảo sức khỏe tài chính doanh nghiệp được ổn định và bền vững.



Công ty luôn duy trì tỷ lệ đòn bẩy tài chính (Tổng nợ trên Vốn chủ sở hữu) dưới 5 lần theo quy định tại Thông tư 121/2020/TT-BTC về hướng dẫn hoạt động của Công ty chứng khoán. Tỷ lệ an toàn tài chính cũng luôn ở mức cao, năm 2021 là 414% so với mức tối thiểu 180% theo quy định.

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Kế hoạch 2021	Kế hoạch 2021 (sửa đổi)	Thực hiện 2021	% hoàn thành
Lợi nhuận trước thuế	1.100	2.000	2.734	136,70%
Lợi nhuận sau thuế	880	1.600	2.178	136,13%

(*) kết quả hoạt động của Công ty mẹ

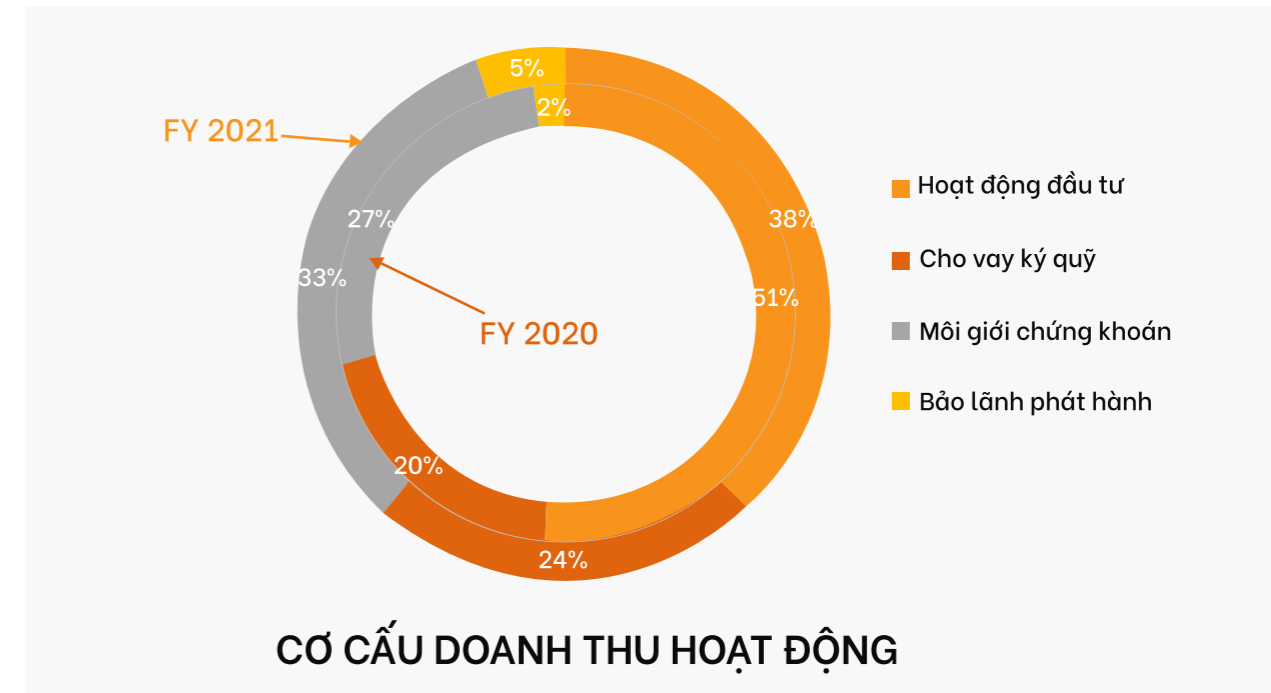
Tại Đại hội Đồng cổ đông năm 2021, Công ty đưa ra kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt 1.100 tỷ đồng, tương đương 113% kết quả hoạt động kinh doanh thực hiện năm 2020. Tuy nhiên, sau 7 tháng, kết quả kinh doanh đạt được những kết quả vượt bậc, trong đó Lợi nhuận trước thuế đạt 1.320 tỷ đồng, vượt kế hoạch đã được đặt ra. Chính vì vậy, Đại hội cổ đông đã thông qua tờ trình về việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2021, đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế cả năm đạt 2.000 tỷ đồng, tương đương lợi nhuận sau thuế là 1.600 tỷ đồng, điều chỉnh tăng 82% từ mức kế hoạch ban đầu.

Năm 2021, Công ty đã xuất sắc hoàn thành, đạt 136% kế hoạch kinh doanh sau điều chỉnh, với Lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty mẹ lần lượt đạt 2.734 tỷ đồng và 2.178 tỷ đồng, là kết quả kinh doanh cao nhất trong 15 năm kể từ ngày thành lập Công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty qua các năm như sau:

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	2017	2018	2019	2020	2021	CAGR
TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG	1.240	1.538	1.502	2.135	6.039	37%
Lãi từ hoạt động đầu tư	512	544	691	1.212	2.961	42%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	344	435	408	361	1.167	28%
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	344	520	335	478	1.615	36%
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	11	18	24	35	255	89%
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	256	610	302	543	2.325	55%
CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	260	305	309	358	300	3%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	571	438	480	862	2.980	39%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	472	373	383	693	2.383	38%
Thu nhập trên tài sản bình quân (ROAA)	7%	4%	3%	5%	9%	
Thu nhập trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	21%	14%	12%	20%	35%	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất



Năm 2021, không những doanh thu hoạt động tăng trưởng mạnh so với năm trước mà tỷ lệ các cấu phần - doanh thu của Công ty cũng đã có những thay đổi, trở nên cân bằng, mang tính ổn định hơn. Đây cũng chính là cơ sở, nền tảng giúp VNDIRECT có thể duy trì được tăng trưởng qua các giai đoạn biến động của thị trường trong tương lai. Đặc biệt, doanh thu từ hoạt động tư vấn, bảo lãnh phát hành tăng hơn 7 lần so với cùng kỳ, đạt 255 tỷ đồng, đóng góp tương ứng 5% vào cấu trúc doanh thu năm.

(* *Doanh thu từ hoạt động đầu tư bao gồm phần chênh lệch Lãi - Lỗ từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL), Lãi từ đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán*)

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

■ Tiêu thụ năng lượng

Trong quá trình vận hành, VNDIRECT xác định rằng mọi hoạt động trong công ty, nếu sử dụng hợp lý nguồn năng lượng sẽ giúp giảm thiểu tác động môi trường; đồng thời tránh lãng phí chi phí vận hành Công ty. Một số biện pháp được áp dụng tại VNDIRECT nhằm kiểm soát và tiết

kiệm tiêu thụ điện năng như sau: Theo dõi và có chế độ bảo trì máy móc thiết bị & hệ thống điều hòa, có kế hoạch vệ sinh định kỳ thiết bị, giúp nâng cao tuổi thọ và tiết kiệm lượng điện năng tiêu thụ. Giám sát sử dụng thiết bị điện, điều hòa một cách hợp lý theo nhu cầu sử dụng. Có quy định và kiểm tra hàng ngày về việc tắt các thiết bị điện sau giờ làm việc (toàn bộ hệ thống điều hòa sẽ tắt sau 18h00 hàng ngày). Thông qua các poster, hoạt động truyền thông nội bộ để nâng cao nhận thức mỗi thành viên về việc sử dụng tiết kiệm điện năng.

Sử dụng năng lượng hiệu quả cũng được chú trọng tại VNDIRECT thông qua ứng dụng công nghệ 4.0 trong các hoạt động vận hành và kinh doanh. Với nền tảng chuyển đổi số toàn diện trong giai đoạn tầm nhìn công nghệ 10 năm (2021 - 2030), VNDIRECT đã từng bước tiến hành số hóa các sản phẩm dịch vụ thông qua các phương thức giao dịch trực tuyến, giúp giảm thiểu việc di chuyển của khách hàng, góp phần giảm thiểu tiêu thụ năng lượng. Thông qua hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, VNDIRECT cũng đã đáp ứng được nhanh chóng và hiệu quả các hoạt động giao dịch, vận hành trực tuyến nhất là trong những giai đoạn dịch bệnh Covid - 19 bùng phát.

■ **Tác động lên môi trường**

Năm 2021, VNDIRECT không ghi nhận trường hợp nào liên quan đến vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường. Đây cũng là năm VNDIRECT đã tiếp tục thực hiện các hoạt động của dự án văn phòng điện tử “E-Office”, ngoài giúp sử dụng hiệu quả nguồn lực, tiết kiệm chi phí vận hành, với sự chuẩn bị kĩ càng về nền tảng công nghệ đây cũng là một cách thức đẩy hiệu quả các hoạt động của Công ty trong quá trình đối phó với dịch bệnh.

Các hoạt động của VNDIRECT dành phần lớn cho các việc liên quan đến môi trường sống, như các chiến dịch tặng cây xanh dành cho CBNV vào dịp sinh nhật, sử dụng cốc uống nước riêng, sử dụng các dung dịch tẩy rửa chiết xuất từ thiên nhiên được phân phối bởi Công ty cổ phần

Thuần dưỡng Việt HomeFood, đồng thời khuyến khích CBNV sử dụng đồ ăn HomeFood với hộp cơm thủy tinh nhằm giảm thiểu việc sử dụng túi ni-lông, các sản phẩm từ nhựa.

Tối đa hóa cách thức họp trực tuyến hiệu quả hay cách sử dụng tối đa các nguồn lực công nghệ trong Công ty. Các hoạt động này luôn được thực hiện đồng bộ trong năm, cùng các hoạt động vận hành mà Khối Hỗ trợ thực hiện cho công việc bảo vệ môi trường.

■ **Chính sách liên quan đến người lao động**

VNDIRECT không những xây dựng môi trường làm nghề chuyên nghiệp mà còn xây dựng các chính sách ưu việt, hài hòa giữa lợi ích của Công ty và người lao động.

Mối quan tâm của người lao động

Hành động của VNDIRECT



ĐƯỢC TẠO ĐIỀU KIỆN LÀM NGHỀ TÀI CHÍNH CHUYÊN NGHIỆP VÀ CƠ HỘI PHÁT DẪN THÂN PHỤNG SỰ CÙNG SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VNDIRECT

Trao cơ hội công bằng cho tất cả các thành viên được học hỏi, dẫn thân và đón nhận thử thách

Xây dựng và phát triển khung năng lực cốt lõi IPAM (Tôn trọng sự thật – Đam mê học tập – Dẫn thân phụng sự – An trú hiện tại) giúp mỗi cá nhân tại VNDIRECT kiến tạo được con đường sự nghiệp của riêng mình và đóng góp với sứ mệnh chung của Công ty.

Xây dựng và thực thi kế hoạch phát triển nhân lực phù hợp với các mục tiêu và chiến lược phát triển của Công ty.



ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC

Xây dựng các khu làm việc theo mô hình mở, với trang thiết bị hiện đại nhằm đáp ứng tối đa nhu cầu làm việc



ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN

Bên cạnh quy trình tuyển dụng được nghiêm túc tuân thủ, đảm bảo sự minh bạch, công bằng trong công tác tuyển dụng nhân sự phù hợp; VNDIRECT luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất để mọi nhân viên phát triển toàn diện cả về trình độ chuyên môn và kỹ năng mềm phục vụ công việc thông qua chương trình đào tạo được thiết kế riêng cho từng cấp bậc nhân viên



ĐƯỢC ĐẢM BẢO CÁC QUYỀN LỢI CHÍNH ĐÁNG VỀ CẢ VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN

Thực hiện các chế độ bảo hiểm, các chế độ phúc lợi theo quy định.



MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC CÂN BẰNG, THÂN THIỆN

CBNV tại VNDIRECT thường xuyên được tham gia các khóa học Chánh kiến, ứng dụng đạo Phật... giúp cân bằng cuộc sống và công việc.

Các hoạt động thiện nguyện, thể dục thể thao, kết nối đoàn thể... cũng là cách công ty giúp mỗi thành viên tận hưởng cuộc sống và gắn kết hơn.



MỞ RỘNG HỖ TRỢ DO KHÓ KHĂN CỦA ĐẠI DỊCH COVID – 19

Bên cạnh việc thực hiện quyết liệt, hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch Covid – 19 nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động, VNDIRECT với tinh thần sẵn sàng chia sẻ khó khăn để cùng vượt qua tác động của đại dịch đã ban hành các chính sách hỗ trợ người lao động như: Hỗ trợ bữa trưa tại nơi làm việc, bổ sung chính sách hỗ trợ người lao động bị nhiễm Covid – 19 từ ngân sách Công ty, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hồ sơ hưởng chính sách bảo hiểm xã hội cho người lao động.



■ CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI, THIÊN NGUYỆN

“ Trong năm 2021, dịch Covid-19 diễn biến hết sức phức tạp và ảnh hưởng đến mọi mặt kinh tế, đời sống, xã hội của mọi người dân Việt Nam. Với tinh thần tương thân tương ái, toàn thể đội ngũ CBNV VNDIRECT đã cùng nhau triển khai nhiều hoạt động cộng đồng ý nghĩa. ”

Trong tháng 7/2021, CBNV VNDIRECT đã chung tay quyên góp để hỗ trợ lương thực, thực phẩm cho người dân TP. Hồ Chí Minh, đặc biệt là người dân Quận 8, quận “nóng” nhất và cần sự giúp đỡ nhất trong thành phố. Từ tháng 7 - 9/2021, CBNV VNDIRECT đã chung lòng quyên góp cho chương trình Tiếp sức chiến sĩ áo trắng với số tiền lên đến gần 300 triệu đồng, quy đổi thành các thiết bị y tế, dược phẩm tới bệnh viện Việt Đức, bệnh viện Chợ Rẫy TP HCM, bệnh viện Dã chiến số 3 và bệnh viện dã chiến Củ Chi.

Tháng 8/2021 - thời điểm căng thẳng nhất của dịch Covid - 19, nhận thấy các Thầy Cô Làng Mai đang đối mặt với các khó khăn hàng ngày trong tình hình đại dịch kéo dài, VNDIRECT đã tài trợ số tiền lên đến hơn 1 tỷ đồng nhằm tri ân các thầy cô tại Làng Mai - những người đã hướng dẫn thực hành và chăm sóc nếp sống chánh niệm cho các thành viên trong VNDIRECT.

Tháng 9/2021, Câu lạc bộ hoạt động cộng đồng của VNDIRECT đã tham gia Chương trình “Trung thu hồng mùa dịch 2021”. Trong khuôn khổ chương trình, thay lời tri ân đến các y bác sĩ tuyến đầu chống dịch, VNDIRECTORS trao quà tận tay đến các bệnh nhi đang điều trị tại Bệnh Viện Nhi Trung Ương, Viện Bông Quốc gia, Bệnh viện Châm cứu Trung ương, Bệnh viện K và Viện Huyết học - Truyền máu Trung ương, đồng thời tặng trên 9.500 phần quà đến con em các Y, Bác sĩ tại 31 trung tâm y tế trên địa bàn Hà Nội.

Bên cạnh đó, trong năm 2021, VNDIRECT là đơn vị tích cực ủng hộ Quỹ Vaccine phòng chống Covid-19, Quỹ Người Việt thương nhau, góp sức ủng hộ Bệnh viện Dã chiến, Bệnh viện hồi sức cấp cứu Bình Dương cũng như Phường Bến Nghé trong công tác chống dịch Covid 19.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2022

1. Phân tích và nhận định thị trường năm 2022
2. Kế hoạch kinh doanh 2022
3. Mục tiêu phát triển đội ngũ
4. Mục tiêu về công nghệ
5. Mục tiêu về hoàn thiện chuỗi giá trị sản phẩm dịch vụ hướng tới khách hàng



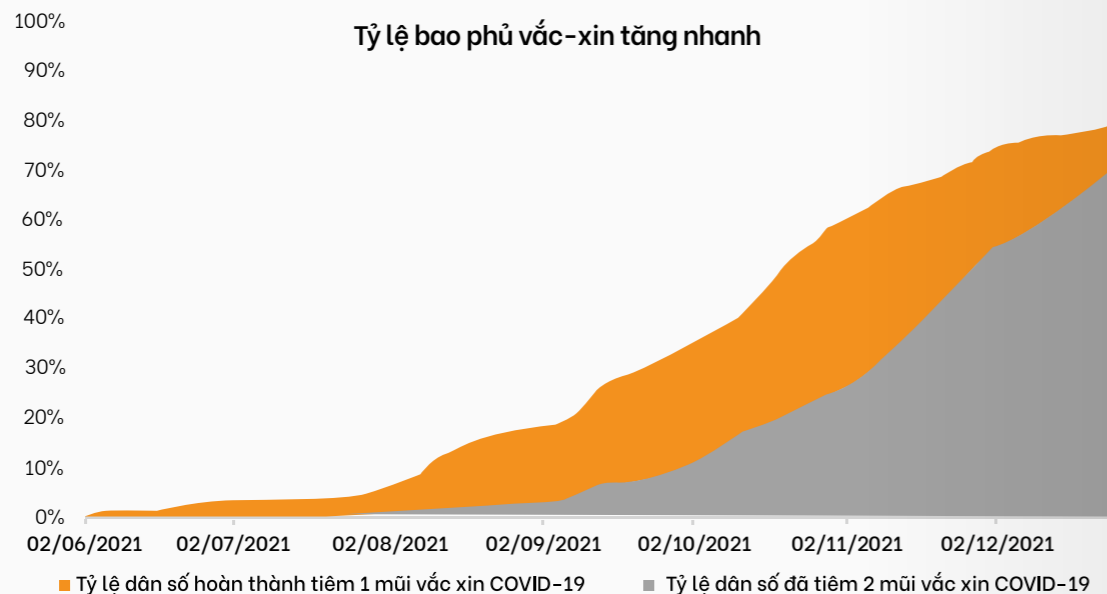
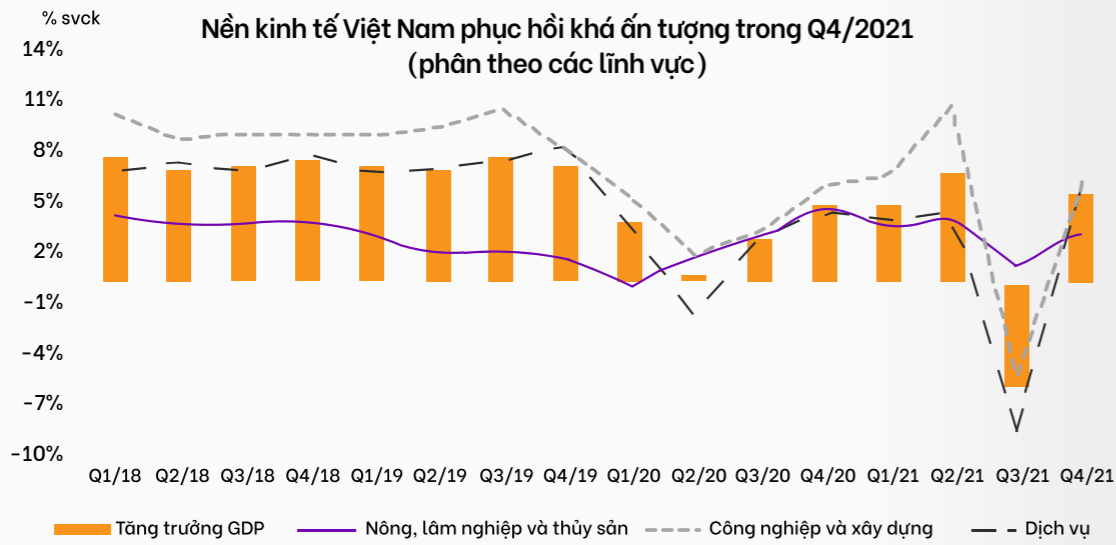
III. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2022

1. Phân tích và nhận định thị trường năm 2022

■ KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2021: VƯỢT QUA ĐÁY KHỦNG HOẢNG

Năm 2021 là một năm đầy khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam bởi làn sóng dịch COVID-19 do biến chủng Delta gây ra, tuy nhiên, Việt Nam không ngừng cải thiện và ghi nhận những điểm sáng nhất định cho năm 2021. Theo tổng cục Thống kê (TCTK), GDP Việt Nam trong Q3/21 giảm

6,2% svck, đây là mức tăng trưởng hàng quý thấp nhất từng được TCTK ghi nhận. Tiếp đó, chính phủ Việt Nam thúc đẩy mạnh mẽ tiêm vắc-xin toàn dân tạo tiền đề duy trì phát triển nền kinh tế. Kể từ tháng 10/2021 ghi nhận những tín hiệu phục hồi nhanh chóng về sản xuất công nghiệp, tiêu dùng sau khi các địa phương nới lỏng giãn cách xã hội và đạt mức tăng trưởng GDP quý 4/2021 là 5,2% svck, tuy nhiên tính chung cả năm 2021, GDP Việt Nam chỉ tăng trưởng ở mức 2,6%, thấp hơn mức tăng trưởng 2,9% của năm 2020



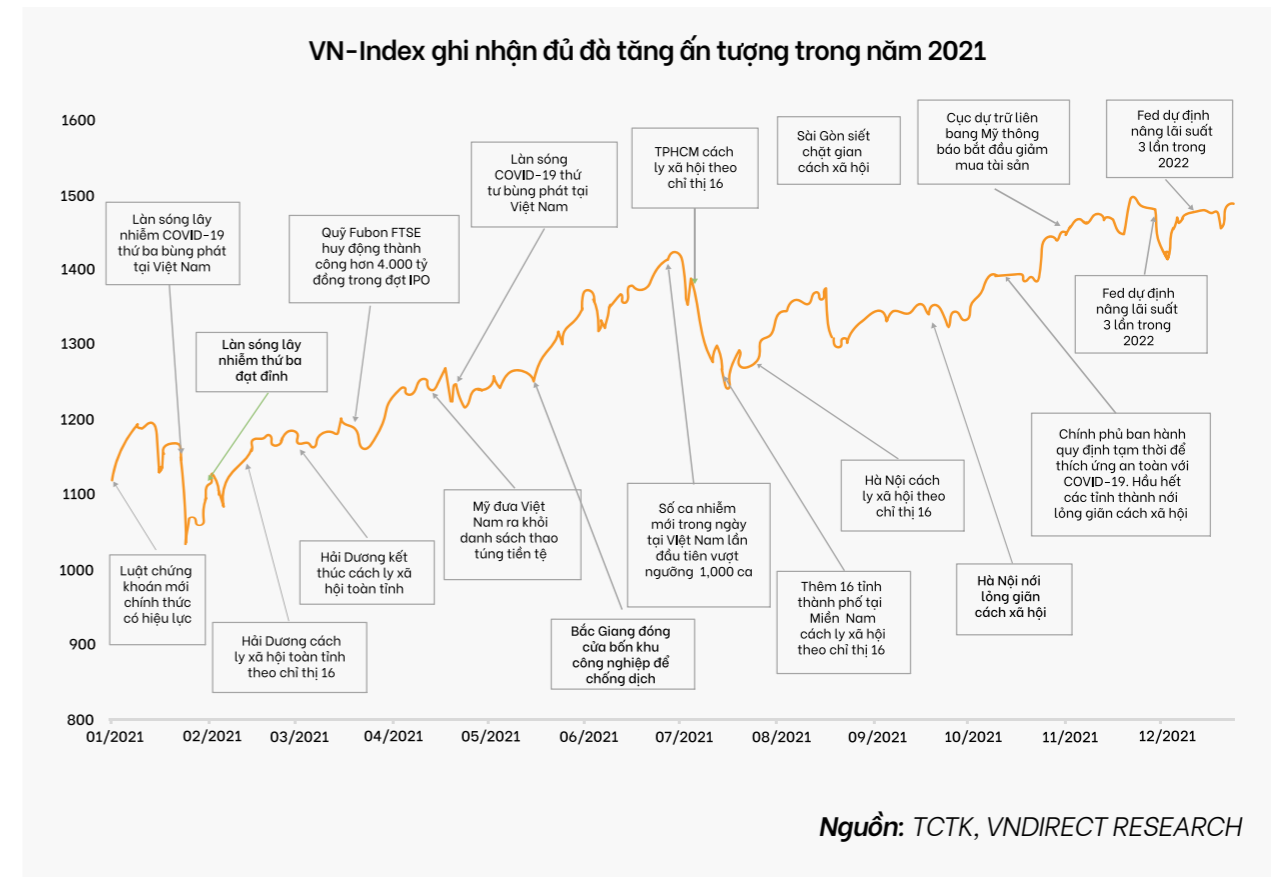
Việt Nam đã có một năm tăng trưởng ấn tượng về hoạt động xuất khẩu bất chấp giãn cách xã hội và đứt gãy chuỗi cung ứng. Cụ thể, xuất khẩu năm 2021 tăng trưởng 19% svck lên 336,3 tỷ USD nhờ nhu cầu nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng tăng cao tại các nước phát triển và hưởng lợi từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam đã ký kết trong vài năm vừa qua như CPTPP, EVFTA.

Trong năm 2021, dòng vốn FDI vào Việt Nam vẫn khá tích cực. Theo TCTK, tổng vốn đăng ký của các dự án FDI trong 6 tháng cuối năm 2021 tăng 23,5% svck lên 15,9 tỷ USD (so với mức giảm 2,6% svck trong nửa đầu năm 2021). Như vậy, những lo ngại trước đó về việc dòng vốn nước ngoài rời bỏ Việt Nam do làn sóng dịch COVID-19 lần thứ tư và giãn cách xã hội đã không xảy ra. Tính chung cả năm 2021, tổng

vốn đăng ký của các dự án FDI tăng lên 31,2 tỷ USD (+ 9,2% svck).

Điểm tích cực hơn so với các đợt khủng hoảng trước đây (như đợt khủng hoảng 2008) là Việt Nam đã duy trì được nền tảng vĩ mô ổn định. Cụ thể, lạm phát bình quân năm 2021 chỉ tăng 1,8% svck, mức thấp nhất kể từ năm 2016, đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát dưới 4% của Chính phủ. Bên cạnh đó, tỷ giá duy trì ổn định, Việt Nam đồng tăng giá 1,2% so với đồng USD (tỷ giá liên ngân hàng) trong khi hầu hết các đồng nội tệ khác trong khu vực Đông Nam Á đều mất giá mạnh so với đồng USD. Tựu chung lại, chúng tôi cho rằng, việc ổn định nền tảng kinh tế vĩ mô sẽ tạo dư địa cho các chính sách tài khóa, tiền tệ duy trì nới lỏng trong thời gian tới để thúc đẩy quá trình phục hồi của nền kinh tế kể từ năm 2022.

■ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM (TTCK) NĂM 2021: KIÊN CƯỜNG TRƯỚC GIÔNG BÃO



Nguồn: TCTK, VNDIRECT RESEARCH

TTCK Việt Nam khởi đầu năm 2021 một cách mạnh mẽ với chỉ số VN-Index tăng 8,2% chỉ trong 2 tuần đầu. Tuy nhiên, làn sóng Covid-19 thứ ba đã phủ bóng đen lên TTCK Việt Nam một vài tuần sau đó. Chỉ số VN-Index đã giảm xuống mức thấp nhất năm 2021 tại 1.035,51 điểm vào ngày 01/02/2021, tương đương với mức giảm 13,3% so với mức đỉnh vào ngày 15/01/2021. Nhờ thành công trong việc kiểm soát làn sóng COVID-19 thứ ba trên cả nước, TTCK Việt Nam dần hồi phục, vượt qua đỉnh năm 2018 là 1.204 điểm và thiết lập mức cao mới là 1.420,3 điểm vào ngày 02/07/2021. Sự lây lan nhanh chóng của làn sóng COVID-19 thứ 4 trong quý 2/2021 do biến chủng Delta đã khiến thị trường điều chỉnh mạnh từ mức 1.420,3 điểm xuống còn 1.243,5 điểm vào ngày 19/07/2021 (-12,4% từ đỉnh). Tuy nhiên, thị trường không những đã phục hồi hoàn toàn sau đó mà còn thiết lập đỉnh lịch sử mới tại mức 1.500,8 điểm vào ngày 25/11/2021 trước khi điều chỉnh nhẹ và chốt năm 2021 ở mức 1.498,3 điểm (+35,7% so với cuối năm 2020). Theo quan điểm của chúng tôi, sự bùng nổ của TTCK Việt Nam trong năm 2021 được hậu thuẫn bởi (1) sự tăng trưởng lợi nhuận mạnh mẽ của các công ty niêm yết trong 9T21 bất chấp đại dịch; (2) môi trường lãi suất thấp đã khiến các nhà đầu tư nhỏ lẻ quan tâm hơn đến TTCK và; (3) tốc độ bao phủ tiêm chủng tăng nhanh thúc đẩy quá trình phục hồi kinh tế. Chỉ số HNX-INDEX và UPCOM-INDEX cũng tăng trưởng lần lượt là 133,4% và 51,3% trong năm 2021.

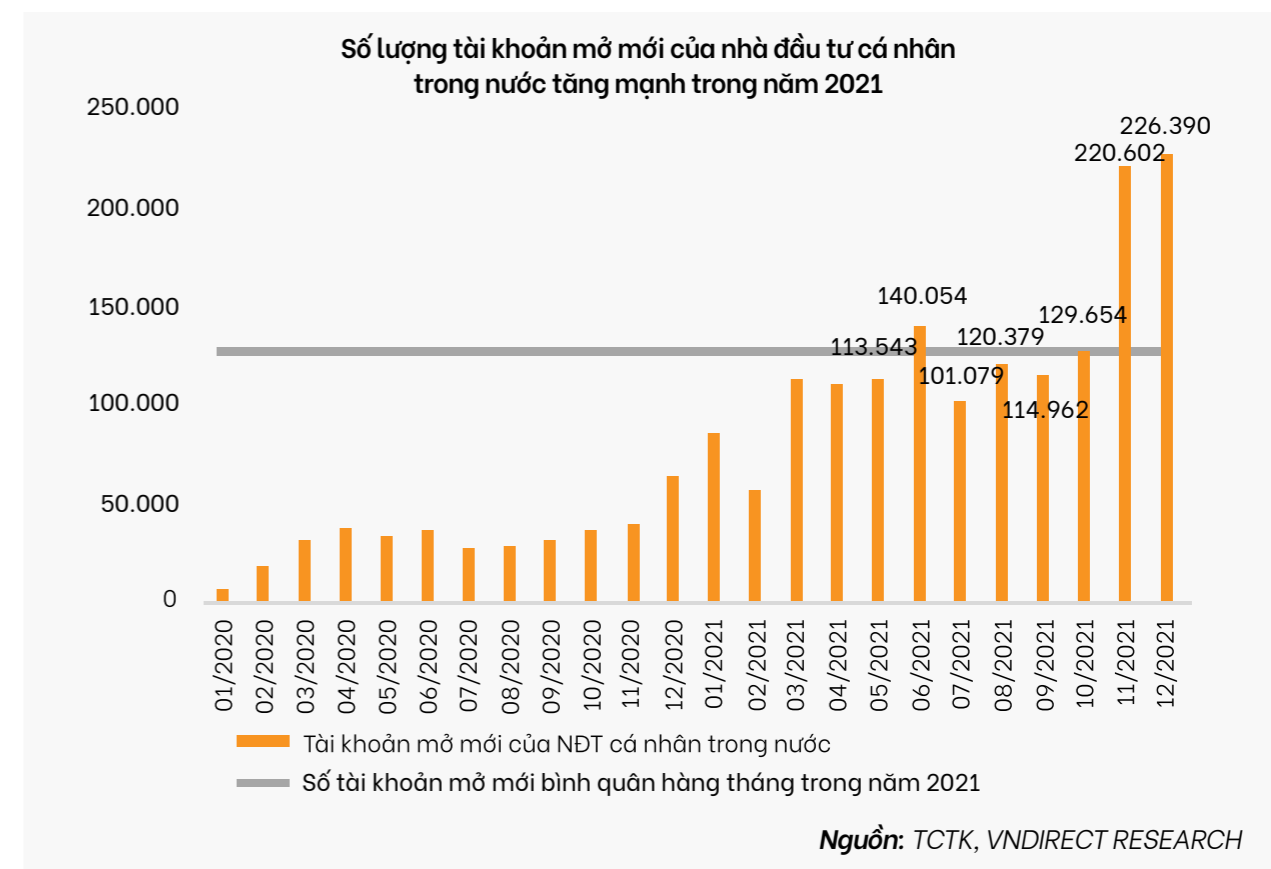
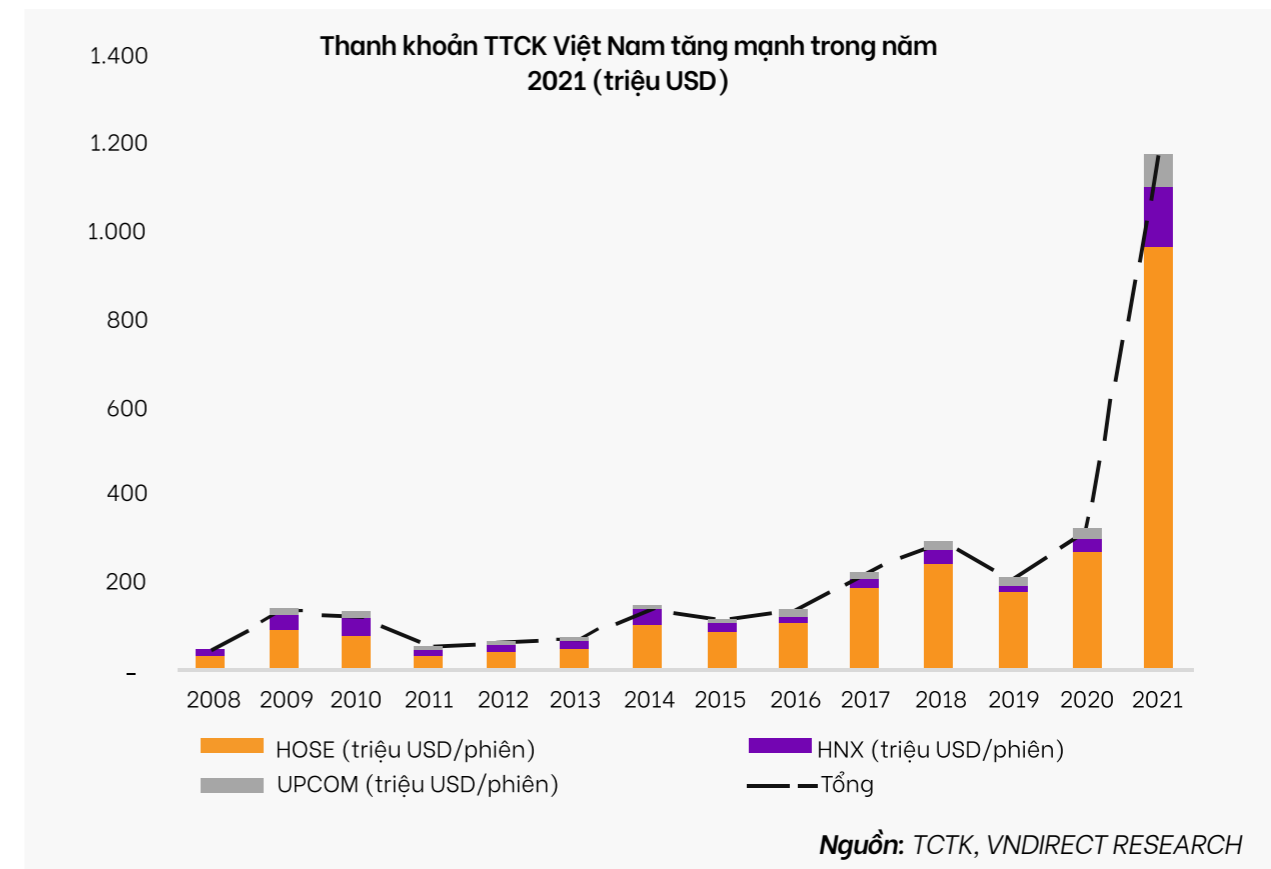
Mức tăng ấn tượng của chỉ số VN-INDEX giúp thị trường chứng khoán Việt Nam vượt qua tất cả các thị trường chứng khoán Đông Nam Á khác trong năm 2021, bao gồm SET Index (+14,4% so với cuối năm 2020), JCI Index (+10,1%), STI Index (+9,8%), PCOMP Index (-0,2%) và FBMKLCL Index (-3,7%).

Thanh khoản thị trường tăng mạnh nhờ “sự bùng nổ của nhà đầu tư cá nhân”

Thanh khoản bùng nổ là điểm nổi bật của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2021. Giá trị giao dịch bình quân phiên năm 2021 tăng 253,9% svck lên 26.858 tỷ đồng do dòng tiền của nhà đầu tư cá nhân trong nước đổ mạnh vào thị trường chứng khoán. Giá trị giao dịch bình quân phiên trên HOSE đạt 21.997 tỷ đồng/phiên (+242,4% svck) trong khi thanh khoản trên HNX và UPCOM cũng tăng lên tương ứng 3.162 tỷ đồng/phiên (+339,1% svck) và 1.699 tỷ đồng/phiên (+283,7% svck).

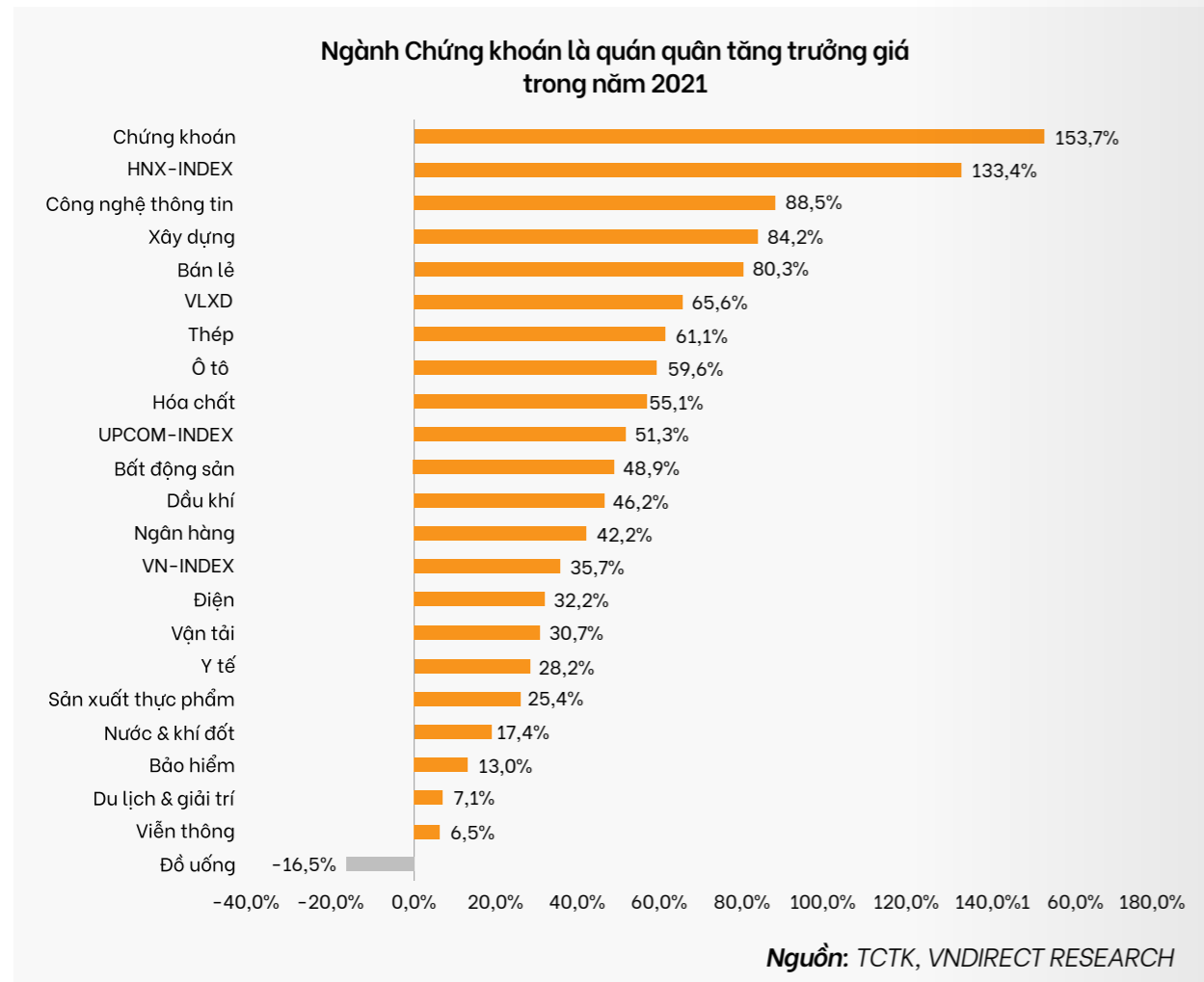
Theo số liệu từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD), nhà đầu tư cá nhân trong nước đã mở mới hơn 1,5 triệu tài khoản chứng khoán trong năm 2021, tăng gần 4 lần so với năm trước. Dòng tiền của các nhà đầu tư cá nhân trong nước đổ mạnh vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm qua có thể được giải thích bởi:

- Hiệu ứng FOMO (tâm lý sợ bỏ lỡ) tăng lên khi các chỉ số chứng khoán vượt đỉnh lịch sử và thu hút sự chú ý lớn của các nhà đầu tư.
- Môi trường lãi suất thấp. Hiện lãi suất huy động kỳ hạn 1 năm của các ngân hàng thương mại bình quân ở mức 5,6%/năm, thấp hơn lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 năm bình quân giai đoạn 2017-2019 (trước đại dịch COVID-19) là 6,8%-7,0%/năm. Trong bối cảnh lãi suất huy động thấp, nhà đầu tư cá nhân đẩy mạnh tìm kiếm các kênh đầu tư khác có lợi suất cao hơn; tiêu biểu là cổ phiếu và trái phiếu doanh nghiệp.
- HOSE nâng cấp thành công hệ thống giao dịch đã giải quyết tình trạng tắc nghẽn giao dịch trên thị trường, nâng cao niềm tin của nhà đầu tư.



■ **CHỨNG KHOÁN LÀ QUÁN QUÂN TĂNG TRƯỞNG GIÁ TRONG NĂM 2021**

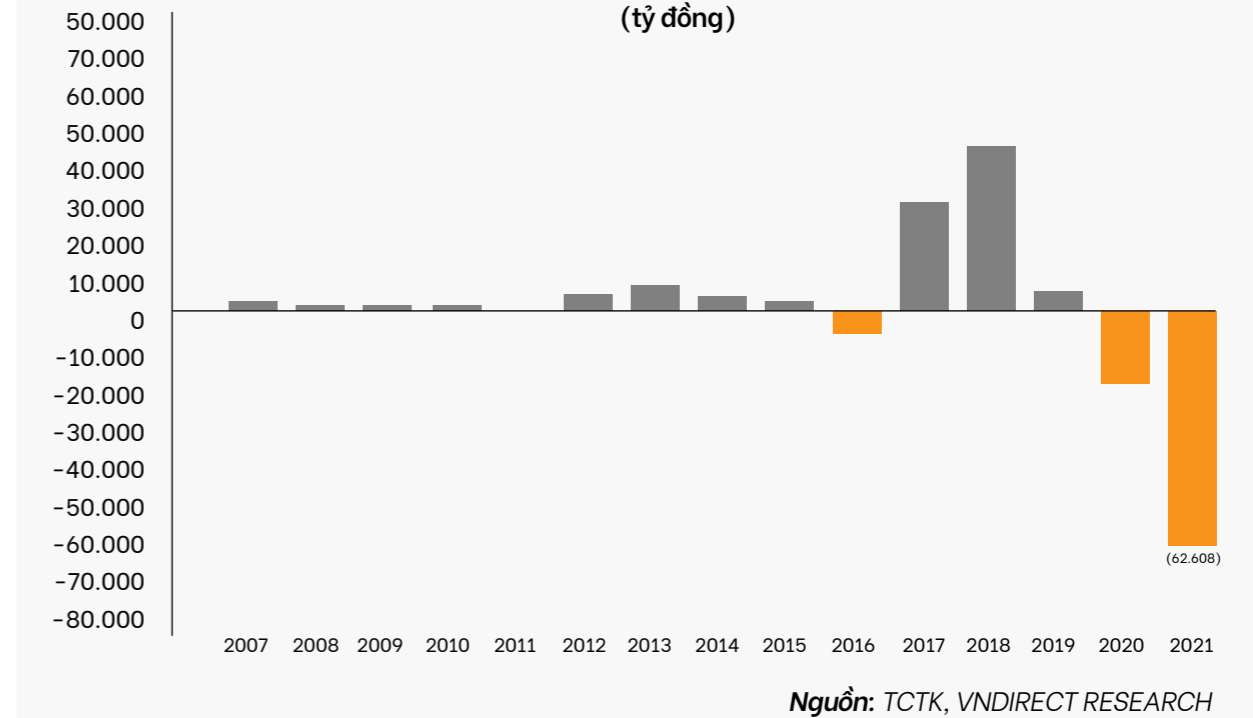
Hầu hết các ngành chứng kiến đà tăng trong năm 2021 ngoại trừ ngành đồ uống. Đáng chú ý, ngành Chứng khoán là ngành có mức tăng tốt nhất trong năm 2021 với mức tăng ấn tượng 153,7% từ đầu năm, tiếp theo là CNTT (+88,5%), Xây dựng (+84,2%), Bán lẻ (+80,3%) và Vật liệu xây dựng (+65,6%). Ngược lại, Đồ uống là ngành duy nhất ghi nhận mức sụt giảm 16,5% từ đầu năm.



■ **KHỐI NGOẠI TIẾP TỤC BÁN RÒNG TRÊN TTCK VIỆT NAM**

Đối lập với dòng tiền của các nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài (ĐTNN) đẩy mạnh bán ròng trên TTCK Việt Nam trong năm 2021 với giá trị bán ròng khoảng 2,7 tỷ USD, tăng gấp hơn 3 lần so với mức bán ròng 840 triệu USD trong năm 2020. Đây là xu thế chung của dòng vốn nước ngoài rút khỏi các TTCK cận biên có độ rủi ro cao để đầu tư vào các thị trường phát triển như Mỹ, châu Âu, Nhật Bản vốn được coi là có độ an toàn cao hơn trong bối cảnh những lo ngại về đà phục hồi kinh tế bị thế giới suy giảm do sự xuất hiện của những biến chủng COVID-19 mới nguy hiểm như Delta và gần đây là Omicron.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh trong năm 2021
(tỷ đồng)



Về thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN), quy mô thị trường TPDN của Việt Nam liên tục tăng trong những năm gần đây và hiện chiếm khoảng 14,8% GDP vào cuối tháng 9 năm 2021. Trong năm 2021, tổng giá trị TPDN phát hành đạt 550.431 tỷ đồng, tăng 35,9% svck; trong đó là 510.185 tỷ đồng phát hành riêng lẻ (+37,4% svck), chiếm 92,7% tổng giá trị phát hành (GTPH), và 40.246 tỷ đồng phát hành ra công chúng (+19,3% svck), chiếm 7,3% tổng giá trị phát hành. Về cơ cấu ngành, các doanh nghiệp Tài chính - Ngân hàng dẫn đầu với GTPH đạt 221.772 tỷ đồng, chiếm 40,3% tổng GTPH trong năm 2021. Tiếp theo là nhóm ngành Bất động sản với GTPH đạt 191.847 tỷ đồng, chiếm 34,9% tổng GTPH. Các nhóm ngành khác chiếm 24,8% tổng GTPH.

■ **TRIỂN VỌNG VĨ MÔ VIỆT NAM NĂM 2022: KHỞI ĐỘNG LẠI CỠ MÁY TĂNG TRƯỞNG**

Chúng tôi cho rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ trở lại trạng thái “bình thường mới” vào năm 2022 với triển vọng tăng trưởng tươi sáng và vững chắc hơn nhờ đạt tỷ lệ tiêm chủng cao. GDP của Việt Nam dự kiến sẽ tăng 7,5% svck vào năm 2022, với

tốc độ phục hồi cao trên mọi phương diện. Chúng tôi nhận thấy bốn động lực tăng trưởng chính đối với nền kinh tế Việt Nam trong năm 2022:

Cầu nội địa phục hồi là lực đẩy quan trọng cho tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong năm 2022. Các yếu tố thúc đẩy sự phục hồi của tiêu dùng nội địa trong năm tới bao gồm: (1) thu nhập thực của người dân được cải thiện trong năm 2022, (2) du lịch hồi sinh sau khi các chuyến bay quốc tế được cấp phép cho mục đích thương mại kể từ quý 4/21 và (3) Chính phủ có thể tung ra gói kích thích tài khóa lớn để kích cầu tiêu dùng trong nước.

Triển vọng xuất khẩu của Việt Nam duy trì khả quan trong năm 2022 nhờ thương mại toàn cầu được kỳ vọng sẽ tiếp tục phục hồi trong năm 2022, những lợi ích từ các hiệp định thương mại tự do ký kết gần đây như EVFTA và RCEP và chi phí vận chuyển dự kiến sẽ dần bình thường hóa từ năm 2021.

Dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam có thể phục hồi mạnh trong năm 2022

nhờ (1) Việt Nam có kế hoạch nối lại các chuyến bay thương mại quốc tế từ đầu năm 2022, (2) Việt Nam vẫn là một địa điểm hấp dẫn đối với các công ty nước ngoài trong chiến lược đa dạng hóa “ Trung Quốc + 1 ” và (3) lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) rất tiến bộ như CPTPP, EVFTA, RCEP giúp các nhà đầu tư vào Việt Nam sẽ được hưởng những ưu đãi lớn về thuế khi xuất khẩu sản phẩm sang các nước đã có FTA với Việt Nam.

Lãi suất trái phiếu Chính phủ đang ở mức thấp so với lịch sử và lạm phát được kiểm soát tốt, Chính phủ có thể tung ra thêm các gói kích thích kinh tế (với quy mô khoảng 4,2% GDP năm 2021) để hỗ trợ phục hồi kinh tế. Bên cạnh đó, Chính phủ có kế hoạch tăng cường đầu tư công vào năm 2022 để bù đắp cho sự suy giảm của các động lực tăng trưởng khác.

Đối với chính sách tiền tệ, chúng tôi kỳ vọng NHNN sẽ tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ nới lỏng ít nhất cho đến cuối Q2/22 để hỗ trợ phục hồi nền kinh tế, thông qua giảm lãi suất cho vay, tiếp tục mua vào ngoại tệ và bơm thanh khoản tiền đồng ra thị trường, cũng như nâng trần tín dụng cho các NHTM. Chúng tôi dự báo tăng trưởng tín dụng năm 2022 có thể tăng lên mức 13-14%.

Về lãi suất cho vay, NHNN có thể mở rộng hơn nữa quy mô gói cấp bù lãi suất lên mức khoảng 40.000 tỷ đồng, giúp cho mặt bằng lãi suất cho vay bình quân giảm thêm 20-40 điểm cơ bản. Về lãi suất huy động, chúng tôi kỳ vọng lãi suất huy động sẽ tăng nhẹ 30-50 điểm cơ bản trong năm tới do (1) nhu cầu huy động vốn cao hơn khi tín dụng được đẩy mạnh, (2) áp lực lạm phát ở Việt Nam có thể gia tăng vào năm 2022, (3) kênh tiền gửi sẽ phải cạnh tranh gay gắt với các kênh đầu tư khác như bất động sản, chứng khoán để thu hút dòng vốn. Tuy nhiên mặt bằng lãi suất huy động sẽ vẫn thấp hơn khoảng 1 điểm % so với thời điểm trước đại dịch.

Về tỷ giá, chúng tôi cho rằng đồng Việt Nam sẽ vẫn tiếp tục ổn định trong năm tới nhờ duy trì thặng dư thương mại và dự trữ ngoại hối tăng cao. Theo đó,

cặp tỷ giá USD/VND có thể tiếp tục duy trì trong kênh giá hẹp từ 22.600-23.050 đồng/USD trong năm tới.

Bên cạnh đó, các yếu tố nền tảng vĩ mô sẽ tiếp tục được củng cố trong năm tới với thặng dư thương mại cao hơn, dự trữ ngoại hối được tăng cường và cán cân thanh toán quay trở lại trạng thái thặng dư. Những yếu tố hỗ trợ này có thể giúp Việt Nam đối phó với những rủi ro bên trong và bên ngoài, bao gồm áp lực lạm phát cao hơn, đồng USD mạnh lên và điều kiện thị trường tài chính toàn cầu kém thuận lợi hơn so với năm 2021.

Trong bức tranh tăng trưởng, kinh tế vĩ mô cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro chính trong năm 2022. Nổi bật nhất là rủi ro liên quan đến dịch bệnh: Đại dịch COVID-19 vẫn đang có những diễn biến phức tạp, khó dự báo và những tác động bất ngờ từ COVID-19 có thể gây ảnh hưởng đến bức tranh vĩ mô quốc tế và Việt Nam. Bên cạnh đó, lạm phát tăng lên trong năm tới là một điều rất hiện hữu. Tuy nhiên, chúng tôi không quá lo ngại về rủi ro lạm phát trong năm tới và dự báo CPI năm tới tăng khoảng 3,5% và vẫn đạt mục tiêu của Chính phủ là kiểm soát lạm phát dưới 4%.

Chúng tôi lo ngại rằng nếu tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc suy yếu mạnh hơn dự tính của thị trường có thể gây ảnh hưởng lớn đến triển vọng xuất khẩu cũng như tâm lý nhà đầu tư tại Việt Nam. Lưu ý rằng, Trung Quốc hiện là đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam. Ngoài ra, Trung Quốc đứng thứ tư trong số các nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong 11 tháng năm 2021.

Bên cạnh nền kinh tế Trung Quốc, rủi ro từ việc bình thường hóa chính sách tiền tệ của một số ngân hàng trung ương như Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) và Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB). Chúng tôi cho rằng việc FED và ECB rút các gói nới lỏng định lượng sẽ không tác động lớn đến chính sách tiền tệ cũng như thị trường tài chính của Việt Nam.

Chi tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	2021	2022 (dự báo)
Tăng trưởng GDP	% svck	7,1	7,0	2,9	2,6	7,5
Tăng trưởng xuất khẩu	% svck	13,3	8,4	6,5	19,0	12,5
Tăng trưởng nhập khẩu	% svck	11,8	6,9	3,6	26,5	10,9
Cán cân thương mại	tỷ USD	6,9	10,9	18,9	4,0	9,8
Cán cân thanh toán	tỷ USD	5,8	12,8	12,7	-1,2	7,8
Thặng dư cán cân thanh toán trên GDP	% GDP	1,9	3,8	3,7	-0,3	2,0
Dự trữ ngoại hối	tỷ USD	55,1	79,0	95,0	107,5	122,5
Dự trữ ngoại hối trên GDP	% GDP	17,9	23,8	27,8	29,8	30,9
Số tháng nhập khẩu	tháng	2,8	3,7	4,3	3,9	4,0
Lạm phát bình quân	% svck	3,5	2,8	3,2	1,8	3,5
Tăng trưởng tín dụng	% từ đầu năm	13,9	13,7	12,1	13,6	14,0
Dư nợ tín dụng trên GDP	% GDP	103,9	107,1	115,7	126,9	131,1
Tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán	% từ đầu năm	12,4	14,8	14,7	10,7	13,0
Lãi suất tái cấp vốn	%	6,3	6,0	4,0	4,0	4,0-4,5
Lãi suất huy động 12 tháng (cuối năm)	%	6,8	6,8	5,6	5,6	6,0
Lợi suất trái phiếu Chính phủ 10 năm (cuối năm)	%	5,1	3,4	2,4	2,1	2,8
Tỷ giá (USD/VND)	% svck	1,8	1,4	-0,3	1,2	+/- 1,0
Thâm hụt ngân sách	% GDP	2,2	2,7	3,1	3,8	4,3
Nợ công	% GDP	46,6	43,4	45,0	45,0	46,1

Nguồn: TCTK, VNDIRECT RESEARCH, NHNN, Bộ tài chính

■ TRIỂN VỌNG TTCK VIỆT NAM NĂM 2022: KỶ VỌNG MỚI CHO NĂM NHÂM DẦN

TTCK Việt Nam kỳ vọng tăng trưởng trong năm 2022

Tăng trưởng lợi nhuận giai đoạn 2022-23 là bộ phận vững chắc cho các chỉ số chứng khoán. EPS năm 2022 của các công ty niêm yết trên HOSE được dự báo sẽ duy trì ở mức cao khoảng 23% svck. Một số ngành dự kiến có sự cải thiện mạnh mẽ về tăng trưởng lợi nhuận, bao gồm Hàng hóa công nghiệp và Dịch vụ, Bán lẻ và Bất động sản. Đối với năm 2023, chúng tôi dự kiến tăng trưởng EPS của các công ty niêm yết trên HOSE được dự báo ở mức 19% svck, vẫn cao hơn tăng trưởng bình quân 12%/năm trong giai đoạn 2017-2020.

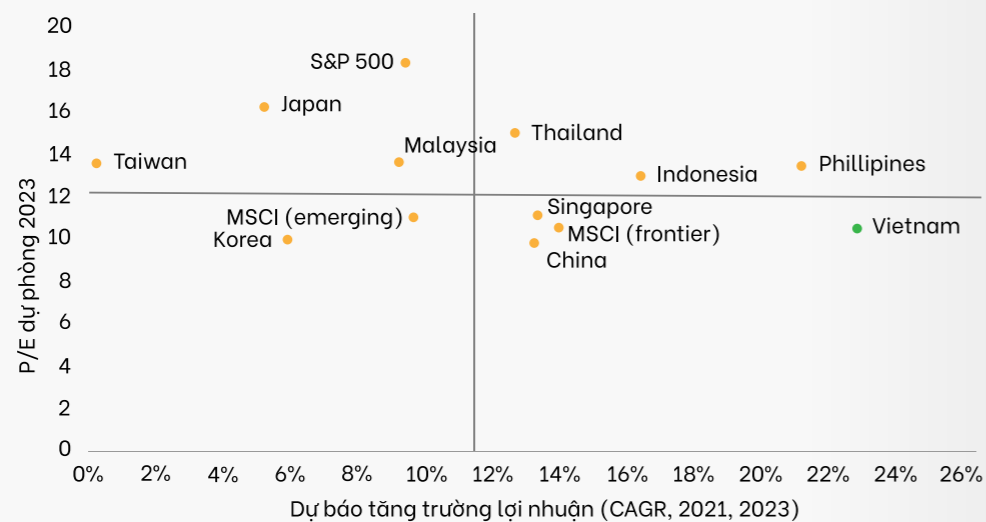
Dòng tiền của nhà đầu tư cá nhân trong nước có thể tiếp tục chảy vào thị trường chứng khoán trong bối cảnh lãi suất huy động vẫn đang ở vùng thấp lịch sử. Hiện lãi suất huy động kỳ hạn 1 năm của các ngân hàng thương mại bình quân ở mức 5,6%/năm, thấp hơn lãi suất tiền gửi kỳ hạn 1 năm bình quân giai đoạn 2017-2019 (trước đại dịch COVID-19) là 6,8%-7,0%/năm. Mặc dù lãi suất huy động được dự báo có thể tăng nhẹ 30-50 điểm cơ bản trong năm 2022, tuy nhiên vẫn thấp hơn đáng kể so với mặt bằng lãi suất trước đại dịch. Trong bối cảnh lãi suất huy động thấp, nhà đầu tư cá nhân sẽ tiếp tục chuyển hướng sang các kênh đầu tư khác có lợi suất cao hơn; tiêu biểu là đầu tư chứng khoán.

Các tính năng mới dự kiến sẽ được triển khai nếu hệ thống giao dịch chứng khoán mới (KRX) chính thức đi vào hoạt động trong nửa đầu năm 2022 như mua bán chứng khoán cùng phiên, bán chứng khoán chờ về. Hệ thống giao dịch mới cũng giúp giải quyết điểm nghẽn về tỷ lệ ký quỹ giao dịch bằng tiền mặt, từ đó có thể thúc đẩy dòng vốn nước ngoài trở lại Việt Nam.

Trong kịch bản tích cực, TTCK Việt Nam có cơ hội được thông báo nâng hạng lên Thị trường mới nổi thứ cấp FTSE trong đợt đánh giá phân loại thị trường hàng năm vào tháng 9 năm 2022 nếu hệ thống giao dịch chứng khoán mới (KRX) chính thức đi vào hoạt động trong nửa đầu năm 2022.

Chỉ số VN-INDEX có thể hướng đến vùng 1.700-1.750 điểm trong năm 2022. Tại thời điểm ngày 31/12/2021, theo dữ liệu của Bloomberg, VN-Index đang giao dịch ở mức P/E trượt 12 tháng là 17,5 lần, cao hơn một chút so với mức P/E hồi đầu năm 2021 ở mức 17,3 lần. Định giá của TTCK Việt Nam vẫn khá hấp dẫn trong trung hạn với P/E dự phóng 2022 và 2023 lần lượt ở mức 14,0 lần và 11,9 lần (thấp hơn P/E trung bình 3 năm gần nhất là 16,1 lần). Chúng tôi kỳ vọng VN-Index đạt 1.700-1.750 điểm trong năm 2022, dựa trên các giả định sau: (1) chúng tôi kỳ vọng P/E của VN-Index vào khoảng 16,0-16,5 lần vào cuối năm 2022, (2) chúng tôi dự báo lợi nhuận ròng của các doanh nghiệp trên HOSE sẽ tăng trưởng 23% svck và tỷ suất lợi tức cổ phần của VN-Index năm 2022 ở mức 1,4%.

Việt Nam nổi bật là thị trường có giá rẻ so với tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận trong giai đoạn 2021-2023 so với các TTCK trong khu vực



Nguồn: TCTK, VNDIRECT RESEARCH, BLOOMBERG

Tiềm năng tăng giá bao gồm: (1) ngành hàng không và du lịch mở cửa trở lại sớm hơn dự kiến và (2) thị trường chứng khoán Việt Nam được nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp của FTSE vào kỳ đánh giá thị trường hàng năm vào tháng 9 năm 2022. Rủi ro của thị trường bao gồm: (1) Áp lực lạm phát tăng cao có thể khiến Fed tăng lãi suất sớm hơn dự kiến, điều này có thể dẫn đến dòng vốn ngoại tiếp tục rút ròng khỏi các thị trường mới nổi và cận biên; (2) áp lực lạm phát cao hơn kỳ vọng ở Việt Nam có thể khiến NHNN đảo ngược chính sách nới lỏng tiền tệ và (3) tăng trưởng lợi nhuận thấp hơn kỳ vọng của các công ty niêm yết.

Về triển vọng thị trường TPDN: Hướng tới phát triển về chất

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2022 được dự báo vẫn tiếp tục sôi động tuy nhiên sức nóng sẽ hạ nhiệt so với giai đoạn 2020-2021 do những quy định chặt chẽ hơn của các

cơ quan quản lý đối với thị trường TPDN. Thay vào đó, thị trường TPDN năm 2022 sẽ có sự phát triển sâu hơn về chất, đặc biệt khi hệ thống giao dịch trái phiếu phát hành riêng lẻ được ra mắt sẽ góp phần gia tăng tính thanh khoản, minh bạch và giảm thiểu rủi ro cho các nhà đầu tư. Theo kế hoạch, thị trường TPDN riêng lẻ sẽ được ra mắt vào cuối năm 2022. HNX có kế hoạch mời các tổ chức xếp hạng tín nhiệm cùng tham gia để có thể đưa những trái phiếu phát hành riêng lẻ có chất lượng tốt nhất lên thị trường giao dịch tập trung. Đồng thời, HNX sẽ hoàn thiện các văn bản pháp lý liên quan, trong đó có sửa đổi Nghị định 153 và hoàn thiện cổng thông tin về chuyên trang TPDN. Chúng tôi kỳ vọng với những giải pháp mới của HNX sẽ thúc đẩy thị trường TPDN không chỉ phát triển theo chiều rộng mà còn theo chiều sâu, ngày càng chuyên nghiệp hơn để hướng đến trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng cho doanh nghiệp và nền kinh tế



2. Kế hoạch kinh doanh 2022

Với đà tăng trưởng 2021, năm 2022 VNDIRECT tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng quy mô thông qua việc tăng vốn chủ sở hữu lên mức hơn 12 nghìn tỷ trong quý 1 và có thể tiếp tục tăng lên trong giai đoạn cuối năm nhằm kịp thời nắm bắt các cơ hội từ thị trường. Bên cạnh đó, công ty sẽ tiếp tục nâng cao năng lực huy động vốn thông qua việc phát hành trái phiếu quốc tế với quy mô dự kiến từ 200 đến 300 triệu USD bên cạnh việc tiếp tục mở rộng năng lực huy động vốn từ các định chế tài chính trong nước.

Về quy mô tài sản, công ty dự kiến tăng trưởng tổng tài sản lên trên 50 nghìn tỷ đồng thông qua các hoạt động kinh doanh trên thị trường tiền tệ, hoạt động kinh doanh trái phiếu, hoạt động cho vay ký quỹ và hoạt động phát hành chứng quyền. Việc xây dựng năng lực kinh doanh dựa trên hoạt động quản lý bảng cân đối giúp công ty kỳ vọng duy trì tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu trên 22% trong năm 2022, với kế hoạch lợi nhuận trước thuế 3.605 tỷ.

Chi tiết kế hoạch kinh doanh năm 2022:

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Kế hoạch 2022	2021	% Tăng trưởng
1. Dịch vụ chứng khoán	1.963	1.631	20%
2. Dịch vụ đầu tư tài chính	2.116	1.167	81%
3. Dịch vụ Ngân hàng đầu tư	371	263	41%
4. Dịch vụ Đầu tư nguồn vốn	945	1.031	-8%
5. Chi hoạt động kinh doanh	1.286	1.064	21%
6. Chi phí quản lý	504	294	71%
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	3.605	2.734	32%
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	2.884	2.178	32%

Đối với hoạt động Khách hàng Cá nhân, với động lực tăng trưởng mạnh từ thị trường chứng khoán, công ty tiếp tục tối ưu hoạt động trên mảng nghiệp vụ dịch vụ chứng khoán truyền thống (Dtrade) của mình thông qua việc đưa ra những gói sản phẩm dịch vụ phù hợp với nhu cầu giao dịch khác nhau của từng phân khúc khách hàng, tối ưu hiệu quả hoạt động của danh mục cho vay ký quỹ cho các KHCN. Bên cạnh đó, công ty tiếp tục hoàn thiện chuỗi giá trị cho hoạt động quản lý tài sản (Dwealth) để thực sự xây dựng được một hệ sinh thái đầu tư đa kênh tài sản cho mọi nhà đầu tư.

Đối với hoạt động Khách hàng doanh nghiệp và IB, Công ty tiếp tục mở rộng năng lực dẫn vốn thông qua các đợt tư vấn phát hành cổ phiếu, trái phiếu cho các Khách hàng. Với điều kiện pháp lý thay đổi trong năm 2022 về phát hành

trái phiếu doanh nghiệp, công ty sẽ tập trung xây dựng năng lực tư vấn phát hành trái phiếu ra công chúng (Public offering) để tiếp tục trong vai trò dẫn vốn cho các Khách hàng Doanh nghiệp trên thị trường. Bên cạnh đó, công ty tiếp tục mở rộng hoạt động quản lý ngân quỹ (CMA) cho các Khách hàng doanh nghiệp, giúp khách hàng tối ưu hiệu quả dòng tiền nhàn rỗi của mình.

Về hoạt động hợp tác cùng các định chế tài chính trong và ngoài nước, VNDIRECT sẽ tiến thêm một bước dài khi lần đầu tiên xây dựng năng lực gọi vốn quốc tế thông qua việc phát hành trái phiếu. Đây là một bài toán thách thức nhưng nếu thực hiện thành công, công ty sẽ mở ra một nguồn vốn mới với tính ổn định cũng như chi phí tối ưu và nhờ đó nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của mình. Bên cạnh đó, với định vị là một hệ sinh thái trung gian luôn sẵn sàng kết nối với mọi đối tác,

VNDIRECT tiếp tục mở rộng hoạt động kết nối dịch vụ thanh toán, kết nối bán chéo sản phẩm với các định chế tài chính lớn trên thị trường Việt Nam.

3. Mục tiêu phát triển đội ngũ

Với việc luôn định hướng con người là một trong ba năng lực cốt lõi công ty cần xây dựng, 2022 công ty tiếp tục kiên định với mục tiêu phát triển đội ngũ nhân sự làm nghề chuyên nghiệp, với các chiến lược để một mặt đáp ứng được nguồn lực ngắn hạn trước sự cạnh tranh khốc liệt của thị trường, đồng thời cũng xây dựng được thể hệ đội ngũ lãnh đạo kế cận trong tương lai, bao gồm



Các chương trình đào tạo nguồn lực nội bộ bao gồm Dtrainee, chương trình lãnh đạo tương lai MA



Nâng cao chất lượng, tiêu chuẩn làm nghề với đội ngũ tư vấn, chuyên gia môi giới, chuyên gia quản lý tài sản, đội ngũ chuyên gia sản phẩm, chuyên gia giải pháp về dịch vụ khách hàng thông qua văn hoá đào tạo vốn đã được xây dựng nhiều năm tại VNDIRECT (Learning organisation)



Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhân sự nhằm thu hút và giữ chân đội ngũ

4. Mục tiêu về công nghệ

Nền tảng công nghệ sẽ tiếp tục được phát triển trong năm 2022 với 4 mũi nhọn

- **ONE ACCOUNT** - cho phép khách hàng quản lý ngân quỹ gia đình, phục vụ mọi mục đích tài chính và đầu tư đa kênh tài sản, giao dịch các loại hình chứng khoán cơ sở, phái sinh, OTC và các giao dịch tài chính và đầu tư trực tuyến dễ dàng
- **DGO APPS** - đang được chuyển đổi để cung cấp các nền tảng mobile apps DGO - My account cho các nhu cầu đầu tư và quản lý tài sản cá nhân trong suốt hành trình của cuộc đời, hay DGO Protrade - cho phép các nhà đầu tư có các tiện ích giao dịch của dân

nhà nghề, hoặc được giao dịch theo dân nhà nghề (copied trades) hoặc lựa chọn chuyên gia môi giới riêng.

- **DSB APPS (D Careby Service)** - nền tảng dashboard được thiết kế cho các chuyên gia dịch vụ tài chính để cung cấp hồ sơ KH theo 360 độ, quản lý lịch hoạt động của khách hàng và tiện ích cảnh báo tài khoản cần chăm sóc đặc biệt. DSB apps đang được hoàn thiện và sẽ ra mắt ngay trong quý 1 năm 2022 để giúp đội ngũ dịch vụ đầu tư có trợ lý số tin cậy.
- **Stockbook** - nền tảng thông tin và tri thức đầu tư mà VNDIRECT đã có ý tưởng xây dựng từ những ngày đầu thành lập, bắt đầu từ hạ tầng finfor và gia tài dữ liệu của nhiều năm mà công ty ra mắt phục vụ khách hàng trên website Dstock.com.vn. VNDIRECT đang tiếp tục phát triển Stockbook để tích hợp tất cả những gia tài dữ liệu và nền tảng data vndirect đang sở hữu để giúp khách hàng tìm kiếm dễ dàng hơn.

Bên cạnh 4 mục tiêu mũi nhọn, Hệ thống hạ tầng phục vụ cho vận hành và ANTT đang tiếp tục được tối ưu, đảm bảo kiểm soát được rủi ro và hoạt động ổn định. VNDIRECT đã dần ổn định được môi trường của một công ty Fintech, tạo cơ hội cho các bạn trẻ muốn theo đuổi sự nghiệp công nghệ trong một định chế tài chính lớn, nhưng vẫn giữ được sự năng động và sức sáng tạo của một công ty luôn start up những giá trị mới cho khách hàng.

5. Mục tiêu về hoàn thiện chuỗi giá trị sản phẩm dịch vụ hướng tới khách hàng

VNDIRECT hướng đến việc tiếp tục hoàn thiện nền tảng sản phẩm cung cấp đa dạng, đầy đủ sự lựa chọn cho khách hàng, phù hợp với điều kiện tài chính, điều kiện đầu tư và khẩu vị rủi ro của mỗi khách hàng. Các sản phẩm được thiết kế đơn giản và dễ dàng tiếp cận với mọi khách hàng.

Đối với nền tảng dịch vụ, công ty tiếp tục cải thiện gia tăng điểm chạm và nâng cao trải nghiệm khách hàng trong mọi quá trình từ onboarding tiếp cận với nền tảng sản phẩm của VNDIRECT tới định hướng, tích lũy kiến thức đầu tư, đồng hành và hỗ trợ khách hàng kiến tạo hành trình đầu tư xây dựng sức khỏe tài chính và sự thịnh vượng.

a. Nền tảng sản phẩm

Năm 2021, VNDIRECT giới thiệu 4 kênh tài sản, giúp cung cấp đa dạng, đủ sự lựa chọn cho mọi nhu cầu của khách hàng để xây dựng sức khỏe tài chính an tâm đầu tư. Tiếp đã phát triển của, năm 2022 dự kiến sẽ là năm đón nhận nhiều sự đột phá mới của 4 trục sản phẩm mới này, thiết lập một hệ sinh thái Dịch vụ đầu tư cực kỳ đơn giản và đủ sự lựa chọn cần thiết cho mọi khách hàng.

- **DSAVE:** là danh mục sản phẩm dành cho các nhà đầu tư cá nhân và doanh nghiệp có tiền nhàn rỗi ngắn hạn đang tìm kiếm kênh đầu tư an toàn, có kỳ hạn linh hoạt, dễ dàng chuyển đổi thành tiền với lãi suất ổn định và hấp dẫn.
- **DLIFE:** là danh mục sản phẩm giúp nhà đầu tư thực hành tiết kiệm đầu tư để tích lũy cho tương lai, từ đó xây dựng sức khỏe tài chính – an tâm đầu tư sau khi nghỉ hưu. Nhà đầu tư có thể đầu tư tích lũy tài sản thông qua tích sản hưu trí hay hình thức tiết kiệm đầu tư định kỳ.
- **DINVEST:** là các sản phẩm đầu tư dành cho khách hàng đang tìm kiếm cơ hội đầu tư với lợi nhuận vượt trội trong dài hạn thông qua việc phân bổ đa dạng vào các loại tài sản như trái phiếu, cổ phiếu và chứng chỉ quỹ.
- **DTRADE:** dành cho Nhà đầu tư lựa chọn hình thức đầu tư chứng khoán, có rủi ro cao và lợi nhuận kỳ vọng cũng cao hơn các loại hình đầu tư tài chính khác. Nhà đầu tư được lựa chọn các gói tài khoản phù hợp với nhu cầu, nền tảng giao dịch vượt trội cùng chính sách dịch vụ hấp dẫn.

b. Nền tảng dịch vụ:

Với vai trò người dẫn đường và kết nối khách hàng với hệ giá trị sản phẩm và dịch vụ của VNDIRECT, giúp khách hàng tìm kiếm chuyên gia đồng hành và tiếp cận được với trí tuệ tập thể của một đội ngũ làm nghề có lý tưởng phụng sự của người có Đạo, có bản lĩnh của những người quân tử nói là làm, và có phẩm chất của những người làm nghề tài chính chuyên nghiệp. Các huấn luyện viên SSE cùng đội ngũ Dlink đã đào tạo cho hơn 200 bạn trẻ và rất nhiều các bạn đang tiếp cận con đường làm nghề cung cấp dịch vụ đầu tư và 2022 sẽ là năm Dlink tiếp tục hỗ trợ các trục SPDV để

Tất cả KH có thể tiếp cận VNDIRECT dễ dàng nhất ngay từ giai đoạn Onboarding và trong suốt hành trình sử dụng dịch vụ tại VNDIRECT.

c. La bàn đầu tư DGO

Trung tâm tư vấn La bàn đầu tư DGO được thành lập với nhiệm vụ cung cấp dịch vụ tư vấn hỗ trợ định hướng đầu tư theo các điều kiện thị trường. Với những nền tảng dữ liệu và bộ nguyên tắc lọc danh mục cổ phiếu, cùng với đó là kinh nghiệm nhận diện điều kiện biến động của thị trường, La bàn DGO đang được số hoá để giúp khách hàng có thể tự thiết lập các cảnh báo phù hợp và theo dõi biến động thị trường. DGO advisory cũng là môi trường học và làm nghề của đội ngũ chuyên gia tập sự và các bạn muốn thăng tiến trên con đường sự nghiệp làm đầu tư.

d. Đội ngũ chuyên gia Dcareby

VNDIRECT vốn luôn tự hào có một đội ngũ chuyên gia môi giới có kinh nghiệm và phẩm chất làm nghề của những chuyên gia giao dịch uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Với mục đích mở rộng nền tảng dịch vụ cho mảng đầu tư tài chính, trong năm 2021 VNDIRECT đã bổ sung được thêm đội ngũ chuyên gia tư vấn đầu tư WA - Wealth Advisors. Đây là đội ngũ chuyên gia đầu tiên của thị trường tài chính Việt Nam, tập trung vào lý tưởng của một Bác sỹ tài chính gia đình, giúp mọi người dân Việt Nam kiến tạo được sức khỏe tài chính và bảo an được sự Thịnh vượng cho nhiều thế hệ con cháu. Đội ngũ chuyên gia đầu tư của VNDIRECT cũng đang dần tích lũy kinh nghiệm để có thể cung cấp một đội ngũ chuyên gia đầu tư và quản lý tài sản để có thể cung cấp dịch vụ quản lý đầu tư theo SMA (tài khoản riêng biệt) cho nhóm khách hàng có tài sản cần dịch vụ chuyên biệt riêng.

e. Đội ngũ chuyên gia Investment Banking.

VNDIRECT đã xây dựng được một đội ngũ chuyên gia Investment Banking có khả năng tiếp cận và đánh giá rủi ro, cung cấp các giải pháp cấu trúc tài chính để giúp Doanh Nghiệp hiện thực hoá được tầm nhìn và cơ hội kinh doanh bền vững, từ đó tạo ra được những hàng hoá có chất lượng cho thị trường vốn và nhà đầu tư cá nhân có cơ hội lựa chọn và tin tưởng đầu tư tích sản.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu cổ đông
2. Hội đồng quản trị
3. Ban kiểm soát



IV. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
Cổ phiếu quỹ	1	1.905	0,00044%
Cá nhân trong nước	27.181	232.145.326	53,37%
Cá nhân nước ngoài	437	3.921.027	0,90%
Tổ chức trong nước	95	122.447.260	28,15%
Tổ chức nước ngoài	63	76.431.074	17,57%
Tổng	27.772	434.944.687	100%

Tháng 7 năm 2021, VNDIRECT đã tăng vốn điều lệ thành công bằng phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1; giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 14.500 đồng/cp; số cổ phần còn lại được phân phối cho cổ đông khác với giá 18.500 đồng/cp. Kế hoạch tăng vốn thành công đã đưa vốn điều lệ của VNDIRECT tăng gấp đôi lên 4.349,5 tỷ đồng, góp phần bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ, đầu tư giấy tờ có giá, bảo lãnh phát hành chứng khoán và bổ sung nguồn vốn cho hoạt động phát hành và phân phối chứng quyền có bảo đảm và các hoạt động kinh doanh hợp pháp khác của công ty.



2. Hội đồng quản trị



BÀ PHẠM MINH HƯƠNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chức vụ hiện nay:	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Thời điểm được bổ nhiệm:	Tháng 12/2006
Ngày, tháng, năm sinh:	17/06/1966
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	12.828.918 cổ phần tương ứng với 2,95%
Trình độ chuyên môn:	Thạc sĩ hệ thống thông tin Đại học Bách khoa Kiev - Liên xô (cũ)

▶ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

04/2018 - nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
2010 - 2018	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
2006 - 2010	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
2003 - 2005	Tổng giám đốc - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn SSI
1995 - 2002	Giám đốc kinh doanh tiền tệ và thị trường tài chính - Ngân hàng Citibank
1993 - 1994	Chuyên gia đào tạo - Trung tâm đào tạo Bưu chính Viễn thông

▶ THÀNH TỰU NỔI BẬT:

Bà Phạm Minh Hương có trên 25 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Bà từng là một trong những thành viên đầu tiên đóng góp vào sự phát triển hoạt động của Ngân hàng Citibank N.A ở Việt Nam. Với cương vị Giám đốc kinh doanh vốn và tài chính - Country Treasurer trong 9 năm hoạt động ở Citibank, Bà Hương đã xây dựng được kinh nghiệm hoạt động trên thị trường tiền tệ và mối quan hệ kinh doanh với hệ thống tài chính ngân hàng, hiểu biết sâu sắc về quản trị kinh doanh trong một tổ chức tài chính ngân hàng hàng đầu ở thế giới. Với kinh nghiệm kinh doanh ở Citibank, Bà đã đóng góp rất lớn trong việc xây dựng nền móng và phát triển Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn SSI, từ một công ty hoạt động môi giới với quy mô vốn 20 tỷ đồng trở thành một trong những định chế ngân hàng đầu tư lớn nhất ở Việt Nam. Vừa với vai trò là cổ đông lớn và vai trò Tổng giám đốc công ty, Bà đã tích lũy được rất nhiều kinh nghiệm để làm nền tảng thành lập Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT.

Mang khát vọng xây dựng một công ty công nghệ số trong lĩnh vực tài chính, Bà Hương đã giành rất nhiều thời gian và tâm sức để xây dựng nền tảng hoạt động của VNDIRECT thành một công ty chứng khoán có dịch vụ khách hàng cá nhân uy tín nhất trên thị trường Việt Nam hiện nay. Không chỉ là một nhà đầu tư chuyên nghiệp, Bà còn là một nhà lãnh đạo quản trị doanh nghiệp hiện đại và là người có kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính - ngân hàng. Dưới sự lãnh đạo của Bà, VNDIRECT thực sự đã được thử thách qua khá nhiều những thăng trầm kinh doanh của một thị trường non trẻ như Việt Nam. Bà cũng là một nhà lãnh đạo có tầm nhìn xa và là người tiên phong trong việc đưa sản phẩm mới tới thị trường. Sự đóng góp của Bà với cộng đồng chứng khoán có sức ảnh hưởng rất lớn và uy tín hoạt động cá nhân đã giúp cho Bà luôn là một nhà lãnh đạo có uy tín lớn trên thị trường tài chính Việt Nam.


ÔNG VŨ HIỀN – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

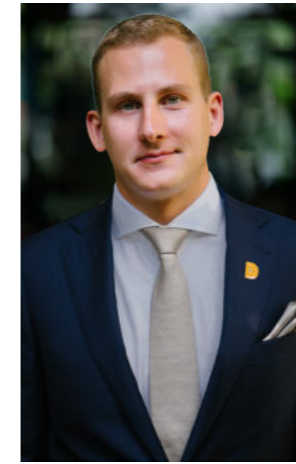
Chức vụ hiện nay:	Thành viên Hội đồng quản trị
Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2019
Ngày, tháng, năm sinh:	15/10/1962
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	180 cổ phần tương ứng với 0,00004%
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư hàng hải – Đại học Hàng hải Việt Nam

▶ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

11/2021 - nay	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT
2009 - 11/2021	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT
2007 - nay	Sáng lập viên, Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A và thành viên HĐQT của nhiều công ty đầu tư mà IPA nắm giữ
1998 - 2006	Giám đốc - Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận hàng hóa VTS
1996 - 1998	Trưởng phòng kinh doanh - Công ty Vận tải biển Vũng Tàu Chi nhánh Hà Nội
1989 - 1995	Công ty Vận tải biển Ngoại thương
1985 - 1989	Công ty Vận tải biển Hà Nội

▶ THÀNH TỰU NỔI BẬT:

Ông Hiền là một doanh nhân có nguyên tắc làm việc rất thận trọng và kỷ luật. Với nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ thương mại, Ông Hiền đã mở rộng lĩnh vực hoạt động sang đầu tư và lãnh đạo IPA Investments thành một tập đoàn đầu tư đa lĩnh vực bao gồm năng lượng, thực phẩm, dược, bất động sản và tài chính. Ông cũng là một doanh nhân có rất nhiều đóng góp trong công tác xã hội tạo thêm giá trị nhân văn và môi trường lành mạnh cho cộng đồng.


ÔNG MIKAEL NASTAMO – THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chức vụ hiện nay:	Thành viên Hội đồng quản trị (Độc lập)
Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2019
Ngày, tháng, năm sinh:	26/2/1988
Quốc tịch:	Phần Lan
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	1.150 cổ phần tương ứng với 0.00052%
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Khoa học tự nhiên

▶ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

12/2014 - nay	Giám đốc Điều hành Wipunen Asia Capital Pte. Ltd.
05/2010 - 11/2014	Chuyên viên phân tích đầu tư WIP Asset Management Ltd.


ÔNG PHẠM LÊ NHẬT QUANG - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chức vụ hiện nay:	Thành viên Hội đồng quản trị (Độc lập)
Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2016
Ngày, tháng, năm sinh:	04/11/1983
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	0 cổ phần tương ứng với 0%
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính Ngân hàng - Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh

▶ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

2016 - nay	Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT
10/2016 - nay	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần VietWash
2015 - nay	Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Beta Media
2014 - 2015	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu công nghiệp Hòa Cầm
2011 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Vietnam Foods
2007 - nay	Thành viên HĐQT Công ty CP QSR Vietnam
2005 - 2007	Chuyên viên môi giới, CTCP Chứng khoán Mê Kông

▶ THÀNH TỰU NỔI BẬT:

- Giám sát và tham mưu chiến lược phát triển trung dài hạn cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT.
- Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính và chứng khoán.


ÔNG ĐỖ NGỌC QUỲNH - PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chức vụ hiện nay:	Phó Chủ tịch HĐQT
Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2020
Ngày, tháng, năm sinh:	02/09/1975
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	0 cổ phần tương ứng với 0%
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế

▶ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

11/2021 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
2020 - 11/2021	Quyền Tổng Giám Đốc - Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
2009 - nay	Tổng thư ký Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam - VBMA
2011 - 2019	Giám đốc Ban Kinh doanh vốn và tiền tệ, hội sở chính BIDV
2008 - 2018	Giám đốc BIDV International HongKong
2006 - 2010	Phó giám đốc Ban Nguồn vốn và kinh doanh tiền tệ, hội sở chính BIDV
2002 - 2005	Trưởng phòng Kinh doanh tiền tệ, hội sở chính BIDV
1997 - 2000	Cán bộ tín dụng, Hội sở chính BIDV

▶ THÀNH TỰU NỔI BẬT:

- Hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và là người gắn bó với thị trường trái phiếu tại Việt Nam từ những ngày đầu phát triển.
- Trong giai đoạn anh Quỳnh công tác tại BIDV, hoạt động kinh doanh vốn và tiền tệ của BIDV đã có nhiều bước phát triển chuyên nghiệp, hiệu quả toàn diện về cả tầm nhìn, chiến lược hoạt động, mô hình tổ chức, bộ máy nhân sự, trình độ công nghệ, chính sách quản lý, phát triển sản phẩm, thị trường, khách hàng... và luôn là ngân hàng nằm trong danh sách các định chế dẫn đầu thị trường về các hoạt động kinh doanh ngoại hối, tiền gửi liên ngân hàng, kinh doanh trái phiếu, tư vấn phát hành trái phiếu, các sản phẩm phái sinh tài chính, các sản phẩm phái sinh về giá cả hàng hoá với nhiều giải thưởng từ các tổ chức quốc tế như Asiamoney, Asia Risks, Global Banking and Finance ... và nhiều bằng khen từ Bộ tài chính, Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán, Hiệp hội thị trường...
- Là một trong các sáng lập viên đầu tiên của Diễn đàn thị trường trái phiếu Việt Nam từ năm 2006 và Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA) từ năm 2009.

■ **HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT**

- Ban Kiểm toán nội bộ: Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc ban Tổng giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này; Đánh giá việc tuân thủ các hoạt động kinh doanh đối với chính sách và quy trình nội bộ; Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với hoạt động đã ủy quyền; Tham mưu thiết lập chính sách và quy trình nội bộ; Đánh giá việc tuân thủ các quy định pháp luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản; Đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh; Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc đạo đức nghề nghiệp và tuân thủ quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền; Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh; Đánh giá hiệu quả của các hoạt động; Đánh giá việc tuân thủ cam kết trong hợp đồng; Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin; Điều tra các vi phạm trong nội bộ công ty; Thực hiện kiểm toán nội bộ công ty; Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành.
- Hội đồng Quản trị rủi ro: Tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến Quản trị rủi ro của Công ty; Nghiên cứu, phát triển, ban hành chiến lược và chính sách, quy chế, quy trình quản trị rủi ro trong hoạt động của Công ty; Kiểm tra, đánh giá sự phù hợp hiệu quả và hiệu lực của Bộ phận quản trị rủi ro và của cả hệ thống quản trị

rủi ro đã được thiết lập trong Công ty. Ban hành các chính sách, hạn mức rủi ro, quy định nguyên tắc, bộ tiêu chí, phân quyền quản lý và phê duyệt rủi ro, các tham số và mô hình quản trị rủi ro; Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết/Quy chế của HĐQT hoặc Quyết định của HĐQT.

- Hội đồng nhân sự: Tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị nhân sự của Công ty; Quyết định các vấn đề về chiến lược nhân sự của Công ty trong từng thời kỳ; Phê duyệt cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ của Công ty; Phê duyệt các chế độ chính sách nhân sự, cơ chế lương thưởng, chế độ phúc lợi dành cho cán bộ nhân viên của Công ty; Thay mặt HĐQT quyết định việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT; Thay mặt HĐQT quyết định việc kỷ luật lao động đối với các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT hoặc các cán bộ nhân viên khác của Công ty khi thấy cần thiết; Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ và Nghị quyết/Quy chế do HĐQT hoặc Quyết định của Hội đồng quản trị.



- Hội đồng đầu tư: Tham mưu cho HĐQT về các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư, bảo lãnh phát hành, cho vay đối với các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT được quy định tại Điều lệ; Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các chính sách, quy định liên quan đến hoạt động đầu tư, kinh doanh nguồn vốn của Công ty; Thay mặt HĐQT phê duyệt các nguyên tắc phân bổ vốn, kinh doanh nguồn vốn của Công ty; Thay mặt HĐQT thẩm định, phê duyệt việc góp vốn hoặc mua bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp của niêm yết/dăng ký giao dịch hoặc chứng khoán đã niêm yết/dăng ký giao dịch nhưng không phải là hoạt động kinh doanh/tự doanh ngắn hạn thông thường. Quyết định, phê duyệt các giao dịch, hoạt động đầu tư không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ hoặc của HĐQT mà chưa được phân quyền cho Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc hoặc ban Tổng giám đốc thấy cần thiết có ý kiến của các thành viên HĐQT; Thực hiện các các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ và Nghị quyết/Quy chế do HĐQT hoặc Quyết định của Chủ tịch HĐQT.

■ **CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT**

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Minh Hương	11	100%	
2	Vũ Hiền	11	100%	
3	Đỗ Ngọc Quỳnh	11	100%	
4	Pekka Mikael Nastamo	11	100%	
5	Phạm Lê Nhật Quang	11	100%	



■ CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

Trong năm 2021, Chủ tịch HĐQT của Công ty đã thay mặt HĐQT ban hành các Nghị quyết, Quyết định sau đây trên cơ sở các cuộc họp được tổ chức dưới các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật và/hoặc các ủy quyền của HĐQT:

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	56/2021/NQ-HĐQT	20/01/2021	Thông qua việc bán cổ phiếu quỹ.	100%
2	82/2021/NQ-HĐQT	28/01/2021	NQ thông qua báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động của Công ty năm 2020 và định hướng kế hoạch hoạt động năm 2021.	100%
3	75/2021/QĐ-HĐQT	28/01/2021	QĐ về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.	100%
4	229/2021/NQ-HĐQT	12/4/2021	Triển khai việc phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ theo phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.	100%
5	257/2021/VNDIRECT	27/4/2021	Về việc phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2021.	100%
6	437/2021/NQ-HĐQT	13/07/2021	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu thông qua hình thức thực hiện quyền.	100%
7	451/2021/NQ-HĐQT	19/07/2021	Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty.	100%
8	508/2021/NQ-HĐQT	11/8/2021	Thông qua việc tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc niêm yết trái phiếu của Công ty và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.	100%
9	541/2021/NQ-HĐQT	06/9/2021	Thông qua việc thay đổi kế hoạch kinh doanh năm 2021 và tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc thay đổi kế hoạch kinh doanh năm 2021 của Công ty.	100%

TT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
10	542/2021/NQ-HĐQT	06/9/2021	Thông qua phương án phát hành trái phiếu của Công ty ra công chúng, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng, thông qua việc niêm yết trái phiếu trên sở giao dịch chứng khoán.	100%
11	620/2021/NQ-HĐQT	04/10/2021	Thông qua việc bán cổ phiếu quỹ.	100%
12	651/2021/QĐ-HĐQT	13/10/2021	Quyết định về tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2021.	100%
13	677/2021/NQ-HĐQT	25/10/2021	Thông qua báo cáo kết quả kinh doanh 09 tháng đầu năm 2021 và kế hoạch hoạt động 03 tháng tiếp theo của 2021.	100%
14	722/2021/QĐ-HĐQT	22/11/2021	Quyết định về việc thay đổi chức danh người quản lý Công ty.	100%
15	723/2021/QĐ-HĐQT	22/11/2021	Quyết định miễn nhiệm chức danh Phó chủ tịch HĐQT Công ty	100%
16	725/2021/QĐ-HĐQT	13/07/2021	Quyết định về việc bổ nhiệm Quyền Tổng Giám đốc	100%
17	726/2021/QĐ-HĐQT	22/11/2021	Quyết định về việc phân quyền ủy quyền cho Quyền Tổng Giám đốc Công ty.	100%
18	767/2021/NQ-HĐQT	16/12/2021	Quyết định về việc triển khai việc thực hiện chào bán cổ phiếu ra công chúng và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.	100%

3. Ban kiểm soát



BÀ HOÀNG THÚY NGA – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Chức vụ hiện nay:	Trưởng Ban Kiểm soát
Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2012
Ngày, tháng, năm sinh:	17/10/1977
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	0 cổ phần tương ứng với 0%
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân ngành Tài chính ngân hàng – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

▶ **QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

2012 - nay	Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
2010 - nay	Trưởng phòng tư vấn và phát triển sản phẩm – Công ty CP Giải pháp phần mềm Tài chính
2007 - 2009	Trợ lý Tổng giám đốc – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
2006	Kế toán trưởng – Công ty CP Tập đoàn I.P.A
2005 - 2006	Chuyên viên tư vấn tài chính doanh nghiệp – Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn
1999 - 2004	Kế toán trưởng – Công ty CP Đầu tư XNK Quảng Ninh

▶ **THÀNH TỰU NỔI BẬT:**

- Nắm giữ nhiều vị trí chủ chốt của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT trong thời kỳ đầu thành lập.
- 16 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán và tái cấu trúc Doanh nghiệp.



BÀ NGUYỄN THỊ MINH HẠNH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Chức vụ hiện nay:	Thành viên Ban Kiểm soát
Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2015
Ngày, tháng, năm sinh:	24/03/1987
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	0 cổ phần tương ứng với 0%
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kế toán tổng hợp – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

▶ **QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:**

2015 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
2010 - nay	Nhân viên kế toán – Công ty CP Tập đoàn đầu tư I.P.A
2009 - 2010	Nhân viên kế toán – Công ty CP Dịch vụ hậu cần VT

▶ **THÀNH TỰU NỔI BẬT:**

- Hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán ở các doanh nghiệp lớn.
- Giám sát, đánh giá việc thực hiện hoạt động kinh doanh của VNDIRECT.


BÀ HUỖNH THANH BÌNH MINH – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Chức vụ hiện nay:	Thành viên Ban Kiểm soát
Thời điểm được bổ nhiệm:	Năm 2012
Ngày, tháng, năm sinh:	04/11/1983
Quốc tịch:	Việt Nam
Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết:	0 cổ phần tương ứng với 0%
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế - Chương trình Cao học Erasmus Mundus do Ủy Ban Châu Âu tài trợ

▶ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

2012 - nay	Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT
2015 - nay	Phó Giám đốc – Công ty TNHH Thương mại Vistar
2007 - 2014	Chuyên viên đầu tư – Quỹ Đầu tư Vietnam Investments Group
2005 - 2006	Kế toán trưởng – Công ty CP Tập đoàn I.P.A

▶ THÀNH TỰU NỔI BẬT:

- Hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng.
- Giám sát, đánh giá việc thực hiện hoạt động kinh doanh của VNDIRECT.

■ Cuộc họp của BKS

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Hoàng Thúy Nga	04	100%	100%	
2	Huỳnh Thanh Bình Minh	04	100%	100%	
3	Nguyễn Thị Minh Hạnh	04	100%	100%	

■ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG

BKS thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh cũng như sự tuân thủ của Công ty đối với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Hoạt động của HĐQT công ty đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Nghị quyết ĐHĐCĐ và Điều lệ của Công ty. Tổng giám đốc đã tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ và phân cấp của Hội đồng quản trị, tích cực triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.

■ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Trong các đợt kiểm tra, đánh giá trực tiếp của BKS đối với tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty, BKS thường xuyên phối hợp, đưa ra các yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý Công ty nhằm có đầy đủ thông tin, dữ liệu cần thiết để thực hiện công việc. Trong năm 2021 HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý tại các phòng ban chức năng đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát của ban kiểm soát trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

■ HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BKS

BKS Công ty cũng dành thời gian quan sát, đánh giá các hoạt động khác của Công ty trong năm 2021, đặc biệt là các chiến dịch kinh doanh, chương trình tìm kiếm giải pháp, dự án phát triển của Công ty.

■ THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Tổng số tiền thù lao chi trả cho các thành viên HĐQT, BKS trong năm 2021 là 600 triệu đồng, trong đó: Số tiền thù lao chi trả cho mỗi thành viên HĐQT là 07 triệu đồng/người/tháng; Số tiền thù lao chi trả cho mỗi thành viên BKS là 5 triệu đồng/người/tháng.

Thù lao trả cho các thành viên HĐQT, BKS được Công ty chi trả theo thời gian đảm nhiệm chức vụ thực tế của từng thành viên, chi trả định kỳ hàng tháng.

Tiền lương của Tổng giám đốc và các thành viên Ban Tổng giám đốc trong năm 2021 là 510 triệu đồng/tháng. Tiền lương của Ban Tổng giám đốc được Công ty chi trả trên cơ sở hợp đồng lao động và căn cứ theo thời gian đảm nhiệm chức vụ thực tế của từng thành viên.

■ GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY:

TT	Người thực hiện giao	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Pyn Elite Fund (Non-Ucits)	Cổ đông lớn	18.909.370	9,07%	18.211.280	8,73%	Bán
2	Pyn Elite Fund (Non-Ucits)	Cổ đông lớn	16.762.080	8,04%	15.999.280	7,67%	Bán
3	Pyn Elite Fund (Non-Ucits)	Cổ đông lớn	14.796.580	7,10%	10.782.380	5,17%	Bán
4	Pyn Elite Fund (Non-Ucits)	Cổ đông lớn	10.782.380	5,17%	8.782.380	4,21%	Bán
5	Công ty TNHH Một thành viên Tài chính IPA	Người có liên quan của Ông Vũ Hiền	56.188.354	25,49%	0	0	Chuyển quyền sở hữu do sáp nhập doanh nghiệp
6	Công ty CP Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Người có liên quan của Ông Vũ Hiền	0	0%	56.188.354	25,49%	Nhận chuyển quyền sở hữu do sáp nhập doanh nghiệp
7	Access S.A., Sicav-Sif - Asia Top Picks.	Người có liên quan của Ông Pekka Mikael Nastamo	6.650.000	3,10%	3.325.000	1,55%	Bán
8	Access S.A., Sicav-Sif - Asia Top Picks.	Người có liên quan của Ông Pekka Mikael Nastamo	3.325.000	0,7645%	0	0%	Bán
9	Pekka Mikael Nastamo	Thành viên HĐQT	2.300	0,0005%	0	0%	Bán

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

5

1. Thông tin chung

2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

3. Báo cáo kiểm toán độc lập

4. Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất

5. Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

7. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất

8. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Thông tin chung

■ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014521 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 11 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102065366 đăng ký thay đổi lần 6 ngày 15 tháng 09 năm 2021, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 22/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh, Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 63/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 08 năm 2021).

Hoạt động chính của Công ty trong năm bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng

■ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2006
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch thường trực	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2021
Ông Vũ Hiền	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 03 năm 2009
Ông Phạm Lê Nhật Quang	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 04 năm 2016
Ông Pekka Mikael Nastamo	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 04 năm 2019

■ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Hoàng Thúy Nga	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Minh Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 04 năm 2015
Bà Huỳnh Thanh Bình Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 04 năm 2012

khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư chứng khoán và giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ của công ty là 4.349.446.870.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.204.301.690.000 đồng).

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vinh – Nghệ An, Cần Thơ, Bình Dương, Quảng Ninh, Nam Định và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có ba (03) công ty con, trong đó, một (01) công ty con sở hữu trực tiếp và hai (02) công ty con sở hữu gián tiếp.

■ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Vũ Long	Quyền Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2021 Miễn nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2021
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Quyền Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 22 tháng 11 năm 2021
Bà Vũ Nam Hương	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 07 năm 2017
Ông Nguyễn Duy Khoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 08 năm 2021
Bà Trần Thị Hồng Nhung	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2021
Ông Nguyễn Hoàng Lương	Kế toán Trưởng	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2021

■ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Phạm Minh Hương, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Bà Vũ Nam Hương, chức danh Giám đốc Tài chính.

Ông Nguyễn Vũ Long được ủy quyền ký báo cáo này theo Quyết định số 726/2021/QĐ-HĐQT ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Quản trị về việc phân quyền, ủy quyền cho Quyền Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT.

■ KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

■ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất của Công ty và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

■ CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Vũ Long

Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Số tham chiếu: 61607706/22624598-HN/3112

3. Báo cáo kiểm toán độc lập

**Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (“Công ty”) và các công ty con, được lập ngày 28 tháng 02 năm 2022 và được trình bày từ trang 93 đến trang 164, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

■ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

■ TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

■ Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất, tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và tình hình biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

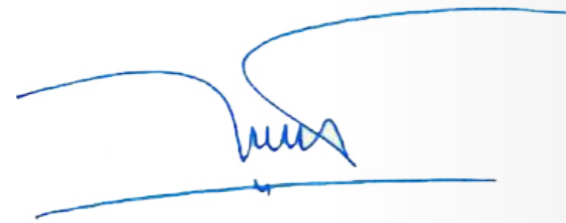


Đặng Phương Hà

Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:
2400-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 02 năm 2022



Nguyễn Văn Trung

Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán:
3847-2021-004-1

4. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		36.627.504.409.064	13.218.965.736.101
110	I. Tài sản tài chính		36.524.155.665.328	13.204.833.971.010
111	1.1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	2.701.561.356.636	973.526.887.674
111.1	1.1.1. Tiền		2.094.329.942.266	887.704.080.066
111.2	1.1.2. Các khoản tương đương tiền		607,231,414,370	85,822,807,608
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")	7.1	12.616.026.565.345	1.053.698.209.421
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	7.2	5.312.000.000.000	3.266.200.000.000
114	4. Các khoản cho vay	7.3	15.473.544.807.182	4.705.953.781.456
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")		-	2.963.437.667.357
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp	8	(145.344.993.816)	(71.941.573.394)
117	7. Các khoản phải thu		395.065.318.368	272.110.342.039
117.1	7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	9	91.278.191.000	103.132.259.392
117.2	7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	9	303.787.127.368	168.978.082.647
117.4	7.2.1. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		303.787.127.368	168.978.082.647
118	8. Trả trước cho người bán	9	14.596.208.764	28.682.411.877
122	9. Các khoản phải thu khác	9	162.323.074.278	18.188.741.009
129	10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(5.616.671.429)	(5.022.496.429)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	10	103.348.743.736	14.131.765.091
131	1. Tạm ứng		1.869.783.194	2.026.345.183
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn		9.595.972.182	1.287.241.282
134	3. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		84.091.517.160	3.356.646.001
135	3. Thuế GTGT được khấu trừ		10.408.700	30.971.290
136	4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		-	114.236.335
137	5. Tài sản ngắn hạn khác		7.781.062.500	7.316.325.000

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		467.270.064.831	1.757.118.576.000
210	I. Tài sản tài chính dài hạn	11	341.861.291.200	1.542.991.011.200
212	1. Các khoản đầu tư		341.861.291.200	1.542.991.011.200
212.1	1.1 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		318.000.000.000	1.530.000.000.000
212.4	1.2 Đầu tư dài hạn khác		23.861.291.200	12.991.011.200
220	II. Tài sản cố định		56.652.975.515	44.263.758.743
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	29.807.357.278	34.270.071.770
222	1.1 Nguyên giá		123.476.029.440	113.460.955.260
223a	1.2 Giá trị khấu hao lũy kế		(93.668.672.162)	(79.190.883.490)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	26.845.618.237	9.993.686.973
228	2.1 Nguyên giá		114.457.812.245	89.554.133.745
229a	2.2 Giá trị khấu hao lũy kế		(87.612.194.008)	(79.560.446.772)
240	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	2.490.919.207	7.272.564.445
250	IV. Tài sản dài hạn khác		66.264.878.909	162.591.241.612
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		4.984.688.266	-
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	15	14.169.678.436	13.326.573.913
253	3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	18.494.128.402
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	16	20.000.000.000	20.000.000.000
255	5. Tài sản dài hạn khác	17	15.000.000.000	96.240.576.102
256	6. Lợi thế thương mại	19	12.110.512.207	14.529.963.195
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		37.094.774.473.895	14.976.084.312.101
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		27.272.291.634.249	11.156.839.754.591
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		26.361.375.576.158	11.040.183.675.876
311	1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn	20	20.448.678.287.066	9.458.280.000.000
312	1.1 Vay ngắn hạn		20.448.678.287.066	9.458.280.000.000
316	2. Trái phiếu phát hành ngắn hạn	21	500.000.000.000	600.000.000.000
318	3. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	22	1.110.406.844.383	413.365.510.220

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
320	4. Phải trả người bán ngắn hạn		6.151.126.805	3.273.109.337
321	5. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		30.293.534.231	9.257.294.675
322	6. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	23	222.439.403.897	94.316.827.771
323	7. Phải trả người lao động		47.240.893.263	17.601.169.486
324	8. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		8.602.348.300	5.880.048.035
325	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	24	98.108.180.904	46.410.143.983
327	10. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	2.126.250.000
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	26	3.878.535.023.086	378.753.388.146
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.919.934.223	10.919.934.223
340	II. Nợ phải trả dài hạn		910.916.058.091	116.656.078.715
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	21	750.000.000.000	103.641.000.000
356	2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	25	160.916.058.091	13.015.078.715
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.822.482.839.646	3.819.244.557.510
410	I. Vốn chủ sở hữu	27.2	9.822.482.839.646	3.819.244.557.510
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		5.852.916.394.577	2.124.147.577.527
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		4.349.446.870.000	2.204.301.690.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông		4.349.446.870.000	2.204.301.690.000
411.2	1.2 Thặng dư vốn cổ phần		1.503.603.955.187	121.220.121.529
411.5	1.3 Cổ phiếu quỹ		(134.430.610)	(201.374.234.002)
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		221.639.395.172	136.055.521.001
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		192.337.668.169	106.753.793.998
417	4. Lợi nhuận chưa phân phối	27.1	3.555.589.381.728	1.452.287.664.984
417.1	4.1 Lợi nhuận đã thực hiện		2.804.798.749.555	1.378.037.442.204
417.2	4.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		750.790.632.173	74.250.222.780
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		37.094.774.473.895	14.976.084.312.101

■ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN (“CTCK”) VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
004	Nợ khó đòi đã xử lý		101.986.716.060	101.986.716.060
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	27.4	434.942.782	208.520.766
007	Cổ phiếu quỹ (số lượng)	27.4	1.905	11.909.403
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	28.1	505.738.630.000	432.801.122.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	28.2	57.504.330.000	174.310.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK	28.3	1.038.839.533.000	10.282.980.200
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	28.4	4.465.344.767.255	785.027.400.000
014	Chứng quyền (số lượng)		7.127.100	12.203.350
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư		49.111.642.592.000	38.287.130.757.900
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		37.988.364.268.000	29.169.649.431.800
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		305.662.850.000	-
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		8.638.087.340.000	7.574.509.790.000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		240.237.200.000	275.744.000.000
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		1.939.290.934.000	1.267.227.536.100
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư		6.694.882.530.000	479.383.940.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		6.660.311.330.000	470.493.200.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		34.571.200.000	8.890.740.000
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	28.5	4.947.725.151.100	2.239.432.423.600
024b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư		6.731.410.000	-
026	Tiền gửi của khách hàng		9.929.968.911.330	5.129.070.691.548

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.6	4.951.308.330.880	2.926.707.059.592
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	28.6	4.908.172.436.100	2.201.299.041.600
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		3.984.675.350	285.380.356
029.1	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước		1.096.686.267	150.878.470
029.2	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài		2.887.989.083	134.501.886
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	28.7	66.503.469.000	779.210.000
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.8	9.861.920.938.023	5.126.892.901.913
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		9.358.227.609.465	4.968.031.666.208
031.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		503.693.328.558	158.861.235.705
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	28.9	66.503.469.000	779.210.000
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	28.10	1.544.504.307	1.197.597.035
036	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD		369.895.010.719	150.166.621.638

Ông Tô Minh Đức
Người lập

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Bà Trần Thị Hồng Nhung
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Vũ Long
Quyền Tổng Giám đốc

5. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		2.477.549.237.902	776.389.278.604
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	29.1	990.754.218.648	590.391.121.104
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	29.2	1.161.038.794.349	127.644.144.097
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	29.4	205.127.557.785	61.600.930.163
01.4	1.4 Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	29.3	120.628.667.120	(3.246.916.760)
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")	29.4	427.299.168.789	381.018.448.651
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	29.4	1.167.152.851.770	361.359.361.848
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	29.4	55.913.709.530	54.996.572.396
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		1.614.985.731.066	478.193.414.913
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		255.051.214.227	34.775.482.452
08	7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		5.486.917.039	24.140.872.941
09	8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		14.915.715.472	13.845.345.002
10	9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		5.435.963.829	306.365.438
11	10. Thu nhập từ hoạt động khác		15.442.140.662	9.503.679.503
20	Cộng doanh thu hoạt động		6.039.232.650.286	2.134.528.821.748

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		1.092.324.105.853	289.832.961.897
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	29.1	680.790.575.404	356.862.446.309
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	29.2	314.880.204.980	(80.801.178.472)
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		2.581.826.009	-
21.4	1.4 Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	29.3	94.071.499.460	13.771.694.060
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	30	73.997.595.421	18.496.012.368
26	3. Chi phí nghiệp vụ tự doanh	31	26.146.956.177	13.506.286.851
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	31	890.023.647.172	304.583.778.078
28	5. Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	31	27.351.780.706	6.804.150.046
29	6. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	31	1.026.654.887	245.235.366
30	7. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	31	18.517.082.913	8.264.053.624
31	8. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31	13.964.019.238	13.689.768.278
32	9. Chi phí dịch vụ khác	31	181.317.478.132	18.688.147.205
40	Cộng chi phí hoạt động		2.324.669.320.499	674.110.393.713

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		12.139.808.815	2.551.462.484
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		12.139.808.815	2.551.462.484
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		32.118.001.899	2.990.681.598
52	2. Chi phí lãi vay		413.711.647.501	368.827.899.540
60	Cộng chi phí tài chính		445.829.649.400	371.818.581.138
61	V. CHI PHÍ BÁN HÀNG		-	382.218.368
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ	32	300.306.150.662	227.324.978.578
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		2.980.567.338.540	863.444.112.435
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		310.758.202	70.295.442
72	2. Chi phí khác		657.454.451	1.449.581.550
80	Cộng kết quả hoạt động khác		(346.696.249)	(1.379.286.108)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		2.980.220.642.291	862.064.826.327
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		2.107.504.885.262	670.638.114.580
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		872.715.757.029	191.426.711.747
100	X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")	33	597.297.057.102	169.297.945.912
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	430.901.949.324	156.863.627.116
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	33.2	166.395.107.778	12.434.318.796
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		2.382.923.585.189	692.766.880.415
300	XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		-	-
400	Tổng thu nhập toàn diện		2.382.923.585.189	692.766.880.415
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG		7.582	3.242
501	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	34	7.582	3.242



 Ông Tô Minh Đức
 Người lập



 Bà Trần Thị Hồng Nhung
 Kế toán Trưởng

 Ông Nguyễn Vũ Long
 Quyền Tổng Giám đốc

 Hà Nội, Việt Nam
 Ngày 28 tháng 02 năm 2022

6. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		2.980.220.642.291	862.064.826.327
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		543.589.323.907	409.961.134.125
03	Khấu hao TSCĐ		22.529.535.908	20.138.319.816
04	Các khoản dự phòng		73.997.595.421	18.568.835.148
05	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		30.931.094.089	-
06	Chi phí lãi vay		413.711.647.501	368.827.899.540
09	Các khoản điều chỉnh khác		2.419.450.988	2.426.079.621
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		408.951.704.440	(67.029.484.412)
11	Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lỗi đánh giá lại phải trả chứng quyền		408.951.704.440	(67.029.484.412)
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(1.281.667.461.469)	(124.397.227.337)
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lãi đánh giá lại phải trả chứng quyền		(1.281.667.461.469)	(124.397.227.337)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.651.094.209.169	1.080.599.248.703
31	(Tăng)/giảm tài sản tài chính FVTPL		(462.158.100.027)	363.557.937.247
32	(Tăng)/giảm các khoản đầu tư HTM		(833.800.000.000)	856.713.266.339
33	Tăng các khoản cho vay		(10.767.591.025.726)	(1.818.881.683.298)
34	Tăng tài sản tài chính AFS		(7.290.573.999.171)	(2.180.378.113.642)
35	Giảm/(tăng) phải thu bán các tài sản tài chính		11.854.068.392	(78.628.572.053)
36	(Tăng)/giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính		(134.809.044.721)	14.160.734.820
39	Tăng các khoản phải thu khác		(111.419.202.828)	(31.668.149.564)
40	Tăng các tài sản khác		(4.787.158.834)	(7.243.537.521)
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		19.941.900.597	(3.831.062.947)
42	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(9.151.835.423)	5.608.195.169
43	Thuế TNDN đã nộp	23	(372.575.721.130)	(138.835.667.283)
44	Lãi vay đã trả		(383.144.374.016)	(381.511.645.128)
45	Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		23.914.257.024	(97.311.073.991)
46	Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		2.722.300.265	968.341.538

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
47	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		68.599.486.829	22.990.658.690
48	Tăng phải trả người lao động		29.639.723.777	13.894.891.300
50	Tăng phải trả, phải nộp khác		4.202.759.758.361	265.241.729.069
60	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(13.359.484.757.462)	(2.114.554.502.552)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(29.034.338.692)	(12.322.500.463)
63	Tiền chi đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác		(10.870.280.000)	(1.499.977.600)
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(39.904.618.692)	(13.822.478.063)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		3.112.926.543.000	9.600.000
72.1	Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		-	(540.502.250)
72.2	Tiền thu từ bán lại cổ phiếu quỹ		615.842.274.050	-
73	Tiền vay gốc		164.528.566.498.797	131.729.124.766.675
73.2	- Tiền vay khác		164.528.566.498.797	131.729.124.766.675
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(153.022.654.211.731)	(129.224.452.853.111)
74.3	- Tiền chi trả gốc vay khác		(153.022.654.211.731)	(129.224.452.853.111)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(107.257.259.000)	(120.992.778.729)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		15.127.423.845.116	2.383.148.232.585
90	TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM		1.728.034.468.962	254.771.251.970
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	973.526.887.674	718.755.635.704
101.1	Tiền		887.704.080.066	716.755.635.704
101.2	Các khoản tương đương tiền		85.822.807.608	2.000.000.000
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	2.701.561.356.636	973.526.887.674
103.1	Tiền		2.094.329.942.266	887.704.080.066
103.2	Các khoản tương đương tiền		607.231.414.370	85.822.807.608

■ PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	559.150.193.677.944	148.259.005.806.681	
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(559.146.494.382.950)	(148.258.985.779.564)	
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng (nộp/(rút) số kỳ trước)	4.733.127.754.815	3.674.103.933.486	
14	4. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	9.479.639.754.790	11.637.160.707.821	
15	5. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	(9.415.568.584.817)	(11.636.526.317.715)	
20	Tăng tiền thuần trong năm	4.800.898.219.782	3.674.758.350.709	
	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	5.129.070.691.548	1.454.312.340.839	
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	5.129.070.691.548	1.454.312.340.839	
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	2.925.509.462.557	1.073.591.272.173	
33	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	2.201.299.041.600	378.912.315.900	
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	285.380.356	265.353.239	
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	1.976.807.035	1.543.399.527	

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		9.929.968.911.330	5.129.070.691.548
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		9.929.968.911.330	5.129.070.691.548
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.6	4.951.308.330.880	2.925.509.462.557
43	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	28.6	4.908.172.436.100	2.201.299.041.600
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		3.984.675.350	285.380.356
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	28.7	66.503.469.000	1.976.807.035

Ông Tô Minh Đức
Người lập

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Bà Trần Thị Hồng Nhung
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Vũ Long
Quyền Tổng Giám đốc

7. BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2020	Ngày 01 tháng 01 năm 2021	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.248.001.358.074	3.819.244.557.510	743.446.410.447	(172.203.211.011)	6.081.149.596.239	(77.911.314.103)	3.819.244.557.510	9.822.482.839.646
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.124.678.479.777	2.124.147.577.527	(540.502.250)	9.600.000	3.527.058.262.708	201.710.554.342	2.124.147.577.527	5.852.916.394.577
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	27.2	2.204.301.690.000	2.204.301.690.000	-	-	2.145.145.180.000	-	2.204.301.690.000	4.349.446.870.000
1.1. Thặng dư vốn cổ phần		121.224.048.620	121.220.121.529	-	(3.927.091)	1.382.383.833.658	-	121.220.121.529	1.503.603.955.187
1.1. Cổ phiếu quỹ		(200.847.258.843)	(201.374.234.002)	(540.502.250)	13.527.091	(470.750.950)	201.710.554.342	(201.374.234.002)	(134.430.610)
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		110.445.504.860	136.055.521.001	25.610.016.141	-	85.583.874.171	-	136.055.521.001	221.639.395.172
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		81.143.777.857	106.753.793.998	25.610.016.141	-	85.583.874.171	-	106.753.793.998	192.337.668.169
4. Lợi nhuận chưa phân phối		931.733.595.580	1.452.287.664.984	692.766.880.415	(172.212.811.011)	2.382.923.585.189	(279.621.868.445)	1.452.287.664.984	3.555.589.381.728
4.1. Lợi nhuận đã thực hiện	27.1	1.036.475.765.752	1.378.037.442.204	513.774.487.463	(172.212.811.011)	1.676.602.935.938	(249.841.628.587)	1.378.037.442.204	2.804.798.749.555
4.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	27.1	(104.742.170.172)	74.250.222.780	178.992.392.952	-	706.320.649.251	(29.780.239.858)	74.250.222.780	750.790.632.173
TỔNG CỘNG		3.248.001.358.074	3.819.244.557.510	743.446.410.447	(172.203.211.011)	6.081.149.596.239	(77.911.314.103)	3.819.244.557.510	9.822.482.839.646

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Ngày 01 tháng 01 năm 2020	Ngày 01 tháng 01 năm 2021	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC		-	-	-	-	-	-	-	-
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG (I + II)		3.248.001.358.074	3.819.244.557.510	743.446.410.447	(172.203.211.011)	6.081.149.596.239	(77.911.314.103)	3.819.244.557.510	9.822.482.839.646

Ông Tô Minh Đức
Người lập

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Bà Trần Thị Hồng Nhung
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Vũ Long
Quyền Tổng Giám đốc

8. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103014521 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 07 tháng 11 năm 2006, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102065366 đăng ký thay đổi lần 6 ngày 15 tháng 9 năm 2021, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 22/UBCK-GPHDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 16 tháng 11 năm 2006 và các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán (Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 63/GPĐC-UBCK ngày 05 tháng 08 năm 2021).

Hoạt động chính trong năm của Công ty trong năm là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính và tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ của công ty là 4.349.446.870.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.204.301.690.000 đồng).

Công ty có trụ sở chính tại số 01 Nguyễn Thượng Hiền, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vinh – Nghệ An, Cần Thơ, Bình Dương, Quảng Ninh, Nam Định và các phòng giao dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 1.521 người (31 tháng 12 năm 2020: 931 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng vốn điều lệ của Công ty là 4.349.446.870.000 đồng, vốn chủ sở hữu là 9.822.482.839.646 đồng và tổng tài sản là 37.094.774.473.895 đồng.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của

khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định trên.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có ba (03) công ty con, chi tiết như sau:

Tên công ty	Được thành lập theo	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	% sở hữu
Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 30/UBCK-GP ngày 04 tháng 03 năm 2008 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 02/GPĐC-UBCK ngày 08 tháng 03 năm 2017	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	100 tỷ đồng	100%
Công ty TNHH IVND	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108599981 cấp ngày 24 tháng 01 năm 2019	Cổng thông tin; Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm; Giáo dục và dịch vụ hỗ trợ giáo dục; Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính; Xử lý dữ liệu, Cho thuê và các hoạt động liên quan	20 tỷ đồng	100% (*)
Công ty TNHH BH Capital	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0109719875 đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 24 tháng 12 năm 2021	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính	1 tỷ đồng	99% (**)

(*) Sở hữu gián tiếp qua Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán I.P.A

(**) Sở hữu gián tiếp qua Công ty TNHH IVND

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Lợi nhuận kế toán hợp nhất sau thuế thu nhập doanh nghiệp mười hai tháng đầu năm 2021 của Công ty là 2.382.923.585.189 đồng, tăng 243,97% (tương ứng mức tăng 1.690.156.704.774 đồng) so với năm 2020 do các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Quy mô giao dịch của thị trường có sự tăng trưởng mạnh, doanh thu nghiệp vụ môi giới tăng 237,73%, tương ứng với mức tăng 1.136.792.316.153 đồng, trong khi chi phí nghiệp vụ môi giới tăng tương ứng với giá trị là 585.439.869.094 đồng.
- Ngoài ra, doanh thu lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ trong năm tăng 219,11%, tương ứng với giá trị tăng là 1.701.159.959.298 đồng, trong khi chi phí tương ứng tăng 276,88%, tương ứng giá trị tăng là 802.491.143.956 đồng.
- Doanh thu từ nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán tăng 633,42% tương ứng 220.275.731.775 đồng.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty và các công ty con là đồng Việt Nam (“VND”).

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (Công ty mẹ) và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa Công ty mẹ và công ty con hoặc giữa các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, trừ thay đổi sau:

Phân bổ chi phí giữa chi phí hoạt động và chi phí quản lý

Trong năm 2021, Công ty đã thay đổi tiêu chí phân loại giữa một số khoản chi phí hoạt động và chi phí quản lý. Cụ thể: (i) các chi phí phát sinh trực tiếp tại các bộ phận kinh doanh được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoạt động tương ứng với hoạt động kinh doanh của bộ phận; và (ii) các chi phí chung, chi phí không phát sinh trực tiếp tại bộ phận kinh doanh được hạch toán vào chi phí quản lý.

Theo đó, một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và thuyết minh có liên quan đã được trình bày lại cho phù hợp với tiêu chí phân loại mới để đảm bảo tính so sánh với số liệu năm hiện tại. Chi tiết các thay đổi trên báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày tại Thuyết minh số 36 – Dữ liệu tương ứng.

Quy định mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ (“Thông tư 114”). Các thay đổi chủ yếu của Thông tư 114 bao gồm:

- Quy định việc xác định trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi sẽ được công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài được cấp giấy phép thành lập và hoạt động tại Việt Nam thực hiện theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để chỉnh bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành..

Thông tư 114 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2022.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán và các công ty con, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”. Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL”.

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh.

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Tài sản tài chính HTM được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng được trích lập cho các tài sản tài chính HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.5. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Công ty thực hiện trích lập dự phòng chung đối với các khoản cho vay với tỷ lệ 0,75%/ tổng dư nợ cho vay, không bao gồm dư nợ cho vay đã trích lập dự phòng cụ thể. Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

4.6 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)

Tài sản tài chính AFS là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được thể hiện trên khoản mục “Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS” thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. “Đáng kể” dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và “kéo dài” được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

4.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCom”) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCom”) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (“OTC”), căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất của tổ chức phát hành tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 (“Thông tư 48”).

4.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:

Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc

Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4.9 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phát sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào thời điểm ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý” thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.10. Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư vào công ty con được lập riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất, và được xem xét vào cuối năm tài chính. Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con nếu khoản đầu tư bị tổn thất do các công ty con bị lỗ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

4.11 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.12 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục “Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay”.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 như sau

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

4.13. Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

4.14 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
Công cụ quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm	3 - 10 năm

4.15 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

4.16 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.17 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (01) đến ba (03) năm vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng

4.18. Các khoản vay và phát hành trái phiếu không chuyển đổi

Các khoản vay và trái phiếu không chuyển đổi được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.19. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Phải trả chứng quyền

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá thực hiện, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giữa giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bảng số chứng quyền còn được phép phát hành. Cuối năm, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào “Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL” (chi tiết “Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành”). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch được ghi nhận vào “Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL” (chi tiết “Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành”).

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngay khi phát sinh. Lãi/Lỗ khi mua lại chứng quyền, khi đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục “Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL” hoặc “Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL” tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Cuối năm, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL..

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.20. Lợi ích của nhân viên

4.20.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.20.2 Trợ cấp thôi việc

Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm.

Khoản 5 Điều 8 Nghị định 145/2020/NĐ-CP quy định tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân của 06 tháng liền kề theo hợp đồng lao động trước khi người lao động thôi việc. Nếu hợp đồng lao động cuối cùng bị tuyên vô hiệu (vì có nội dung tiền lương thấp hơn mức tối thiểu vùng hoặc mức trong thỏa ước lao động tập thể) thì tiền lương tính trợ cấp sẽ do các bên thỏa thuận nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu vùng hoặc mức lương theo thỏa ước lao động tập thể.

4.20.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.21 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.22 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.23 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định (“TSCĐ”), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu

khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.24 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

4.25 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.26 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho [năm tài chính] khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.27 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTPL của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

4.28 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các dịch vụ được cung cấp cho nhà đầu tư. Ban Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

4.29 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.30 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.31 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền	2.094.329.942.266	887.704.080.066
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của CTCK	2.036.882.022.335	887.619.634.699
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	57.447.919.931	84.445.367
Các khoản tương đương tiền	607.231.414.370	85.822.807.608
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	607.231.414.370	85.822.807.608
Tổng cộng	2.701.561.356.636	973.526.887.674

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (triệu VND)
a. Của Công ty	1.347.942.437	215.368.167
- Cổ phiếu	175.134.894	7.555.947
- Trái phiếu	881.232.308	201.086.346
- Chứng khoán khác	291.575.235	6.725.874
b. Của Nhà đầu tư	46.213.890.210	1.842.514.076
- Cổ phiếu	44.231.503.246	1.046.377.187
- Trái phiếu	9.435.128	992.395
- Chứng khoán khác	1.972.951.836	795.144.494
Tổng cộng	47.561.832.647	2.057.882.243

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**Một số khái niệm về tài sản tài chính****Giá gốc**

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/ giá trị thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại Thuyết minh số 4.7.

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục “Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp” trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư HTM, các khoản cho vay).

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ (“CCQ”) niêm yết	1.154.018.271.325	1.888.508.720.239	602.309.589.939	541.567.771.140
PTI	458.356.484.000	932.518.364.000	458.356.484.000	347.718.712.000
NLG	87.187.163.650	184.624.626.600	13.802.500	16.402.000
TCB	126.033.457.433	121.689.049.562	192.824	252.000
VPB	93.956.128.211	90.881.228.140	12.445.134	12.805.000
MWG	62.097.746.277	83.522.088.140	34.229.442.117	42.957.856.600
Cổ phiếu khác	326.387.291.754	475.273.363.797	109.697.223.364	150.861.743.540
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	117.102.777.369	124.213.121.791	162.395.292.611	183.139.592.100
VHM	21.550.639.454	24.816.950.245	-	-
STB	17.467.590.266	19.333.205.255	22.003.287.254	23.016.955.000
MSN	12.775.037.624	14.326.437.649	2.930.177.182	3.072.384.000
MWG	8.651.774.247	11.636.722.660	4.121.244.007	5.172.150.000
TCB	12.052.901.297	11.611.900.438	37.660.270.306	49.217.805.000
Cổ phiếu khác	44.604.834.481	42.487.905.544	95.680.313.862	102.660.298.100
Cổ phiếu, CCQ chưa niêm yết	299.099.033.271	349.293.056.787	343.357.099.058	328.990.846.181
VNDBF	85.500.000.000	93.491.468.606	45.500.000.000	48.433.749.970
LTG	110.792.106.100	86.049.852.000	113.805.051.300	66.974.648.000
VNDAF	50.500.000.000	80.497.100.000	50.500.000.000	55.775.500.000
CTR	27.043.410.000	63.994.515.600	27.043.410.000	39.388.140.000
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	25.263.517.171	25.260.120.581	106.508.637.758	118.418.808.211

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Trái phiếu niêm yết	1.150.406.108.799	1.150.406.108.799	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	3.274.265.242.255	3.274.265.242.255	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	5.829.340.315.474	5.829.340.315.474	-	-
Tổng cộng	11.824.231.748.493	12.616.026.565.345	1.108.061.981.608	1.053.698.209.421

7.2 Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại dưới 1 năm	5.312.000.000.000	3.266.200.000.000

7.3 Các khoản cho vay

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (1) VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý (1) VND
Cho vay hoạt động ký quỹ	14.418.161.051.359	14.393.281.044.525	4.304.069.699.912	4.267.145.851.011
Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán theo hợp đồng môi giới chứng khoán	1.055.383.755.823	1.055.383.755.823	401.884.081.544	401.884.081.544
Tổng cộng	15.473.544.807.182	15.448.664.800.348	4.705.953.781.456	4.669.029.932.555

(1) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng cụ thể suy giảm giá trị các khoản cho vay.

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.4 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

Các loại tài sản tài chính	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch đánh giá		Giá trị đánh giá lại
		Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021				
FVTPL	11.824.231.748.493	838.070.086.527	(46.275.269.675)	12.616.026.565.345
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	1.154.018.271.325	753.402.392.163	(18.911.943.249)	1.888.508.720.239
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	117.102.777.369	9.709.007.530	(2.598.663.108)	124.213.121.791
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	299.099.033.271	74.958.686.834	(24.764.663.318)	349.293.056.787
Trái phiếu niêm yết	1.150.406.108.799	-	-	1.150.406.108.799
Trái phiếu chưa niêm yết	3.274.265.242.255	-	-	3.274.265.242.255
Chứng chỉ tiền gửi	5.829.340.315.474	-	-	5.829.340.315.474
Tổng cộng	11.824.231.748.493	838.070.086.527	(46.275.269.675)	12.616.026.565.345
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020				
FVTPL	1.108.061.981.608	127.302.899.640	(181.666.671.827)	1.053.698.209.421
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	602.309.589.939	73.897.792.870	(134.639.611.669)	541.567.771.140
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	162.395.292.611	20.907.931.581	(163.632.092)	183.139.592.100
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	343.357.099.058	32.497.175.189	(46.863.428.066)	328.990.846.181
AFS	2.963.437.667.357	-	-	2.963.437.667.357
Trái phiếu niêm yết	334.183.750.000	-	-	334.183.750.000
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	602.553.985.170	-	-	602.553.985.170
Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	2.026.699.932.187	-	-	2.026.699.932.187
Tổng cộng	4.071.499.648.965	127.302.899.640	(181.666.671.827)	4.017.135.876.778

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THỂ CHẤP

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	140.744.993.816	71.941.573.394
• Dự phòng cụ thể	24.880.006.834	36.923.848.901
• Dự phòng chung	115.864.986.982	35.017.724.493
Dự phòng suy giảm các khoản đầu tư dài hạn	4.600.000.000	-
Tổng cộng	145.344.993.816	71.941.573.394

9. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	91.278.191.000	103.132.259.392
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	303.787.127.368	168.978.082.647
<i>Trong đó: các khoản dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	303.787.127.368	168.978.082.647
3. Trả trước cho người bán	14.596.208.764	28.682.411.877
4. Các khoản phải thu khác	162.323.074.278	18.188.741.009
5. Dự phòng phải thu khó đòi	(5.616.671.429)	(5.022.496.429)
Tổng cộng	566.367.929.981	313.958.998.496

9. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC (tiếp theo)

	Giá trị phải thu khó đòi tại đầu năm	Số dự phòng tại đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số dự phòng tại cuối năm	Giá trị phải thu khó đòi tại cuối năm
Phải thu cán bộ nhân viên đã nghỉ việc	1.963.775.333	1.963.775.333	-	-	1.963.775.333	1.963.775.333
Phải thu từ khách hàng và đối tác	3.058.721.096	3.058.721.096	604.175.000	10.000.000	3.652.896.096	3.652.896.096
• Khách hàng Công ty TNHH tư vấn đầu tư phát triển GDĐT Phương Nam	728.387.096	728.387.096	-	-	728.387.096	728.387.096
• Khách hàng Nguyễn Thị Bạch Tuyết	-	-	584.100.000	-	584.100.000	584.100.000
• Khách hàng Công ty TNHH tư vấn quản lý C&A	550.000.000	550.000.000	-	-	550.000.000	550.000.000
• Khách hàng Nguyễn Thị Hiền	500.000.000	500.000.000	-	-	500.000.000	500.000.000
• Đối tác Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thương mại Nam Việt	-	-	20.075.000	-	20.075.000	20.075.000
• Đối tác Công ty Kiểm toán và tư vấn A&C	10.000.000	10.000.000	-	10.000.000	-	-
• Phải thu của các khách hàng khác	1.270.334.000	1.270.334.000	-	-	1.270.334.000	1.270.334.000
Tổng cộng	5.022.496.429	5.022.496.429	604.175.000	10.000.000	5.616.671.429	5.616.671.429

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.869.783.194	2.026.345.183
Chi phí trả trước ngắn hạn	9.595.972.182	1.287.241.282
• Chi phí thuê văn phòng	4.139.291.429	84.902.876
• Chi phí phần mềm	5.313.341.345	972.355.567
• Chi phí khác	143.339.408	229.982.839
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn (*)	84.091.517.160	3.356.646.001
Thuế GTGT được khấu trừ	10.408.700	30.971.290
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	114.236.335
Tài sản ngắn hạn khác	7.781.062.500	7.316.325.000
Tổng cộng	103.348.743.736	14.131.765.091

(*) Trong đó có khoản tiền đặt cọc theo dự án mua bất động sản cho mục đích làm văn phòng trụ sở chính của Công ty.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	318.000.000.000	1.530.000.000.000
• Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 1 năm	318.000.000.000	1.530.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	23.861.291.200	12.991.011.200
• Công ty Cổ phần Xếp hạng tín nhiệm đầu tư Việt Nam	10.520.280.000	-
• Công ty Cổ phần Stringee	8.391.011.200	8.391.011.200
• Các khoản đầu tư khác	4.950.000.000	4.600.000.000
Tổng cộng	341.861.291.200	1.542.991.011.200

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Số dư đầu năm	22.312.126.483	91.148.828.777	113.460.955.260
Tăng trong năm	-	10.015.074.180	10.015.074.180
Số dư cuối năm	22.312.126.483	101.163.902.957	123.476.029.440
Giá trị khấu hao lũy kế			
Số đầu năm	13.930.896.320	65.259.987.170	79.190.883.490
Khấu hao trong năm	2.394.637.189	12.083.151.483	14.477.788.672
Số dư cuối năm	16.325.533.509	77.343.138.653	93.668.672.162
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.381.230.163	25.888.841.607	34.270.071.770
Số dư cuối năm	5.986.592.974	23.820.764.304	29.807.357.278

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) HỮU HÌNH (tiếp theo)

Các thông tin khác về TSCĐ hữu hình:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	36.951.098.804	32.069.387.059

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy vi tính
Số dư đầu năm	89.554.133.745
Tăng trong năm	24.903.678.500
Số cuối năm	114.457.812.245
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	79.560.446.772
Hao mòn trong năm	8.051.747.236
Số dư cuối năm	87.612.194.008
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	9.993.686.973
Số dư cuối năm	26.845.618.237

Các thông tin khác về tài sản cố định vô hình:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên giá TSCĐ vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng	72.451.458.870	62.785.816.760

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phát triển phần mềm	2.490.919.207	6.772.564.445
Chi phí xây dựng cơ bản khác	-	500.000.000
Tổng cộng	2.490.919.207	7.272.564.445

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn dịch vụ	7.109.972.947	10.630.253.155
Chi phí cải tạo sửa chữa văn phòng	5.704.295.383	3.749.550.673
Chi phí phần mềm	1.005.846.334	2.200.966.167
Chi phí khác	399.831.230	4.679.736.315
Chi phí trả trước công cụ dụng cụ	7.059.705.489	2.696.320.758
Tổng cộng	14.169.678.436	13.326.573.913

16. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).

Theo quy định hiện hành của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và hàng năm phải đóng bổ sung 0.01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2.5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh. môi giới.

17. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền đặt cọc mua bất động sản	-	80.000.000.000
Tiền đặt cọc khác	-	1.212.973.125
Tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh	15.000.000.000	15.027.602.977
• Tiền nộp ban đầu	15.000.000.000	15.000.000.000
• Tiền lãi phân bổ	-	27.602.977
Tổng cộng	15.000.000.000	96.240.576.102

18. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ, THẾ CHẤP

Tại thời điểm lập báo cáo, các tài sản sau đã được Công ty sử dụng làm tài sản cầm cố cho các khoản vay:

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Số cuối năm	Số đầu năm	Mục đích đảm bảo
Ngắn hạn			
Tài sản tài chính ngắn hạn	13.254.200.000.000	4.710.000.000.000	Vay ngắn hạn
Dài hạn			
Tài sản tài chính dài hạn	300.000.000.000	1.530.000.000.000	Vay ngắn hạn
Tổng cộng	13.554.200.000.000	6.240.000.000.000	

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Đơn vị tính: VND

Giá gốc	Số cuối năm	Số đầu năm
Số dư đầu năm	24.194.509.882	24.194.509.882
Số dư cuối năm	24.194.509.882	24.194.509.882
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	9.664.546.687	7.238.467.066
Phân bổ trong năm	2.419.450.988	2.426.079.621
Số dư cuối năm	12.083.997.675	9.664.546.687
Giá trị ghi sổ		
Số dư đầu năm	14.529.963.195	16.956.042.816
Số dư cuối năm	12.110.512.207	14.529.963.195

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Lãi suất vay %/năm	Số đầu năm	Số vay trong năm	Số đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn bằng VND	Từ 1.8% trở lên	8.994.610.000.000	157.309.303.498.797	(151.050.053.211.731)	-	15.253.860.287.066
• Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam		1.525.000.000.000	76.612.679.269.501	(74.863.314.282.435)	-	3.274.364.987.066
• Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam		1.379.010.000.000	8.749.995.300.000	(8.269.010.000.000)	-	1.859.995.300.000
• Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam		638.600.000.000	15.329.368.929.296	(14.210.968.929.296)	-	1.757.000.000.000
• Các ngân hàng khác		5.452.000.000.000	56.617.260.000.000	(53.706.760.000.000)	-	8.362.500.000.000
Vay ngắn hạn bằng USD	Từ 0.7% trở lên	463.670.000.000	5.969.263.000.000	(1.268.960.000.000)	30.845.000.000	5.194.818.000.000
• Vay hợp vốn (Maybank đại diện)		-	2.207.720.000.000	-	13.920.000.000	2.221.640.000.000
• Ngân hàng Mega International Commercial Bank Việt Nam		-	1.368.750.000.000	-	6.450.000.000	1.375.200.000.000
• Các ngân hàng khác		463.670.000.000	2.392.793.000.000	(1.268.960.000.000)	10.475.000.000	1.597.978.000.000
Tổng cộng(*)		9.458.280.000.000	163.278.566.498.797	(152.319.013.211.731)	30.845.000.000	20.448.678.287.066

(*) Các khoản vay được thực hiện cho mục đích bổ sung vốn lưu động của Công ty.

21. TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	500.000.000.000	600.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	750.000.000.000	103.641.000.000
Tổng cộng	1.250.000.000.000	703.641.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các trái phiếu do Công ty phát hành có kỳ hạn gốc từ 12 tháng đến 24 tháng và chịu lãi suất 7.50%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 9.00%/năm đến 9.80%/năm).

22. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán và VSD	37.482.712.090	14.503.342.383
Phải trả mua các tài sản tài chính (1)	1.053.710.758.293	344.840.563.993
Phải trả chứng quyền (2)	19.213.374.000	54.021.603.844
Tổng cộng	1.110.406.844.383	413.365.510.220

(1) Phải trả ngày T0 liên quan đến giao dịch mua chứng khoán tại thời điểm cuối năm.

(2) Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2021, số lượng chứng quyền do Công ty phát hành như sau:

Đơn vị tính: Chứng quyền

Mã chứng quyền	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng được phép phát hành	Số lượng đang lưu hành	Số lượng được phép phát hành	Số lượng đang lưu hành
CHPG2115	7.000.000	7.000.000	-	-
CVHM2112	6.000.000	6.000.000	-	-
CFPT2107	6.000.000	3.960.200	-	-
CTCB2110	4.000.000	3.946.500	-	-
CMBB2106	3.000.000	2.999.900	-	-
CVRE2111	3.000.000	2.992.500	-	-
CVPB2109	3.000.000	2.985.900	-	-
CSTB2111	3.000.000	2.819.300	-	-
CPNJ2108	2.000.000	1.849.200	-	-
CMSN2109	4.000.000	1.315.400	-	-
CMWG2110	3.000.000	1.004.000	-	-
CSTB2011	-	-	5.000.000	1.715.520
CMBB2008	-	-	3.000.000	561.670
CTCB2009	-	-	3.000.000	1.561.470
CVPB2010	-	-	2.000.000	79.580
CMSN2010	-	-	1.500.000	68.290
CMWG2013	-	-	1.000.000	37.760
CHPG2020	-	-	1.000.000	988.500
CFPT2010	-	-	1.000.000	283.870
CVNM2012	-	-	1.000.000	999.990

23. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiết thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	1.114.249.352	3.093.910.827	(3.865.040.904)	343.119.275
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 33.1)	59.666.394.152	431.984.574.092	(372.575.721.130)	119.075.247.114
Thuế thu nhập cá nhân	33.536.184.267	753.408.039.534	(684.346.974.291)	102.597.249.510
• Cửa người lao động	5.434.926.160	124.025.042.092	(108.392.208.746)	21.067.759.506
• Cửa nhà đầu tư	28.101.258.107	629.382.997.442	(575.954.765.545)	81.529.490.004
Các loại thuế khác	-	6.162.724.586	(5.738.936.588)	423.787.998
• Thuế nhà thầu	-	6.143.724.586	(5.719.936.588)	423.787.998
• Thuế môn bài	-	19.000.000	(19.000.000)	-
Tổng cộng	94.316.827.771	1.194.649.249.039	(1.066.526.672.913)	222.439.403.897

24. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay tổ chức tín dụng	26.576.363.532	15.040.101.490
Chi phí lãi vay trái phiếu phát hành	46.993.120.053	27.962.108.610
Các khoản khác	24.538.697.319	3.407.933.883
Tổng cộng	98.108.180.904	46.410.143.983

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN) HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

Phải trả thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ/tính thuế của các khoản mục sau đây:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL tạm thời không chịu thuế	158.358.963.371	15.769.417.528
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành tạm thời không chịu thuế	2.557.094.720	(2.754.338.813)
Tổng cộng	160.916.058.091	13.015.078.715

26. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ. PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Nhà đầu tư (*)	3.875.300.452.021	377.740.519.393
Phải trả khác	3.234.571.065	1.012.868.753
Tổng cộng	3.878.535.023.086	378.753.388.146

(*) Phải trả các khoản tiền của Nhà đầu tư mà Công ty nhận quản lý.

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU**27.1 Lợi nhuận chưa phân phối**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lợi nhuận đã thực hiện	2.804.798.749.555	1.378.037.442.204
Lợi nhuận chưa thực hiện	750.790.632.173	74.250.222.780
Tổng cộng	3.555.589.381.728	1.452.287.664.984

27.2 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Ngày 01 tháng 01 năm 2021	2.204.301.690.000	121.220.121.529	(201.374.234.002)	136.055.521.001	106.753.793.998	1.452.287.664.984	3.819.244.557.510
• Phát hành cổ phiếu tăng vốn trong năm	2.145.145.180.000	967.781.363.000	-	-	-	-	3.112.926.543.000
• Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	2.382.923.585.189	2.382.923.585.189
• Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(107.257.259.000)	(107.257.259.000)
• Giao dịch cổ phiếu quỹ	-	414.602.470.658	201.239.803.392	-	-	-	615.842.274.050
• Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	85.583.874.171	-	(85.583.874.171)	-
• Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	-	-	-	85.583.874.171	(85.583.874.171)	-
• Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(1.196.861.103)	(1.196.861.103)
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	4.349.446.870.000	1.503.603.955.187	(134.430.610)	221.639.395.172	192.337.668.169	3.555.589.381.728	9.822.482.839.646

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.3 Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối kỳ trước (tại 1/1/2021 và 1/1/2020)	1.378.037.442.204	1.036.475.765.752
2. Lỗ chưa thực hiện cuối năm (tại 31/12/2021 và 31/12/2020)	-	-
3. Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	1.676.602.935.938	513.774.487.463
4. Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm((4)=(1)+(2)+(3))	3.054.640.378.142	1.550.250.253.215
5. Số trích từ lợi nhuận	(171.167.748.342)	(67.952.362.511)
Quỹ dự trữ vốn và điều lệ	(85.583.874.171)	(25.610.016.141)
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(85.583.874.171)	(25.610.016.141)
Trích quỹ từ thiện, quỹ phúc lợi và khen thưởng	-	(16.732.330.229)
6. Số lãi phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn trong năm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ	(107.257.259.000)	(104.260.448.500)
7. Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho Nhà đầu tư sở hữu Cổ phiếu	(2.837.439.550)	(1.891.693.975)
8. Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn	(104.419.819.450)	(102.368.754.525)

27.4 Cổ phiếu

Đơn vị tính: cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	434.944.687	220.430.169
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	434.944.687	220.430.169
• Cổ phiếu phổ thông	434.944.687	220.430.169
Số lượng cổ phiếu quỹ	(1.905)	(11.909.403)
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(1.905)	(11.909.403)
• Cổ phiếu phổ thông	(1.905)	(11.909.403)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	434.942.782	208.520.766
• Cổ phiếu phổ thông	434.942.782	208.520.766

28. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

28.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	357.471.380.000	202.414.608.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	132.160.550.000	139.160.550.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	16.106.700.000	91.225.964.000
Tổng cộng	505.738.630.000	432.801.122.000

28.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	31.504.330.000	174.310.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	26.000.000.000	-
Tổng cộng	57.504.330.000	174.310.000

28.3 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	13.348.033.000	10.282.980.200
Trái phiếu	1.025.491.500.000	-
Tổng cộng	1.038.839.533.000	10.282.980.200

28.4 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng chỉ quỹ	136.000.000.000	94.457.800.000
Cổ phiếu	29.588.025.000	91.269.500.000
Trái phiếu	4.299.756.742.255	599.300.100.000
Tổng cộng	4.465.344.767.255	785.027.400.000

28.5 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu	4.947.725.151.100	2.239.432.423.600
Tổng cộng	4.947.725.151.100	2.239.432.423.600

28.6 Tiền gửi Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.951.308.330.880	2.926.707.059.592
• Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	4.447.615.002.322	2.767.845.823.887
• Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	503.693.328.558	158.861.235.705
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	4.908.172.436.100	2.201.299.041.600
Tổng cộng	9.859.480.766.980	5.128.006.101.192

28.7 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	66.503.469.000	779.210.000
Tổng cộng	66.503.469.000	779.210.000

28.8 Phải trả Nhà Đầu tư của CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Nhà Đầu tư – Tiền gửi của Nhà Đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	9.861.920.938.023	5.126.892.901.913
• Của Nhà Đầu tư trong nước	9.358.227.609.465	4.968.031.666.208
• Của Nhà Đầu tư nước ngoài	503.693.328.558	158.861.235.705
Tổng cộng	9.861.920.938.023	5.126.892.901.913

28.9 Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	66.503.469.000	779.210.000
Tổng cộng	66.503.469.000	779.210.000

28.10 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	1.544.504.307	1.197.597.035
Tổng cộng	1.544.504.307	1.197.597.035

28.11 Phải trả của Nhà Đầu tư về dịch vụ cho CTCK

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả phí môi giới chứng khoán		
• Phải trả phí lưu ký chứng khoán	770.385.824	446.735.721
• Phải trả khác	591.600.000	666.600.000
Tổng cộng	1.361.985.824	1.113.335.721

28.12 Phải trả vay CTCK của Nhà Đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nghiệp vụ margin	14.547.281.172.606	4.345.873.720.019
Phải trả gốc margin (Thuyết minh 7.3)	14.418.161.051.359	4.304.069.699.912
• Phải trả gốc margin của Nhà Đầu tư trong nước	14.418.161.051.359	4.304.069.699.912
• Phải trả gốc margin của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
• Phải trả lãi margin	129.120.121.247	41.804.020.107
• Phải trả lãi margin của Nhà Đầu tư trong nước	129.120.121.247	41.804.020.107
• Phải trả lãi margin của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán (Thuyết minh 7.3)	1.055.383.755.823	401.884.081.544
• Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư trong nước	1.055.383.755.823	401.884.081.544
• Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của Nhà đầu tư nước ngoài	-	-
Tổng cộng	15.602.664.928.429	4.747.757.801.563

29. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

29.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán năm nay VND	Lãi bán chứng khoán năm trước VND
I. LÃI BÁN						
1. Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	55.021.249	47.375	2.606.628.761.735	2.193.395.559.500	413.233.202.235	60.130.339.810
2. Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	8.751.500	10.872	95.143.930.000	84.098.066.975	11.045.863.025	83.167.247.229
3. Trái phiếu niêm yết	154.029.004	107.689	16.587.200.955.677	16.542.315.086.741	44.885.868.936	54.017.960.000
4. Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết	463.546.041	297.720	138.007.042.345.845	137.612.998.527.168	394.043.818.677	329.455.772.060
5. Hợp đồng tương lai chỉ số					92.251.810.000	46.794.459.239
6. Chứng quyền phát hành niêm yết	77.313.700	1.850	142.998.972.725	107.705.316.950	35.293.655.775	16.825.342.766
Tổng cộng	758.661.494		157.439.014.965.982	156.540.512.557.334	990.754.218.648	590.391.121.104

29. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

29.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ bán chứng khoán năm nay VND	Lỗ bán chứng khoán năm trước VND
II. LỖ BÁN						
1. Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	24.222.263	48.943	1.185.502.151.144	1.294.643.745.233	109.141.594.089	117.485.077.268
2. Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	445.226	38.710	17.234.630.000	20.417.587.591	3.182.957.591	22.597.363.462
3. Trái phiếu niêm yết	67.747.300	106.464	7.212.615.020.978	7.223.418.176.200	10.803.155.222	7.648.960.000
4. Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết	166.785.924	132.838	22.155.529.969.900	22.471.570.205.416	316.040.235.516	152.545.791.427
5. Hợp đồng tương lai chỉ số					71.372.540.000	36.739.353.000
6. Chứng quyền phát hành niêm yết	73.418.750	3.477	255.282.525.404	425.532.618.390	170.250.092.986	19.845.901.152
Tổng cộng	332.619.463		30.826.164.297.426	31.435.582.332.830	680.790.575.404	356.862.446.309

29. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

29.2 Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm
I. Loại FVTPL					
1. Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ niêm yết	1.154.018.271.325	1.888.508.720.239	734.490.448.914	(60.741.818.799)	795.232.267.713
2. Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	117.102.777.369	124.213.121.791	7.110.344.422	20.744.299.489	(13.633.955.067)
3. Cổ phiếu và chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	299.099.033.271	349.293.056.787	50.194.023.846	(14.366.252.877)	64.560.276.723
4. Trái phiếu niêm yết	1.150.406.108.799	1.150.406.108.799	-	-	-
5. Trái phiếu chưa niêm yết	3.274.265.242.255	3.274.265.242.255	-	-	-
6. Chứng chỉ tiền gửi	5.829.340.315.474	5.829.340.315.474	-	-	-
Tổng cộng	11.824.231.748.493	12.616.026.565.345	791.794.817.182	(54.363.772.187)	846.158.589.369

29. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

29.3 Chênh lệch về đánh giá lại phải trả chứng quyền

Đơn vị tính: VND

Danh mục các loại chứng quyền công ty phát hành	Giá trị phát hành theo sổ kế toán	Giá trị thị trường	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại cuối năm	Số dư chênh lệch đánh giá lại tại đầu năm	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm
I. Loại Chứng quyền					
1. CHPG2115	6.356.849.500	1.400.000.000	4.956.849.500	-	4.956.849.500
2. CVHM2112	6.892.414.800	4.800.000.000	2.092.414.800	-	2.092.414.800
3. CFPT2107	2.538.667.800	1.267.264.000	1.271.403.800	-	1.271.403.800
4. CMSN2109	2.270.910.200	2.499.260.000	(228.349.800)	-	(228.349.800)
5. CTCB2110	3.173.891.300	1.657.530.000	1.516.361.300	-	1.516.361.300
6. CMBB2106	1.901.306.500	479.984.000	1.421.322.500	-	1.421.322.500
7. CVRE2111	2.011.918.800	1.346.625.000	665.293.800	-	665.293.800
8. CPNJ2108	1.656.671.700	961.584.000	695.087.700	-	695.087.700
9. CVPB2109	2.078.689.000	836.052.000	1.242.637.000	-	1.242.637.000
10. CSTB2111	2.196.164.100	3.242.195.000	(1.046.030.900)	-	(1.046.030.900)
11. CMWG2110	921.363.900	722.880.000	198.483.900	-	198.483.900
12. CTCB2009	-	-	-	(6.441.063.750)	6.441.063.750
13. CHPG2020	-	-	-	(5.786.679.000)	5.786.679.000
14. CFPT2010	-	-	-	(550.423.930)	550.423.930
15. CMBB2008	-	-	-	(450.459.340)	450.459.340
16. CVNM2012	-	-	-	(201.997.980)	201.997.980
17. CSTB2011	-	-	-	(157.827.840)	157.827.840
18. CMSN2010	-	-	-	(115.956.420)	115.956.420
19. CMWG2013	-	-	-	(36.249.600)	36.249.600
20. CVPB2010	-	-	-	(31.036.200)	31.036.200
Tổng cộng	31.998.847.600	19.213.374.000	12.785.473.600	(13.771.694.060)	26.557.167.660

29. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

29.4 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS, các khoản cho vay và phải thu

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Từ tài sản tài chính FVTPL	205.127.557.785	61.600.930.163
Từ tài sản tài chính HTM	427.299.168.789	381.018.448.651
Từ các khoản cho vay và phải thu	1.167.152.851.770	361.359.361.848
Từ tài sản tài chính AFS	55.913.709.530	54.996.572.396
Tổng cộng	1.855.493.287.874	858.975.313.058

30. CHI PHÍ DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	68.803.420.421	19.851.044.505
Chi phí dự phòng suy giảm các khoản đầu tư dài hạn	4.600.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị TSTC sẵn sàng để bán	-	(1.774.314.137)
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu khó đòi	594.175.000	419.282.000
Tổng cộng	73.997.595.421	18.496.012.368

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Chi phí hoạt động tự doanh	26.146.956.177	13.506.286.851
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	890.023.647.172	304.583.778.078
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	27.351.780.706	6.804.150.046
Chi nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	1.026.654.887	245.235.366
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	18.517.082.913	8.264.053.624
Chi phí các dịch vụ tài chính khác	13.964.019.238	13.689.768.278
Chi phí dịch vụ khác	181.317.478.132	18.688.147.205
Tổng cộng	1.158.347.619.225	365.781.419.448

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ (tiếp theo)

TỔNG HỢP CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THEO KHOẢN MỤC CHI PHÍ

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Chi phí môi giới chứng khoán	708.008.623.453	204.326.075.517
Chi phí hoạt động lưu ký	18.104.922.985	8.209.724.523
Chi phí lương và các khoản phúc lợi	224.996.854.163	125.842.497.481
Chi phí văn phòng phẩm	590.614.882	426.050.291
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.345.726.108	1.605.660.100
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.772.797.836	106.185.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.931.267.032	9.145.420.733
Chi phí khác	190.596.812.766	16.119.804.925
Tổng cộng	1.158.347.619.225	365.781.419.448

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lương và các khoản phúc lợi	157.775.756.694	95.769.815.079
Chi phí thuê văn phòng	37.712.292.175	56.659.380.795
Chi phí văn phòng phẩm	1.434.398.308	910.738.950
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.670.474.998	3.083.926.747
Chi phí khấu hao TSCĐ	19.756.738.072	20.032.133.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.680.658.398	30.269.632.308
Chi phí khác	19.275.832.017	20.599.350.761
Tổng cộng	300.306.150.662	227.324.978.578

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)

33.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ kế toán hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

Bảng ước tính thuế TNDN hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần trước thuế	2.980.220.642.291	862.064.826.327
Tổng các khoản điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	(825.863.027.000)	(81.448.233.296)
Các khoản điều chỉnh tăng	485.895.210.753	37.551.934.812
• Chênh lệch thuần do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	94.071.499.460	17.018.610.820
• Chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	314.880.204.980	-
• Chi phí dự phòng các khoản cho vay	73.997.595.421	20.270.326.505
• Chi phí không được trừ thuế	526.459.904	262.997.487
• Phân bổ lợi thế thương mại	2.419.450.988	-
Các khoản điều chỉnh giảm:	(1.311.758.237.753)	(119.000.168.108)
• Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức	(25.530.519.137)	(37.211.856.659)
• Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(1.161.038.794.349)	(72.716.852.201)
• Chuyển lỗ của Công ty con	(3.905.072.515)	-
• Chênh lệch thuần do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	(120.628.667.120)	-
• Điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	(655.184.632)	(9.071.459.248)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	2.154.357.615.291	780.616.593.031
• Thu nhập chịu thuế của VNDirect	2.150.363.916.169	783.623.842.374
• Thu nhập/(lỗ) chịu thuế của IPPAM	691.487.868	(2.803.601.760)
• Thu nhập/(lỗ) chịu thuế của IVND	3.454.342.580	(203.647.583)
• Lỗ chịu thuế của BH Capital	(152.131.326)	-
• Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	430.901.949.324	156.724.768.475
• Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành của VNDirect	430.072.783.234	156.724.768.475
• Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành của IPPAM	138.297.574	-
• Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành của IVND	690.868.516	-
Thuế TNDN phải trả đầu năm	59.552.157.817	41.524.197.984
• Điều chỉnh khác	1.196.861.103	138.858.641
• Thuế TNDN đã trả trong năm	(372.575.721.130)	(138.835.667.283)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	119.075.247.114	59.552.157.817

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN) (tiếp theo)

33.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hoãn lại

Biến động của TNDN hoãn lại trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số dư đầu năm	18.494.128.402	19.788.798.902
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(18.494.128.402)	(1.294.670.500)
Số dư cuối năm	-	18.494.128.402

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	13.015.078.715	1.875.430.419
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	142.589.545.844	14.543.370.460
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại chứng quyền đang lưu hành	5.311.433.532	(3.403.722.164)
Số dư cuối năm	160.916.058.091	13.015.078.715

Công ty đã ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hoãn lại do phần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	161.083.674.246	15.838.040.960
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá lại chứng quyền đang lưu hành	5.311.433.532	(3.403.722.164)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	166.395.107.778	12.434.318.796

34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế của năm 2020. Cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

34. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	2.382.923.585.189	676.034.550.186
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.382.923.585.189	676.034.550.186
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	2.382.923.585.189	676.034.550.186
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	314.282.496	208.534.492
Ảnh hưởng suy giảm do:		
Quyền mua cổ phiếu	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	314.282.496	208.534.492
Lãi cơ bản trên cổ phiếu - VND	7.582	3.242

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**35.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Ong Trung ương	Có ảnh hưởng đáng kể Giám đốc Tài chính của Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT của bên liên quan
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Thành viên HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Tổng Giám đốc bên liên quan Giám đốc Tài chính của Công ty đồng thời là Tổng Giám đốc bên liên quan
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	Thành viên HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan
Công ty TNHH Bất động sản ANVIE	Thành viên HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan
Công ty Cổ phần Thực phẩm HOMEFOOD	Chủ tịch HĐQT Công ty đồng thời là Chủ tịch HĐQT bên liên quan
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện	Phó Chủ tịch thường trực Công ty đồng thời là Thành viên HĐQT bên liên quan
Bà Phạm Minh Hương	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Điều hành vận hành
Ông Vũ Hiền	Thành viên HĐQT Công ty

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**35.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)**

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)		Doanh thu/(chi phí)
		Số cuối năm	Số đầu năm	
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư I.P.A	Tài khoản giao dịch chứng khoán	(3.892.855.171)	(1.466.195.705)	-
	Phải trả khác	(1.112.602.741)	-	-
	Doanh thu dịch vụ chứng khoán khác	-	-	2.004.366.066
	Chi phí thuê văn phòng	-	-	(9.748.919.638)
	Chi phí khác	-	-	(21.399.649.826)
	Trả lãi tiền gửi	-	-	(3.230.180.332)
Tổng Công ty Bảo hiểm Bưu điện (PTI)	Tài khoản giao dịch chứng khoán	(30.112.346.471)	(172.919.119)	-
	Doanh thu phí	-	-	342.572.630
	Trả lãi không kỳ hạn	-	-	(2.687.183)
Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà	Tài khoản giao dịch chứng khoán	(44.426.046)	(7.610.091.909)	-
	Trả lãi tiền gửi	-	-	(26.824.091)
Công ty TNHH Bất động sản ANVIE	Tài khoản giao dịch chứng khoán	(89.874.316)	(89.638.964)	-
	Trả lãi tiền gửi	-	-	(98.602)
	Trả tiền thuê nhà	-	-	(884.400.000)
Công ty Cổ phần Thực phẩm HOMEFOOD	Tài khoản giao dịch chứng khoán	(527.967)	(527.394)	-
	Các khoản phải trả khác	(178.614.584)	(2.500.000.000)	-
	Trả lãi không kỳ hạn	-	-	(573)
	Chi phí hoạt động	-	-	(3.337.494.151)

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**35.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)**

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

Đơn vị tính: VND

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)		Doanh thu/(chi phí)
		Số cuối năm	Số đầu năm	
Công ty Cổ phần Ong Trung Ương	Tài khoản giao dịch chứng khoán	(14.241.426)	(2.820.254)	-
	Đặt cọc mua bất động sản	80.000.000.000	80.000.000.000	-
	Đặt cọc khác	27.000.000	27.000.000	-
	Tiền gửi Hỗ trợ lãi suất	(1.500.000.000)	-	-
	Trả lãi tiền gửi	-	-	(92.481.508)
	Chi phí khác	-	-	(144.000.000)
Bà Phạm Minh Hương	Sở hữu cổ phiếu (mệnh giá)	128.289.180.000	64.144.590.000	-
	Tài khoản giao dịch chứng khoán	(381.148.838)	(358.486.328)	-
	Doanh thu phí	-	-	29.661.689
	Trả cổ tức	-	-	(3.046.868.025)
Ông Vũ Hiền	Sở hữu cổ phiếu (mệnh giá)	1.800.000	1.800.000	-
	Tài khoản giao dịch chứng khoán	(67.061.280)	(4.057.825.519)	-
	Doanh thu phí	-	-	39.620.714
	Trả lãi không kỳ hạn	-	-	(16.883.129)
	Trả cổ tức	-	-	(85.500)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương và thưởng	15.374.133.000	9.656.792.489

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Các bộ phận khác	Tổng cộng
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021					
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.782.138.582.836	2.533.462.947.432	427.299.168.789	308.471.760.044	6.051.372.459.101
2. Các chi phí trực tiếp	1.168.992.904.369	1.305.121.760.736	31.480.897.912	264.903.406.882	2.770.498.969.899
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế phân bổ	1.613.145.678.467	1.228.341.186.696	395.818.270.877	43.568.353.162	3.280.873.489.202
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	138.066.749.992	125.725.942.459	21.205.200.874	15.308.257.337	300.306.150.662
4. Lỗ từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	346.696.249	346.696.249
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	1.475.078.928.475	1.102.615.244.237	374.613.070.003	27.913.399.576	2.980.220.642.291
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021					
1. Tài sản phân bổ	15.473.544.807.182	12.865.746.889.897	8.331.561.356.636	-	36.670.853.053.715
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	423.921.420.180	423.921.420.180
Tổng tài sản	15.473.544.807.182	12.865.746.889.897	8.331.561.356.636	423.921.420.180	37.094.774.473.895
1. Nợ phải trả bộ phận	-	1.110.406.844.383	25.675.321.491.056	-	26.785.728.335.439
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	486.563.298.810	486.563.298.810
Tổng công nợ	-	1.110.406.844.383	25.675.321.491.056	486.563.298.810	27.272.291.634.249

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.2 Thông tin báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Tự doanh	Kinh doanh nguồn vốn	Các bộ phận khác	Tổng cộng
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020					
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	839.552.776.761	831.385.851.000	381.018.448.651	85.123.207.820	2.137.080.284.232
2. Các chi phí trực tiếp	469.148.856.989	447.987.397.803	66.291.257.287	62.501.462.772	1.045.928.974.851
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế phân bổ	370.403.919.772	383.398.453.197	314.727.191.364	22.621.745.048	1.091.151.309.381
3. Khấu hao và các chi phí không phân bổ	89.454.856.186	88.584.665.306	40.597.746.171	9.069.929.283	227.707.196.946
4. Lỗ từ kết quả hoạt động khác	-	-	-	1.379.286.108	1.379.286.108
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	280.949.063.586	294.813.787.891	274.129.445.193	12.172.529.657	862.064.826.327
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020					
1. Tài sản phân bổ	4.705.953.781.456	4.217.304.645.423	5.769.726.887.674	-	14.692.985.314.553
2. Tài sản không phân bổ	-	-	-	283.098.997.548	283.098.997.548
Tổng tài sản	4.705.953.781.456	4.217.304.645.423	5.769.726.887.674	283.098.997.548	14.976.084.312.101
1. Nợ phải trả bộ phận	-	413.365.510.220	10.587.084.532.129	-	11.000.450.042.349
2. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	156.389.712.242	156.389.712.242
Tổng công nợ	-	413.365.510.220	10.587.084.532.129	156.389.712.242	11.156.839.754.591

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.3 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	9.116.455.927	344.771.350
Từ 1 - 5 năm	43.328.570.490	77.714.589.030
Tổng cộng	52.445.026.417	78.059.360.380

Đơn vị tính: VND

35.4 Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho nhà đầu tư để mua chứng khoán.

35.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, chứng quyền có bảo đảm và các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty và các công ty con. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và các công ty con và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất của Công ty tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty) và các khoản đầu tư vào các công ty con ở nước ngoài.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá định kỳ dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thường xuyên thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Nguồn vốn của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong Báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5, Thuyết minh số 7.2 và Thuyết minh số 11. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát của Công ty và đồng thời đảm bảo tuân thủ yêu cầu của Ủy ban chứng khoán.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 9. Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Tổng cộng	Số dư đã dự phòng	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm			
				< 80 ngày	81-180 ngày	>180 ngày	>210 ngày
Số đầu năm	4.705.953.781.456	29.032.355.158	4.631.317.312.249	25.878.486.909	816.481.370	230.968.468	18.678.177.302
Số cuối năm	15.473.544.807.182	9.380.663.142	15.326.509.449.074	126.759.007.567	3.248.561.703	128.949.340	7.518.176.356

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ và tài sản tài chính sẵn sàng để bán, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 – 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2021						
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	2.094.329.942.266	607.231.414.370	-	-	2.701.561.356.636
Tài sản tài chính	137.654.694.966	13.671.410.321.168	19.592.506.356.393	318.000.000.000	23.861.291.200	33.743.432.663.727
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	12.616.026.565.345	-	-	-	12.616.026.565.345
Giữ đến ngày đáo hạn	-	-	5.312.000.000.000	318.000.000.000	-	5.630.000.000.000
Các khoản cho vay (không bao gồm dự phòng)	137.654.694.966	1.055.383.755.823	14.280.506.356.393	-	-	15.473.544.807.182
Sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-	-
Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	-	23.861.291.200	23.861.291.200
Tài sản khác	5.616.671.429	608.533.079.118	84.091.517.160	4.984.688.266	59.143.894.722	762.369.850.695
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	84.091.517.160	4.984.688.266	-	89.076.205.426
Phải thu khác (không bao gồm dự phòng)	5.616.671.429	551.771.721.217	-	-	-	557.388.392.646
Tài sản khác	-	56.761.357.901	-	-	-	56.761.357.901
Tài sản cố định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang)	-	-	-	-	59.143.894.722	59.143.894.722
Tổng cộng	143.271.366.395	16.374.273.342.552	20.283.829.287.923	322.984.688.266	83.005.185.922	37.207.363.871.058

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**35.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 – 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
NỢ PHẢI TRẢ						
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	20.448.678.287.066	-	-	20.448.678.287.066
Trái phiếu phát hành	-	-	500.000.000.000	750.000.000.000	-	1.250.000.000.000
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	1.110.406.844.383	-	-	-	1.110.406.844.383
Chi phí phải trả	-	-	98.108.180.904	-	-	98.108.180.904
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	222.439.403.897	-	-	-	222.439.403.897
Phải trả, phải nộp khác	-	76.148.873.656	3.875.300.452.021	-	-	3.951.449.325.677
Tổng cộng	-	1.408.995.121.936	24.922.086.919.991	750.000.000.000	-	27.081.082.041.927
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	143.271.366.395	14.965.278.220.616	(4.638.257.632.068)	(427.015.311.734)	83.005.185.922	10.126.281.829.131

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

35.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty cũng sử dụng các tài sản tài chính ngắn hạn và dài hạn để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại các ngân hàng thương mại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số dư các tài sản tài chính được đảm bảo cho các khoản vay là 13.554.2 tỷ đồng.

Công ty có giữ các khoản chứng khoán như tài sản cầm cố của khách hàng cho các khoản cho vay ký quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

36. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 4.1. Công ty đã phân loại lại một số dữ liệu trên báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 cho phù hợp với cách trình bày của năm nay, chi tiết như sau:

Trích từ Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Số đầu năm (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh	Số đầu năm (sau điều chỉnh)
21	Lỗ từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	289.858.456.088	(25.494.191)	289.832.961.897
21.3	Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL	25.494.191	(25.494.191)	-
26	Chi phí hoạt động tự doanh	-	13.506.286.851	13.506.286.851
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	194.472.630.819	110.111.147.259	304.583.778.078
28	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	6.804.150.046	6.804.150.046
29	Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	245.235.366	245.235.366
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	16.248.541.264	(7.984.487.640)	8.264.053.624
31	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	-	13.689.768.278	13.689.768.278
32	Chi phí dịch vụ khác	24.345.941.481	(5.657.794.276)	18.688.147.205
40	TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	543.421.582.020	130.688.811.693	674.110.393.713
62	CHI PHÍ QUẢN LÝ	358.013.790.271	(130.688.811.693)	227.324.978.578

36. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Trích từ thuyết minh số 31 – Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh	Số đầu năm (sau điều chỉnh)
Chi phí hoạt động tự doanh	-	13.506.286.851	13.506.286.851
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở, chi phí lương, chi phí theo lương, chi phí khác)	194.472.630.819	110.111.147.259	304.583.778.078
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	6.804.150.046	6.804.150.046
Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	-	245.235.366	245.235.366
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	16.248.541.264	(7.984.487.640)	8.264.053.624
Chi phí các dịch vụ tài chính khác	-	13.689.768.278	13.689.768.278
Chi phí dịch vụ khác	24.345.941.481	(5.657.794.276)	18.688.147.205
Tổng cộng	235.067.113.564	130.714.305.884	365.781.419.448

Theo khoản mục chi phí:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh	Số đầu năm (sau điều chỉnh)
Chi phí môi giới chứng khoán	101.806.843.217	102.519.232.300	204.326.075.517
Chi phí hoạt động lưu ký	16.248.541.264	(8.038.816.741)	8.209.724.523
Lương và các khoản phúc lợi	89.201.450.082	36.641.047.399	125.842.497.481
Chi phí văn phòng phẩm	-	426.050.291	426.050.291
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	1.605.660.100	1.605.660.100
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	106.185.878	106.185.878
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.723.791.306	(4.578.370.573)	9.145.420.733
Chi phí khác	14.086.487.695	2.033.317.230	16.119.804.925
Tổng cộng	235.067.113.564	130.714.305.884	365.781.419.448

36. DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG (tiếp theo)

Trích từ thuyết minh số 32 – Chi phí quản lý công ty chứng khoán:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số đầu năm (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh	Số đầu năm (sau điều chỉnh)
Lương và các khoản phúc lợi	217.451.173.058	(121.681.357.979)	95.769.815.079
Chi phí thuê văn phòng	56.659.380.795	-	56.659.380.795
Chi phí văn phòng phẩm	462.823.843	447.915.107	910.738.950
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.898.964.914	(815.038.167)	3.083.926.747
Chi phí khấu hao TSCĐ	20.636.946.936	(604.812.998)	20.032.133.938
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.060.117.903	(25.790.485.595)	30.269.632.308
Thuế, phí, lệ phí	418.303.201	(418.303.201)	-
Chi phí khác	2.426.079.621	18.173.271.140	20.599.350.761
Tổng cộng	358.013.790.271	(130.688.811.693)	227.324.978.578

Trích từ thuyết minh số 34 – Lãi trên cổ phiếu:

Đơn vị tính: VND

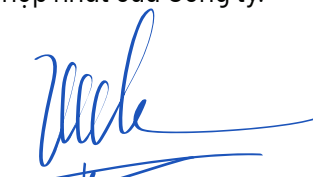
Chỉ tiêu	Số đầu năm (trước điều chỉnh)	Điều chỉnh	Số đầu năm (sau điều chỉnh)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông - VND	692.766.880.415	(16.732.330.229)	676.034.550.186
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	692.766.880.415	(16.732.330.229)	676.034.550.186
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	692.766.880.415	(16.732.330.229)	676.034.550.186
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu - VND	3.322	(80)	3.242

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



Ông Tô Minh Đức
Người lập



Bà Trần Thị Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Vũ Long
Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 02 năm 2022